

## **Tác Giả và Tác Phẩm**

### **Xuân Diệu (II)**

#### **Tiểu sử**

Sinh ngày 2.2.1917 tại Gò Bồi, Bình Định.  
Mất ngày 18.12.1985 tại Hà Nội.

#### **Tác phẩm**

Biên khảo: Các nhà thơ cổ điển Việt Nam I & II, Hồ Xuân Hương bà chúa thơ Nôm  
Thi hào dân tộc Nguyễn Du, thơ Trần Tế Xương, Đọc thơ Nguyễn Khuyến, Tìm hiểu Tản Đà



#### **Mục Lục**

Xuân Diệu – Bùi Giáng – 2  
Hành trình Xuân Diệu - Đặng Tiến – 5  
Thương vay - Thu Tứ - 12

#### **Phụ đính I :**

**Thơ Xuân Diệu Tuyển 1 @ 2**

#### **Phụ đính II :**

Giải mã nghi án giới tính của “ông hoàng thơ tình” Xuân Diệu - Lã Xưa - 39  
Xuân Diệu, nhà thơ đồng tính luyện ái – Trần Thy Vân - 41  
Xuân Diệu và Huy Cận: hai nhà thơ đồng tính luyện ái? – Minh Nguyệt – 47  
Xuân Diệu và Tô Hoài, và "Mối tình trai" - Trần Nghi Hoàng – 53  
Chuyện người vợ một đêm của ông hoàng thơ tình Xuân Diệu - Xuân Anh – 58  
Mối tình Xuân Diệu & Bạch Diệp qua di cảo thơ - Phan Trọng Chánh - 62

#### **Phụ đính III:**

**Văn Xuân Diệu**  
**Phấn thông vàng - Toả nhị kiều - Thương vay - Cái hoá lò**

*(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)*

## Xuân Diệu Bùi Giáng

Dường như thuở bấy giờ ông linh cảm rằng ngày mai chỉ còn đau khổ và tan nát trên mặt đất quê hương, nên trong tiếng thơ thanh xuân của ông, ông đã dốc hết ra một lần tất cả niềm vui và nỗi buồn của thời đại.



### Gửi hương cho gió

*Biết bao hoa đẹp trong rừng thẳm  
Đem gửi hương cho gió phụng phàng  
Mất một đời thơm trong kẽ núi  
Không người du tử đến nhằm hang*

*Hoa ngổ đem hương gửi gió kiêu  
Là truyền tin thắm gọi tình yêu*

*Song le hoa đợi càng thêm tủi  
Gió mặc hồn hương nhạt với chiều*

*Tản mác phương ngàn lạc gió cầm  
Dưới rừng hương đẹp chẳng tri âm  
Trên rừng hoa đẹp rơi trên đá  
Lặng lẽ hoàng hôn phủ bước thẳm*

*Tình yêu muôn thuở vẫn là hương  
Biết mấy lòng thơm mở giữa đường  
Đã mất tình yêu trong gió rủi  
Không người thấu rõ đến nguồn thương*

*Thiên hạ vô tình nhận ước mơ  
Nhận rồi không hiểu mộng và thơ  
Người si muôn kiếp là hoa núi  
Uổng nhụy lòng tươi tặng khách hờ.  
(Xuân Diệu)*

Xuân Diệu có chỗ đặc biệt là: ông nói tới niềm bi đát tồn sinh, ông nói rất ráo cùng cực, mà vẫn ẩn ẩn một chút mỉm cười mát mẻ. Những hình tượng ông vẽ ra bay múa rộn ràng khiến cho thảm kịch trở thành một ân huệ mưa móc. Nỗi đời gay gắt biến làm màu sắc phiêu du. Đoạn trường trở thành mùi hương rớt hột.

Người thi sĩ vốn tiềm tàng một chứa chất một tư lự hoảng vĩ của những linh hồn thượng đạt, nên ngôn ngữ quay cuồng đủ hướng vẫn qui về thể thái phiêu nhiên niêm hoa vi tiểu của Khổng Tử điềm đạm trang nghiêm; niêm hoa vi tiểu của Như Lai heo hút man mác; niêm hoa vi tiểu của Long Thọ Bồ Tát và Heidegger đi bước nghiêm mật trừu tượng trong ngôn ngữ quẩn quẩn quanh quanh thoáng hiện thoáng ẩn: niêm hoa vi tiểu của Huy Cận suốt bình sinh thốt tiếng ngậm ngùi; niêm hoa vi tiểu của Trang Tử “mộ tứ nhi triêu tam, triêu tứ nhi mộ tam”. Niêm hoa vi tiểu của Xuân Diệu “lòng tôi đó một vườn hoa cháy nắng, xin lòng người mở cửa ngó lòng tôi”...

*Biết bao hoa đẹp trong rừng thẳm  
Đem gửi hương cho gió phũ phàng  
Mất một đời thơm trong kẽ núi  
Không người du tử đến nhằm hang*

Trong kẽ núi? Là nơi chốn của những hang hốc ngổn ngang um tùm cỏ mọc. Hương hoa mất cả một đời thơm trong kẽ núi. Nghĩa là gió phũ phàng không đem hương hoa về đồng nội thôn làng thôn ỏ, cho nhân gian tiếp đón. Gió phũ phàng đẩy hương vào trong kẽ núi tối om om, lạnh căm căm, chịu đọa đày trong quạnh hiu tù ngục. Một đời thơm mất đi trong kẽ núi đá đờ đẫn ra như thế, thì kẻ cũng đã thiếu não lắm thay. Còn khốn đốn hơn tình cảnh Thuý Kiều lênh đênh đầu nũa cũng là lênh đênh. Bởi vì lênh đênh là trôi dạt. Trôi dạt thì còn dịp được tấp vào bờ. Hoặc còn mong lưu ly thì được gặp bàn tay tế độ của Thúc, của Từ... Mà cho dẫu không gặp bàn tay nào cả, thì riêng cái việc được lưu ly cũng là thơ mộng. Có chìm, có nổi, có diu dặt, có nhấp nhô.

Còn như? Còn như cái sự tình mất một đời thơm trong kẽ núi, là cái sự tình ngọt ngào, không khác chi bị vùi chôn trong nấm mồ, chẳng khác chi cái nhà mồ Siêu Hình Học Âu Châu đã chôn vùi sấp ngửa Nerval Hölderlin.

Bị vùi chôn ngọt thờ, hy vọng có người du tử nào ngẫu nhiên đi nhằm hang trúng hổ, mà cứu ra? Nhưng núi non thì trùng trùng điệp điệp, hang hổ thì hàng triệu ngổn ngang, nằm ứ lỳ trong tịch mịch.

Hy vọng được cứu thoát là hy vọng của tuyệt vô hy vọng.

*Biết bao hoa đẹp trong rừng thẳm  
Đem gửi hương cho gió phũ phàng*

Biết bao hoa đẹp? Hoa đẹp của rừng thẳm rừng thiêng? Loại hoa đó không giống loại hoa của phồn hoa sơn phấn. Loại hoa đó u nùng như rừng thẳm âm u. Loại hoa đó mọc từ uyên nguyên vũ trụ. Từ giữa lòng tịch hạp của càn khôn.

Nó tin cậy đem ký thác tinh thể nó cho gió. Thấy gió phiêu bồng chịu chơi, nó hân hoan gửi hương cho gió. Thì đừng một cái, vừa gửi đi, thoát thấy mình chết đấm. Tại sao gió không mang nó đi tỏa ra man mác bốn chân trời chân mây tứ hải. Gió lại chơi khăm đưa nó vào trong kẽ núi bịt bùng. Cái tiếng phũ phàng chơi lại đem gửi. Chơi một cách kịch liệt. Đem gửi? Đem ra mà gửi? Là tin cậy mới đem ra. Gửi đi là kỳ vọng.

Bốn câu tiếp chậm rãi nói ra sự tình trở trêu các cứ:

*Hoa ngở đem hương gửi gió kiêu  
Lá truyền tin thắm gọi tình yêu  
Song le hoa đợi càng thêm tủi  
Gió mặc hồn hương nhạt với chiều...*

Mọi tiếng không một tiếng nào không nói ra có sự ảo não. Hoa bản chất vốn là phù du. Đợi nhiều như thế thì còn gì tinh thể của hoa:

*Gió mặc hồn hương nhạt với chiều*

Chiều là hoàng hôn. Hoàng hôn là đêm tối. Đêm tối là dậm khuya ngát tạnh mù khơi. Ngát tạnh mù khơi là câm nín. Không một âm thanh tương ứng vọng lại suốt rừng cao, lũng thấp, còn bãi lè tè.

*Tán mác phương ngàn lạc gió câm  
Dưới rừng hương đẹp chẳng tri âm*

*Trên rừng hoa đẹp rơi trên đá  
Lặng lẽ hoàng hôn phủ bước thăm*

Gió cầm? Gió sao lại cầm? Nó cầm bởi vì nó điếc. Nó không nghe cái lời. Nếu nó có nghe cái lời thì ắt nó không điếc. Nó không điếc thì ắt nó không cầm. Nó không cầm ắt nó thốt lời đáp. Nhưng sự tình trái hẳn. Dưới rừng cũng như trên rừng, hai ngã đều lạnh giá cầm nín cả hai.

*Dưới rừng hương đẹp chẳng tri âm  
Trên rừng hoa đẹp rơi trên đá*

Nếu rơi trên đất còn khả dĩ gọi là. Mà nếu rơi được trên giòng khe thì càng may mắn hơn nữa. Nhưng hoa đẹp rơi trên đá? Rơi trên đá thì còn ra cái thể thống gì? Thì cũng tỷ như cô Marceline rơi rụng cái hồng nhan mình trên cái hình hài anh chàng Michel (L'Immoraliste).

Hoặc cái chú Jan chạm phải cái phũ phàng cứng rắn của cô em gái Martha. Hoặc cái cứng nguội Caesonia Seiphion vấp phải cái khối Caligula sa mạc.

Sa mạc phát tiết anh hoa ra ngoài một phen thì sự tình đi tới chỗ trầm trọng bất khả vãn hồi. Jésus Christ phải lên Calvaire, song song với hai tên trộm cướp...

*Tình yêu muôn thuở vẫn là hương  
Biết mấy lòng thơm mở giữa đường  
Đã mất tình yêu trong gió rui...*

Cái trận gió rui kia đã đem tai họa đến cho gia đình Nguyễn Trãi. Đã xô Nguyễn Du về giữa triều đình Gia Long. Đó là nơi chốn phát tiết tiếng thơ xưa kia :  
*Kim cổ vô cùng giang mạc mạc.*

Và:  
*Chắc chi thiên hạ đời nay  
Mà đem non nước làm rầy chiêm bao*

Và:  
*Người đâu tá? Quê nhà chưa tỏ  
Tuổi bao nhiêu? tên họ là chi?  
Đã sinh cùng nước cùng thì  
Cùng ta không biệt mà ly bao giờ?*

Không biệt mà ly có nghĩa là: mất hết mọi tương ứng thông cảm. Xô bồ chém giết nhau đủ lối. Thì như thế cõi đời không còn là cõi sống của con người ta. Lúc Jésus Christ nói với Ponce Pilate: "Vương quốc ta không phải là cõi đời này" thì ý Ngài muốn nói gì như thế?

Nói xong câu đó, thì Ngài im lặng. Ponce Pilate hỏi: "Bọn chúng lên án Ngài lan tràn như thế, Ngài nghĩ sao?" Jésus Christ vẫn im lặng.

Ấy bởi vì câu nói trên của Ngài đã là lời đáp cho mọi câu hỏi rồi. Ngài không phải là con dân của non nước này, thì luật lệ của non nước này sao có thể lên án Ngài. Ngài chỉ ghé lại viếng chơi giây lát, ôn tồn tâm sự phút giây, rồi phiêu nhiên nhi khứ, như đã phiêu nhiên như lai...

Mọi oan nghiệt trần gian thế là được gột rửa sạch sẽ vệ sinh.  
 Trong trận lạng lẽ kia của Ngài, chẳng còn ai giết ai, chẳng còn ai anh hùng hữu hận...  
 Ngài đã đóng xong vai trò của thân thể ở trong cuộc hý trường hư vô kim cổ vô cùng giang  
 mạc mạc.

Bài thơ của Xuân Diệu không có nói ra như thế. Lời thơ Nguyễn Trãi cũng không. Nhưng  
 nó đã bao hàm tất cả những gì chuẩn bị cho linh hồn con người ta thể hội sự tình kia, trong  
 cái thể điệu thi ca hiu hiu hắt hắt. Nó nói chuyện hoa rừng mà không phải chuyện hoa rừng.  
 Nó nói chuyện người thơ, mà không hẳn là chuyện người thơ. Nó nói một đường để người  
 ta nghe một ngả. Nó nói chuyện bà la mật để người ta thấy bí ngạn là thử biên. Mà thử biên  
 cũng có thể là vô biên vô tế. Vô biên vô tế cũng có thể là hư vô mà cũng có thể là không  
 phải là hư vô. Non nước ta không phải ở cõi đời này nhưng vì sao ta lại về đây và gieo  
 Phúc Âm vào cho non nước? Gieo vào cho non nước, mà vẫn biết trước rằng non nước  
 chẳng nghe ra. Non nước chẳng nghe ra thì công gieo là công uổng. Công uổng là luống  
 công lao. Thế tại sao lại bận lòng gieo rắc? Bận lòng gieo rắc mà lòng dạ vẫn chẳng bận  
 tâm. Chẳng bận tâm sao có sự đoạn trường. Sao có sự vụ đoạn trường tân thanh? Đã có  
 đoạn trường tân thanh sao còn gọi là góp nhặt lời quê mua vui một vài trống canh cũng  
 được? Mua vui chơi một cuộc sao còn thở than "*bất tri tam bách dư niên hậu?*".

Nêu câu hỏi lai rai ráo riết như thế rốt cuộc ta chạm phải cái gì? Ấy là lời thơ hắt hiu đồng  
 Bương Cấn:

*Bao giờ ta gặp em lần nữa  
 Ngày ấy thanh bình chắc nở hoa  
 Đã hết sắc màu chinh chiến cũ  
 Còn có bao giờ em nhớ ta?*

Triệt ngộ cái lẽ ẩn mật trong nếp gấp thi ca, từ đó về sau chẳng bao giờ ta còn dám trách  
 chúa Jésus mâu thuẫn. Tại sao lúc Ngài bảo là non nước này chẳng phai non nước của  
 Ngài, rồi lúc lâm biệt, ngài lại thở than: "Hỡi Thượng Đế ! Vì sao Người bỏ rơi con !".  
 (Xem *Trăng Châu Thổ*).

## Hành trình Xuân Diệu Đặng Tiến

Xuân Diệu, đi vào làng thơ qua cửa báo Phong Hóa, 1935, sẽ trở thành đoàn viên thứ bảy  
 trong nhóm thất tinh Tự Lực văn đoàn. Là người của Cõi Thơ, đã đem thơ về lại Cõi Người: đó  
 là hành trình ảo diệu của một mùa xuân, qua khúc quanh Cách mạng tháng Tám.  
 Cõi Thơ Xuân Diệu, thuở ấy, là một hành tinh riêng, long lanh ngôn ngữ và dịu dặt âm giai  
 trong quy luật tuần hoàn và sinh hóa riêng. Những vườn thơm và những con đường nhỏ,  
 những đêm trăng và những buổi chiều, những cành tơ hoa mới. Và rất nhiều, rất nhiều trai trẻ  
 yêu nhau<sup>1</sup>.

*Tôi khờ khạo lắm, ngu ngơ quá  
 Chỉ biết yêu thôi chẳng biết gì  
 Vì sao, tr.68*

Chàng trai "ngu ngơ" ấy đã là lướt buông tay người đẹp xuống một mùa Xuân Huyền Diệu, mùa  
 thơ Xuân Diệu.

*Hãy tự buông cho khúc nhạc hường  
 Dẫn vào thế giới của Du dương,*

*Ngừng hơi thở lại nghe trong ấy  
Hiển hiện hoa và phảng phất hương [...]  
Hãy uống thơ tan trong khúc nhạc,  
Ngọt ngào kêu gọi thuở xa khơi.*

Huyền Diệu, tr.70

"Ngừng hơi thở lại": là điều khách phải biết, vì thế trong giới huyền diệu đó, không ai thở, vì không thở vẫn sống, vẫn hưởng được hoa hương, mà khỏi làm vẩn đục không gian, khỏi làm loãng "âm điệu thần tiên thám tận hồn".

Rồi giai nhân, trong hành tinh kia, cùng với người yêu, bước sang vườn bên cạnh:

*Trong vườn đêm ấy nhiều trăng quá  
ánh sáng tuôn đầy các lối đi  
Tôi với người yêu qua nhè nhẹ  
Im lìm, không dám nói năng chi.*

Trăng, tr.69

Nhưng khi rời Cõi Thơ ấy, khách lại phải về với Cõi Người, để nghe một cô gái khác:

*Thấy anh em cũng muốn theo  
Em sợ anh nghèo, anh bán em đi  
Lấy anh em biết ăn gì  
Lộc sản thì chát, lộc si thì già  
Lấy anh không cửa, không nhà,  
Không cha, không mẹ biết là cậy ai?*

Ca dao

Cô này không những phải thở, mà lại còn đòi ăn, đòi cửa đòi nhà, đòi cha đòi mẹ, lời thôi quá! Yêu cô làm gì cho vất vả, mà chắc gì cô đã đẹp bằng cô trên kia!

Trong những người làm thơ, trước và sau Cách mạng, Xuân Diệu là một trong những người sáng suốt nhất. Sáng suốt trước cuộc đời, trong văn chương, và trước lòng mình, trước nghệ thuật của mình, anh luôn luôn minh mẫn. Trong bài *Mời yêu anh* nói thẳng:

*Ta tưởng tượng một tình duyên mới nụ  
Người được nói, tôi được nghe, là đủ  
Thực càng hay, mà giả dối lại sao? [...]  
Tôi lắng đợi! Nhịp lòng tôi đứng lại!  
Tôi cần tin, tôi khao khát được nhằm!  
Cho tôi mơ một ảo tưởng âm thầm,  
Và mặc kệ đó là dối trá  
Mở miệng vàng! Và hãy nói yêu tôi!  
Dẫu chỉ là trong một phút mà thôi.*

Tr.112

Khi đã nói ngay ra là mình "khao khát được nhằm" và "mơ ảo tưởng" thì con người không còn "dối trá" nữa, dù là dối mình hay dối người. Chẳng qua là ở một giai đoạn nào đó. Xuân Diệu phải làm thơ như thế.

*Tôi réo rất chẳng qua trời bắt vẫy  
Chiếc thuyền lòng, nước đẩy phải trôi theo  
Gió đã thổi, cho nên buồm phải dấy  
Hồn vu vơ, tội ấy ở mây đèo.*

Lời thơ vào tập "Gửi hương cho gió", tr.104

Thơ Xuân Diệu, trước Cách mạng, đã thành công mỹ mãn vì một lý do, anh đã bắt đúng mạch thời đại, đã tận dụng tâm hồn phong phú và ngôn ngữ thần tình của mình, để tạo cho một thế hệ thanh niên "cái ảo giác tự do và cái ảo ảnh hạnh phúc".

Vấn đề đặt ra có vẻ mông lung, nhưng thực tế thì đơn giản. Tự do, ở phạm vi này, chỉ là tự do yêu đương, đưa đến hạnh phúc trong nghĩa hẹp: hạnh phúc lứa đôi. Câu chuyện của tôi sẽ được thu vào một kích thước nhỏ: thơ Xuân Diệu đã đáp ứng lại nhu cầu sâu xa của các thế hệ, một giấc mơ bình thường: tình yêu và hạnh phúc.

Xuân Diệu sinh năm 1916, một năm sau khi thực dân Pháp bãi bỏ thi hương ở Bắc Kỳ và hai năm trước khi bãi thi hương ở Trung Kỳ. Chính quyền bảo hộ, sau khi đã xây dựng vững vàng nền thuộc địa, đã bắt đầu khai thác tài nguyên, cố lập triều đình Huế, tìm cách bôi xóa truyền thống Việt Nam qua các chế độ khoa cử, vì khoa cử là một thành phần của nền móng phong kiến Việt Nam. Nói khác đi, Xuân Diệu là thế hệ thanh niên Việt Nam đầu tiên bị bắt buộc học chữ Pháp, học trường Pháp - Việt vì không còn một sự lựa chọn nào khác. Thời đó, ai còn học chữ Hán, là học thêm (trường Bưởi năm 1927 dạy một giờ chữ Hán mỗi tuần); đó cũng là thời khai sinh ra *Đông Dương tạp chí* (1913) và *Nam phong tạp chí* (1917)

Thế hệ thanh niên Xuân Diệu, ở cái tuổi dậy thì, chịu ảnh hưởng của văn nghệ phương tây trong sức hấp dẫn lớn của nó, là nhu cầu tự do (với gia đình), tình yêu (nam nữ) và hạnh phúc (lứa đôi). Giữa ba khái niệm này, *hạnh phúc* là hiền lành nhất, phát triển mạnh trong thơ, không phải vì tình cờ, mà chính bản thân "*thơ là ngôn ngữ của hạnh phúc*"

Tiểu thuyết, thời đó, là phương tiện tranh đấu, còn thơ, là ngôn ngữ hóa giải.

Khi thế hệ thanh niên tân học phát triển, thì xã hội cũng thay đổi. Chính quyền thực dân phục hưng những thị trấn cũ, khuếch trương những thành phố mới – với một số nghề nghiệp liên hệ, thu hút một số dân quê về các đô thị. Lớp trí thức tân học xuất hiện từ những gia đình công chức, hay giai cấp tư bản và tiểu tư sản thuộc địa. Lớp thị dân tân học đó, tách rời khỏi đồng ruộng và văn hóa cổ truyền, đang đòi hỏi một nền văn hóa mới, văn hóa phương Tây. Hoài Thanh đã ghi lại giai đoạn này bằng những nét sắc bén: "*Một cái đình cũng mang theo nó một chút quan niệm của phương Tây về nhân sinh, về vũ trụ... Cái ngày người lái buôn phương Tây thứ nhất đặt chân lên xứ ta, người ta đã đem theo, cùng với hàng hóa của phương Tây, cái mầm sau này sẽ thành thơ mới*"<sup>2</sup>.

Và thành quả của ngàn ấy biến chuyển về chính trị, xã hội và văn hóa đã được phản ánh qua sự phát triển của phong trào thơ mới, từ 1934 đến 1940 mà *Thơ thơ* (1938) của Xuân Diệu là điểm cao.

1932 - 1935, thời Xuân Diệu bắt đầu làm thơ, là thời phát triển rất mạnh của văn chương quốc ngữ và nhất là qua báo chí. Một thế hệ độc giả thanh niên cùng ủa đến tìm những văn đàn, và những nhà thơ, nhà văn của họ.

Lưu Trọng Lư, trong *Người sơn nhân* năm 1933 đã nói: "*Người thanh niên Việt Nam ngày nay đương bơ vơ đi tìm thi nhân của mình như người con đi tìm mẹ*"<sup>3</sup>.

Và dĩ nhiên, lớp độc giả mới đòi hỏi trong thơ những thể loại mới, những tình ý mới, một ngôn ngữ mới.

Thật thà mà nói, thì Xuân Diệu không phải là người sáng tạo ra ngôn ngữ đó. Anh đã thừa hưởng công trình xây dựng đầu tiên của những Thế Lữ, Lưu Trọng Lư, Vũ Đình Liên, Nguyễn Nhược Pháp. Hay, xa hơn nữa, của Tản Đà, Đoàn Như Khuê, Đông Hồ, Tương Phố. Thơ mới hình thành trong quy luật tất yếu của xã hội văn học, chính thức từ 1932 với sự trùng hợp: bài *Tình già* của Phan Khôi đăng trên Phụ Nữ Tân Văn và năm khai sinh báo *Phong hóa*, in ở Hà Nội, của nhóm Tự lực văn đoàn, ngay số đầu (22-9-1932) đã khẳng định "*thơ ta phải mới, mới văn thể, mới ý tưởng*".

Phái tân học phần đông đều nghĩ như vậy. Nhưng muốn thơ mới thành công thì phải có người làm thơ (dễ có thôi) và làm thơ... hay (điều này không dễ).

Khi Xuân Diệu gửi những bài thơ đầu tiên cho báo *Phong hóa*, 1935, thì thơ mới, thẳng thắn về lý thuyết, vẫn nghèo về tác phẩm. Mười bài thơ của Lưu Trọng Lư in chung với truyện ngắn trong tập *Người sơn nhân*<sup>3</sup>. Thế Lữ, con chim đầu đàn, vừa làm những bài thơ vững vàng nhất, vừa phê bình, giới thiệu thơ và bàn về kỹ thuật thơ trên *Phong hóa*, *Ngày nay*, năm 1935 cho in *Mấy vần thơ* rồi sau đó, hơi thơ đuối sức. Do đó, nhiều lần Thế Lữ đã ca ngợi, chào đón thơ Xuân Diệu với tấm lòng nồng nhiệt lạ thường - điều ít khi xảy ra trên báo của nhóm Tự lực,

thường ít khen người ngoài nhóm. (Mãi về sau này, Xuân Diệu mới là thành viên của Tự lực văn đoàn, khi anh đã nổi tiếng. Anh là thành viên thứ bảy, trong nhóm thất tinh (Pleiade), theo một tư liệu viết tay của Nhất Linh<sup>4</sup>).

Công bằng mà nói, thì sự thành công – không dễ dàng, nhưng rực rỡ, của thơ Xuân Diệu ít nhiều nhờ vào uy thế của nhóm Tự lực thời đó. Độc giả của các báo *Phong hóa*, *Ngày nay*, là tiềm lực của quần chúng Xuân Diệu.

Xuân Diệu cần độc giả của Tự lực văn đoàn thì ngược lại nhóm Tự lực cũng cần Xuân Diệu, về cả hai mặt: về tư tưởng nói chung và về sức sáng tác thơ.

Về tư tưởng, khi thơ Xuân Diệu ra đời (khoảng 1935 - 36) thì nhóm Tự lực đã cạn đề tài.

Những tư tưởng cải cách gia đình thì Nhất Linh đã nói hết trong *Đoạn tuyệt* (1934) hay *Lạnh lùng* (1936), Khải Hưng đã nói hết trong *Nửa chừng xuân* (1934). Họ tìm về với nghệ thuật thuần túy: cũng với hai nhân vật Dũng và Loan, Nhất Linh sẽ viết *Đôi bạn* mô tả tình bạn, tình yêu, hạnh phúc (hiểu theo nghĩa rộng và sâu hơn trong thơ Xuân Diệu). Khải Hưng sẽ viết *Tiêu sơn tráng sĩ*, Thế Lữ viết truyện trinh thám, hoặc *Trại Bồ Tùng Linh*.

Các nhà văn trong nhóm Tự lực rất ý thức chỗ mạnh, chỗ yếu của mình. Họ biết là không có khả năng đặt những vấn đề xã hội, và cũng không có khả năng viết tác phẩm theo khuynh hướng xã hội, nên một mặt họ xoay sang hoạt động xã hội với những đoàn Ánh Sáng, mặt khác họ tặng giải thưởng Tự lực cho những tác phẩm có tính cách xã hội như *Bỉ vỏ* của Nguyên Hồng, *Kim tiền* của Vi Huyền Đắc, *Cái nhà gạch* của Kim Hà. Nghĩa là Xuân Diệu đến với nhóm Tự lực rất đúng lúc: giấc mơ tình yêu và hạnh phúc của Xuân Diệu là *Hồn bướm mơ tiên* nổi dài của Khải Hưng, là mùi hoa khế hay tiếng gió reo trên đồi thông trong *Đôi bạn*, là tia *Nắng trong vườn* của Thạch Lam. Và cái nhu cầu tình yêu và hạnh phúc đó là một đặc tính của giới thanh niên thời 1935 - 40, khi chính quyền thực dân đưa ra phong trào "*vui vẻ trẻ trung*", với những chợ phiên, phong trào thể thao...

Hoàn cảnh khách quan, không khí xã hội lúc đó, giải thích tiếng vang của tác phẩm Xuân Diệu – người yêu người ghét – và nói được là thành công nhanh chóng: tập *Thơ thơ* do *Đời nay* xuất bản cuối năm 1938 (in một nghìn cuốn thời đó là thường), năm sau đã thấy tái bản. Thơ Xuân Diệu được đưa vào chương trình giáo khoa, sách giáo khoa của Dương Quảng Hàm: chàng trai mới ngoài hai mươi tuổi ngồi bên cạnh các cụ Tố Như, Yên Đổ. Thành công đó, trước hết là do giá trị nội tại của thơ Xuân Diệu, nhưng nó cũng nhờ hoàn cảnh đưa đẩy. Sinh thời, Hàn Mặc Tử (1912 - 1940) chỉ xuất bản được một tập *Gái quê* (1936) và chết trong nghèo nàn, bệnh tật. Cái may mắn của Xuân Diệu cũng là cơ hội của cả phong trào thơ mới. Sở dĩ Thế Lữ nhiều lần nói "*tôi rất mừng đã có một Xuân Diệu trong thơ ta lúc bấy giờ*"<sup>5</sup> là vì Xuân Diệu xuất hiện khi thơ Thế Lữ, và thơ mới nói chung, đang yếu sức (1935). Nhưng khi xuất bản và tái bản *Thơ thơ* (1938-39) thì chính thơ Xuân Diệu cũng bắt đầu mòn mỏi. Và ngay lúc đó, 1938, trong nhóm, có thêm Huy Cận nhảy vào đưa vào thơ mới một kích thước mới, rung cảm con người trước vũ trụ. Tập *Lửa thiêng* (1940) in hai nghìn cuốn, cũng do nhà *Đời nay* xuất bản, đã gây một âm hưởng sâu xa trong văn giới.

Nhưng ngay sau đó, nguồn thơ Huy Cận lại phân vân, tập văn xuôi *Kinh cầu tự* (nhà xuất bản Mới, Hà Nội, 1942), tạo cảm giác hoang mang, anh tiếp xúc với phong trào Việt Minh (1942) và chuyển dòng thơ lãng mạn về một chân trời khác. Nhưng khi đó thì thơ mới lại tiếp thu những nguồn thi hứng khác với ít trụ lạc của Vũ Hoàng Chương *Thơ say*, 1940; *Mây*, 1943), một ít chán chường của Thâm Tâm, Trần Huyền Trân. Phong trào thơ mới là vệt lửa dài, một ngọn đuốc tiếp nối từ 1932 đến 1945 - từ *Tình già* đến *Gửi hương cho gió*, nó có cái may mắn là lúc nào cũng có những hồn thơ tiếp nối, Chế Lan Viên, Tế Hanh và nhất là Lưu Trọng Lư với tập *Tiếng thu* (1939) và Hàn Mặc Tử mà chúng ta chưa từng được đọc trọn vẹn tác phẩm. Nói tóm lại, trong mùa hoa nở rộ khoảng 1932 - 1945, Xuân Diệu là một trong năm ba đóa hoa rực rỡ nhất – và có lẽ là đóa hoa sặc sỡ nhất.



Sau khi gọi lại bối cảnh xã hội và văn học đã làm nổi bật thơ Xuân Diệu, chúng tôi xin đi vào thi giới Xuân Diệu, theo một vài chủ đề, qua những biến chuyển của anh từ khi anh bước vào đến khi anh vĩnh biệt làng thơ, 1985.

Đề tài đơn giản nhất là tuổi trẻ, trong thơ văn Việt Nam chưa bao giờ được ca ngợi như ở Xuân Diệu.

*Ôi thanh niên, người mang hết xuân thi  
Hình ngực nở, nụ cười tươi, màu tóc láng*

Và liền theo đó, anh miệt thị tuổi già:

*Già sẽ đến, giờ tay xưa ánh sáng  
Đuối bướm chim, làm sợ cả hoa hương  
Và dần dà càng rõ rệt bộ xương  
Mà bạn hữu sẽ đặt nằm dưới đất.*

Thanh niên, tr. 141

Những lời lẽ như vậy đi ngược với quan niệm Việt Nam vốn trọng tuổi già, và khi ca ngợi tuổi trẻ thì cũng rất kín đáo. Trần Quốc Toàn, vị anh hùng mười bốn tuổi, được mô tả như là "*tuổi trẻ chí cao*" cái quý là chí cao, người chinh phu thì "*chàng tuổi trẻ vốn dòng hào kiệt*" nghĩa là quý ở cái lý lịch. Cho đến hai chị em cô Kiều:

*Xuân xanh xấp xỉ đến tuần cập kê  
Êm đềm trướng rủ màn che  
Tường đông ong bướm đi về mặc ai*

Họ được quý ở đức hạnh, chứ tuổi trẻ tự nó không phải là một giá trị. Thơ Xuân Diệu, trước Cách mạng chỉ giới hạn trong những đam mê của tuổi trẻ.

Sau Cách mạng, anh nhìn các thế hệ bằng con mắt khác, mỗi lứa tuổi đều có chỗ đứng của nó trong xã hội. Anh làm thơ về những người già, cảm động nhất về người "*Cha đang ngoài, mẹ ở đang trong*" về một người chị họ *Chị Bốn Nhữ*, về *Cụ Muối*, về *Ông cụ trồng cây*, về *Bà má Năm Căn*, *Bà cụ mù lòa*.

Thêm vào một chi tiết: thơ Xuân Diệu trước Cách mạng không có trẻ con. Nếu có một lần anh nhắc đến là để mỉa mai người bạn trói cuộc đời vào lụy thể nhi.

*Cơm xong chén nước chờ bên cạnh  
Em bé thẳng con được mấy năm*

Tặng bạn bảy giờ, tr. 116

Sau Cách mạng, nhất là về sau này, thơ Xuân Diệu riu rít tiếng trẻ thơ. Anh mừng khi *Một em bé ra đời*, cảm động nhìn *Mẹ tắm cho con*, anh thèm thường *Cho chú xin một quả si* và, trong bài đó, anh đã nói đến "*thế giới thiên đường của tuổi nhỏ*" (mà dường như Baudelaire đã nói đến: "*le vert paradis des amours enfantines*"). Anh ước mơ có *Đứa con của tình yêu*, anh âu yếm nhìn cảnh bố dạy *Con làm toán*, lo lắng khi nhìn các *Em nhỏ ở Hương Khê* lúc vào trường học dưới những phi vụ oanh tạc của Mỹ. Trong tình cảm nhân đạo và dân tộc ấy, anh đã làm được nhiều bài thơ hay, nhiều đoạn cảm động như bài *Các cháu đi sơ tán*, (tr.305):

*Cái tuổi lên mười ăn háu háu  
Thích ngồi nhìn miệng nó nhai ngon  
Mười ba tính nét còn nhanh nhẩu  
Mười bốn xem chùng đã biết khôn  
Nay chúng rời xa cha mẹ chờ  
Nhất là mẹ nhớ bé còn thơ  
Ban ngày công việc lo mê mải  
Đêm ngủ xa còn mới thần thờ...*

Anh tả tình cảm mẹ con rất hay. Ban ngày thì dù không mải việc, mẹ cũng ít nhớ con, vì thường chúng nó đi học. Còn về đêm, trong điều kiện ăn ở chật hẹp của Việt Nam, con có khi ngủ chung với bố mẹ. Người mẹ Việt Nam thương con có khi còn hơn cả yêu chồng, đêm vắng con mới *thần thờ*.

Với Cách mạng, bạn đọc thấy Xuân Diệu đã đi một con đường rất xa.

*Hãy đốt đời ta muôn thứ lửa  
Cho bùng tia mắt, đọ tia sao.*

Ngọn lửa đam mê của Xuân Diệu đã đốt lên tại Quy Nhơn cách đây gần nửa thế kỷ – mấy câu thơ trên làm năm 1933 – đã tắt ngấm với hơi thở Xuân Diệu tại Hà Nội ngày 18 tháng 12 năm 1985. Giờ này *tia mắt* của anh đã vĩnh viễn "*đọ tia sao*".

Khó có ai tổng kết được một đời người, dù khiếm tốn đến đâu. Huống hồ là một đời phong phú và sôi nổi như Xuân Diệu. Tuy nhiên, trong chút tình riêng với anh tôi mạn phép tượng trưng sự nghiệp Xuân Diệu như một chuỗi dài cống hiến. Tôi mừng tượng đời anh như một chuỗi cườm, đồ trang sức của các bà mẹ quê, mà mờ mờ thời gian làm sáng long lanh từng hạt một. Chuỗi hạt huyền ấy, tôi chia ra làm ba giai đoạn.

Trước hết, là những đóng góp của anh vào phong trào thơ mới. Tập *Thơ thơ* xuất bản một ngày Nô-en 1938 là thịnh thời của thơ mới, xuất hiện trước đó không lâu và *Gửi hương cho gió* xuất bản năm 1945 là cao điểm, đồng thời là dứt điểm. Về ý lẫn lời, Xuân Diệu là người tạo sinh lực cho thơ mới – hiểu theo nghĩa một trào lưu trong lịch sử văn học.

Những đóng góp của Xuân Diệu, trước 1945, có tính cách tự nhiên như một quy luật của bản năng sáng tạo, của con chim *ngựa cổ hát chơi*.

Giai đoạn hai: với Cách mạng tháng Tám 1945, anh là nhà thơ lãng mạn nổi tiếng đi tiên phong vào thơ cách mạng, thơ kháng chiến, với *Ngọn quốc kỳ* (1945) và *Hội nghị non sông* (1946), cùng nhiều tập thơ khác tiếp theo.

Những cống hiến ở giai đoạn giữa này là một cố gắng vượt bực về ý thức, tình cảm, một hy sinh của con người cho một lý tưởng, giải phóng đất nước và phục vụ nhân dân.

Giai đoạn ba: sau 1954, về Hà Nội, anh vẫn tiếp tục làm thơ như trước, nhưng lại dành nhiều thì giờ nghiên cứu, theo hai hướng chính: thơ văn Việt Nam cổ điển và văn học dân gian, bên cạnh một số bài về thơ hiện đại và thơ nước ngoài.

Những cống hiến của anh giai đoạn thứ ba này là sức lao động không ngừng nghỉ. Anh nghiên cứu trước hết là để bồi dưỡng trí tuệ và tình cảm của riêng anh. Đã là người Việt Nam thì ai cũng có tính chất Việt Nam, nhưng tính chất ấy đậm hay nhạt là tùy người, tùy lúc, tùy sinh hoạt và chúng ta có thể giới hạn hay phát huy tính chất đó, tùy nhu cầu.

Xuân Diệu dư biết tài năng và địa vị của mình. Nhưng nhà thơ lại có thêm tham vọng làm nhà thơ của dân tộc và nhân dân. Muốn đạt đến hoài bão đó, anh phải hiểu biết sâu rộng về dân tộc và nhân dân. Lăn lộn trong quần chúng sau Cách mạng tháng Tám, Xuân Diệu thấy rõ những hạn chế của mình, của người nghệ sĩ trí thức tiểu tư sản, *lỡ* thành danh trước Cách mạng.

Chúng ta thấy điều này qua những bài nghiên cứu của Xuân Diệu về ca dao: anh rất thiết tha, rất cố gắng, mà vẫn không xuất sắc như khi nghiên cứu thơ cổ điển.

Về Xuân Diệu, bạn đọc có nhiều tư liệu. Bài *Tựa* của Hoàng Trung Thông đầu *Tuyển tập Xuân Diệu* (tập I, *Thơ*)<sup>6</sup> là một bài hay, nghiêm túc, uyển chuyển, tế nhị, thuộc loại hiếm hoi trong ngành phê bình hiện nay. Trong bài này, tôi chỉ nhấn mạnh ở những cố gắng của một nhà thơ để mỗi ngày một gần quần chúng, để có thể nói *Tôi cùng xương thịt với nhân dân tôi*.

Trong các nhà văn, nhà thơ đi kháng chiến sau 1945, Xuân Diệu là một trong vài người hy sinh nhiều nhất, Hoàng Trung Thông, trong bài *Tựa* nói trên<sup>7</sup>, và Vũ Quần Phương trong một bài báo Nhân Dân kỷ niệm 50 năm làm thơ của Xuân Diệu<sup>8</sup>, cho rằng sự tham gia cách mạng của anh có tính cách *tất yếu*. Chữ *tất yếu* của hai nhà thơ – trong hai bài phê bình và ý Xuân Diệu – có tính cách đề cao Xuân Diệu, qua bản chất cách mạng của anh, đưa anh đến con đường cách mạng.

Tôi ngờ lắm. Nói rằng người này *tất yếu* cách mạng, thì có nghĩa là người kia *tất yếu* phản động, vì bản chất phản động. Nói thế, không tạo thêm hào quang cho ai. Lấy cái gì để đoán trước là một người yếu đuối như Lưu Trọng Lư, ham vui như Nguyễn Tuân thì gắn bó với kháng chiến đến cùng, trong khi *người hùng* Lê Văn Trương bỏ về thành? Tại sao, cùng trong nhóm Tự lực, Thế Lữ là người không chịu được văn Kim Hà, *nhà tôi là một cái nhà gạch* lại chấp nhận văn nghệ hiện thực, khi Khái Hưng, người bên vực Kim Hà, người chủ trương cái

tạo xã hội, lại chống lại cách mạng? Cái gì giải thích tại sao Nguyễn Bính, trước Cách mạng làm thơ với phong vị bình dân, và khi kháng chiến, gắn bó với nhân dân, lại làm thơ ... tiểu tư sản?

Nhân đây, cũng nên nhắc là Xuân Diệu rất thích bài *Cô hái mơ* của Nguyễn Bính, vì nó đáp lại nhu cầu mơ mộng của tuổi trẻ, và anh chưa thêm *Khi cách mạng kêu gọi thì không phải kẻ thực tế hưởng ứng mà những người mơ mộng, nhiều tình cảm, yêu người yêu đời, đáp lại trước nhất* (trong bài *Độc thơ Thế Lữ*<sup>9</sup>). Tóm lại, về tâm lý, tôi rất hoài nghi về những công thức *tất yếu*.

Chỗ mạnh của thơ Xuân Diệu trước Cách mạng là những hình ảnh tinh tế, những âm điệu gợi cảm, tiêu tao:

*Trong gặp gỡ đã có mầm ly biệt*

*Những vườn xưa nay đoạn tuyệt dấu hài*

Những đặc điểm ấy, có giá trị của nó, nhưng không thể đưa vào thơ chiến đấu. Đối với một nghệ sĩ, không có gì đau khổ hơn là phải nhượng cái thể mạnh, giữ lấy thể yếu. Và Xuân Diệu đã chấp nhận đau khổ đó, một cách rất ý thức. *Càng đi sâu vào cách mạng, sự sáng tác càng gian nan. Từ trước tôi viết cho những người "có học", tức là trên những nét lớn, những người tiểu tư sản trở lên trong xã hội cũ. Bây giờ, những con người "vô học" cũ, nhờ cách mạng, họ đã có học, họ đã đọc sách và họ biết cả phê bình nữa [...]. Những người "có học" lớp trước kia, bây giờ cũng đã thay đổi yêu thích cũ, chính họ cũng đòi hỏi nói về những người lao động. Mà đó cũng lại càng là cái nhược điểm rất sâu sắc của tôi. Gian khổ, khó khăn không phải chỉ ở đằng xa, nơi quần chúng vẫn chịu và gánh mà đã đụng chạm ngay bản thân tôi. Tôi không thể "kháng chiến vui vẻ, cách mạng vui vẻ" nữa [...]. Sáng tác cái mới thường bị thất bại, tôi quay về dựa lưng vào các thứ "của chìm" tác phẩm ngày trước của mình. Kỳ tình tôi vẫn biết đứng vào chỗ cũ không thể được nữa, tuy nhiên lại ngại sang đứng chỗ mới, tâm trạng tôi như người bị chẹt, tâm thần bất ổn, vẫn gần với quá khứ, vẫn xa với tương lai. Cứ chạy sang bên này rồi chạy sang bên kia, thật là đau đớn*<sup>10</sup>.

Tôi tưởng tượng Xuân Diệu như một người thợ sơn vác một cái thang dài trong một căn phòng hẹp, không va bên này thì cũng chạm bên kia, mỗi va chạm là một lần nhói trong tim. Chúng ta cảm ơn những tâm sự chân thật của anh: theo cách mạng không phải dễ dàng, lúc nào cũng *Đi trên đường lớn*. Nguyễn Đăng Mạnh, trong một bài rất phong phú về Xuân Diệu đã có lý cho rằng Xuân Diệu là cả một *kho kinh nghiệm lớn, có ích lâu dài cho những ai muốn đi vào cái nghề rất đổi khó khăn này*.<sup>11</sup>

*Buổi nói chuyện tưởng niệm Xuân Diệu (1916-1985)  
tại Paris, 1986*

Ghi chú nhân kỷ niệm 80 năm xuất bản báo Phong Hóa.

Xuân Diệu, họ Ngô, theo hiểu biết của chúng tôi, sinh ngày Nhâm thìn, tháng Nhâm thìn, năm Bính thìn, tính theo dương lịch là ngày 25 tháng 4 năm 1916, không trùng hợp với thư tịch trong sách báo hiện hành.

22-9-2012

1 Những đoạn thơ trong bài này trích từ "Tuyển tập Xuân Diệu, I, Thơ", nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1983. Mỗi lần, tôi ghi tên và số trang để người đọc dễ tìm lại. Có khi tôi chưa thêm thời điểm sáng tác, trường hợp tôi biết và cho rằng cần thiết.

2 Hoài Thanh "*Thi nhân Việt Nam*", 1941, Thiều Quang, Sài Gòn, tái bản 1967, tr.10 và 12.

3 Lưu Trọng Lư "*Người sơn nhân*", Ngân Sơn tùng thư, Huế, 1933. Lưu Trọng Lư thời đó phụ trách nhà xuất bản này.

- 4 *Văn hóa Nghệ thuật*, tạp chí, California, số 3, tháng 7-1985, tr.309. Bài báo chỉ độ một trang khổ nhỏ, nhưng tài liệu chính xác nhất về các thành viên nhóm Tự lực và cộng tác viên báo *Ngày nay*, với bút hiệu và tên thật.
- 5 *Thế Lữ Tuyển tập*, nhà xuất bản Văn hóa, Hà Nội, 1983, tr.17, do Lê Đình Kỳ trích dẫn trong lời tựa.
- 6 *Tuyển tập Xuân Diệu*, nxb Văn học, Hà Nội, 1983, tập I, *Thơ*, tuyển thơ Xuân Diệu từ 1933 đến 1979.
- 7 Hoàng Trung Thông, *Tuyển tập Xuân Diệu*, sách đã dẫn, trang 18.
- 8 Vũ Quần Phương, *Nhân dân*, Hà Nội ngày 28 - 8 - 83.
- 9 *Tuyển tập Thế Lữ*, nxb Văn học, Hà Nội, 1983, trang 597.
- 10 *Tuyển tập Xuân Diệu*, sách đã dẫn, trang 33 - 34.
- 11 Nguyễn Đăng Mạnh, *Văn nghệ*, Hà Nội, số 29 ra ngày 20-7-85.

## Thương vay

*Bài sau đây rút từ tập Phần thông vàng.*

*Vào tập, Xuân Diệu viết hẳn một bài tựa để giới thiệu loại văn xuôi độc đáo của mình mà ông gọi là loại "truyện ý tưởng".*

*Đại khái, đó "là một lối văn phong phú (...) một cái có để cời mở tâm lòng (...) (có) ý nghĩ (...) tư tưởng (...) (nhưng) không ràng buộc cho thành một luận đề".*

*Riêng về bài Thương Vay, ông cho ta biết đó là "hình ảnh một buổi chiều len vào tâm trí".*

*Với chừng ấy hướng dẫn, yên lòng đọc. Kỳ lạ, đọc văn mà có cảm tưởng như thể chính mình cũng đang đi trên một thử đường Nam Giao!*

*Vào bài, trời còn sáng, ta theo được ý tác giả khá chắc chắn, nhưng lần lần, càng đọc xa, càng thấy mờ mịt; rồi khi Xuân Diệu bắt đầu bớt sợ "ma" để chuyển qua "thương vay" thì tự dưng ta cũng bắt đầu bám vững ý ông trở lại!*

*Dù có chỗ không hiểu, vẫn cảm thấy hết sức thích thú. Dường như hiểu hết mọi chỗ không quan trọng, mà "sợ" hay "thương" cũng không quan trọng...*

*Về thể loại, thiết tưởng đây chính là một bài tùy bút.*

(Thu Tứ)

\*\*\*

Chiều lên dần dần. Tôi càng đi, trời càng tối. Những bước đi cũng đồng thời với triều bóng dâng, xui cho tôi dễ tưởng rằng bước của tôi có quan hệ với thời giờ, thỉnh thoảng tôi đứng lại, tần mần xem thử họa chăng có liên lạc gì không...

Con đường Nam Giao thẳng mà không bằng; tôi khởi sự đi trong ánh sáng, và tôi tới lần trong bóng tối, tợ hồ bên thành phố Huế là ngày, bên đàn Nam Giao là đêm. -- Tôi bắt được ý này trong trí tôi, nghe pháp phối dễ chịu. Tôi bèn đẩy cách luận lý xa hơn chút nữa, dầu không đúng vững cũng xong:

Thời gian chỉ là sự cử động. Nếu tôi đứng, nếu máu tôi ngừng, nếu tôi không biết đời bên trong và không hay đời bên ngoài, thời gian của tôi sẽ không còn nữa. Và nếu không có sự luân chuyển ở trong vũ trụ, nếu mặt trời nghỉ, mặt trăng yên cùng với muôn sao đóng đinh trên bầu trời, thì sẽ chỉ còn không gian chết. Nhúc nhích là thời gian, cử động thay đổi là thời gian.

"Thời gian chỉ là sự cử động."

Tôi sực thấy rằng tôi nghĩ đã xa, và ngay lúc ấy, tôi thấy rằng tôi đi cũng đã xa; tôi mỉm cười.

Vàng, chiều lên dần dần; chiều không xuống. Đầu tiên, ruộng hai bên đường thẫm lại; những bụi cây, lá không phân biệt nữa, thành những khối bóng. Chín mươi cây cau song song vụt lên, giữ sáng ở trên đầu như những cây nến khổng lồ.

Ánh vàng nhạt cứ bớt mãi, có ai kéo về trời để thấp các vì sao. Tàu lá cau trở nhất gương bám chút bụi mặt trời. Nhưng hết rồi. Bóng càng lên mau, càng đậm mãi, xuất tự đất đen, trong khi ở sát da trời, còn mơ hồ ánh sáng. Trí tôi thấy -- tuy mắt tôi không -- những lớp bóng càng ở trên càng nhạt một ít, và cái đen tối cứ lên hoài, cho đến lúc ngập cả trời cao.

Hoàng hôn... ẽnh ương kêu, tiếng khan khản phát từ muôn góc cỏ, từ những ruộng sâu thẫm xuống làm cho con đường tự nhiên mà cao. Tiếng áo nã, hơi phồng, như trong ấy có sự gắng sức, tiếng rậm, và nhiều, và thê lương như sự chết, làm sôi bóng hoàng hôn.

Nơi này đã khởi sự nhà quê. Những con ẽnh ương rải hồn tha ma bao trùm đường vắng. Một vài chum mẻ rải rác đằng kia.

Và đường vắng thì rải nhựa đen. Tôi thông thả đi, buổi chiều len lẩn vào tâm tư, theo ngõ của hai mắt.

... Không còn cái gì rõ nữa. Bóng chập chững, mọi vật mập mờ, bằng lảng, đương rung rinh. Mây rách từ đâu lê tới những mảnh đen thất thế, thêm vào cái cảm giác không đều; giữa không trung, dường như có những cụm bóng đặc bay lờn vờn.

Mắt tôi vẫn mở, song kết quả cũng bằng chớp mau. Cảnh chờn vờn một cách nặng nề. Tôi (*chỗ này in thiếu chữ?*) qua trong sự mơ hồ nó chẳng mơ màng. Tôi nghi cảnh, tôi nghi tôi, tôi nghi tất cả.

Và buồn, buồn. Không ai đi trên đường này. Không một người gánh gồng, hai đầu thúng nhún xuống nhún lên, ngực thở thành tiếng. Không một người đàn bà vội vàng, chân trụ đập thành thịch, hai tay đánh xa để thêm sức nhanh. Cũng không cả một con chó thần thơ mũi cúi xuống đường, hít bóng đặc sệt như mực đen vì gần lớp nhựa.

Đoạn đường dài, nhờ chân tôi chậm. Sao tình cờ lại có sự vắng vẻ hoàn toàn thế này? Ai ở trên trời đổ xuống từng triệu thúng buồn? Có phải tôi buồn đâu. Chính trời đương làm chủ động trong màn buồn bã.

Tôi đến cụm nhà lợp xụp, tranh xám như lợp bằng tro. Phần nhiều đóng cửa. Những lều mở là những quán nước: ngọn đèn đỏ soi mấy chiếc bánh gói đặt thành gò nhỏ xíu, bên ống dất dĩa tre. Mới bây giờ mà đã có tiếng ru em. Nghe võng cọt kẹt, tôi nhớ những câu đố ngớ ngẩn: "Ở trong nhà, có một bà hai đầu." Tôi đón (?) những rui khói đóng đen thui, những cột lẳng khăng làm rung cả nhà, mỗi lần bàn chân ngón xoè đập vào vách đất.

Chắc một người đàn bà đương lúi húi trong bếp, phồng hết hai má thổi nùi rác, nhóm lửa nấu vôi côm. Trách tép đã nóng trên lò, hai bàn tay không kịp rửa, nắm vào vành đen, đỡ lên lắc cho đều, rồi lại bắc xuống. Trong khi ấy đứa con gái nhỏ ráng hơi đỡ một đứa em nhỏ hơn. Và đứa này cứ khóc thất thanh, làm bà mẹ sốt ruột. Trong gia đình nhỏ, đêm tối là một dịp rộn ràng. Đèn không có, phải sờ soạng tạo nên bữa ăn.

Mà giọng đứa em thì buồn bã như mọi giọng ru trẻ con, thấm bao nhiêu mệnh mông kinh hãi của cánh đồng, bao nhiêu u uất của đêm không đủ đèn sáng, bao nhiêu thương nhớ xa xôi của những linh hồn mộc mạc, buồn xa mà không biết mình buồn.

**Sao con đường sang trọng như đường Nam Giao, con đường cho khách du lịch, những nghệ sĩ, những phú ông, những quan quyền rong xe qua để đi thưởng ngoạn, sao mỗi khi đêm đến, đường Nam Giao lại rùng rợn, thê lương?**

Hay chỉ vì chiều nay, tôi thấy cái gì cũng tội nghiệp?

Những gia đình này nghèo khổ gì lắm đâu; đời quanh Huế cũng đũng đỉnh như đời giữa Huế, người nghèo ở đây không cực hẳn, không lam lũ, không khổn cùng. Nhưng tôi thương, thương tất cả, tất cả mọi điều, vì chiều ấy, tôi thấy cái gì cũng đáng thương.

Có phải ánh leo lét đằng kia là buồn không; nó thường nói chuyện sợ sệt cũng như sự mập mờ, ở giữa ta, giữa tranh, ở giữa màng nhện, bỏ hóng. Có phải mấy đôi đứa vụng về kia là buồn không; chúng đã run trong những bàn tay da chai, mà đói và mệt làm cho run rẩy; chúng đã đưa đầu vào những miệng lưỡi thô, răng cứng, hể thêm ngọt là ăn tảng đường đen...

Đôi hôm lạ lùng, tôi nổi những cơn thương vô cớ như vậy.

Khi tôi đi học, bỗng nhiên đang lật sách, tôi ngừng tay lại, nghĩ tội nghiệp mấy ông giáo dạy tôi. Ông Viên, cái trán cao như một cái lều, xương (?) xao như một tấm đá; ông Bính, miệng cười như khóc, méo một cái méo hời hợt; ông Thịnh, hai tay chốc chốc kéo lại cái quần tây, như sợ tụt; ông Lịnh, sau vài tiếng nói lại, "hớ!" "hớ!" nghĩa là: hiểu không? nghe chưa? Sao họ buồn cười thế!

Họ chơi, họ giỡn, họ sang trọng, lương cao, vợ tốt. Họ lại còn rầy la học trò, phân phát những cái xách tai hay những hình phạt đáng ghét. Vậy mà họ cứ đáng thương như thường.

Mãi bây giờ tôi mới hiểu rằng vì họ dị quá. Tôi còn hiểu hơn lắm nữa: vì họ là người! Một thứ ánh sáng nhạt nhạt buồn buồn bao trùm mấy ông giáo kia; tuy đương còn trẻ nhỏ, tôi vẫn cảm nghe cái không khí ngẩn ngơ ở trong lớp học, ở giữa cuộc đời. Và nhất là tôi đã thấy họ như những cái máy. Huống chi tôi đã nhiều lần hờn ghét họ. Hờn ghét ấy, họ không sợ, nhưng mà tôi...

Mà chắc trong bụng của tất cả mọi người, đều có những bánh xe, những trục, những chốt, và những giây thép, để cho mọi thứ vô nghĩa vô duyên tha hồ vận máy!

Vậy thì chiều nay, tôi thương cảnh vật đến bao nhiêu. Tôi đi luôn đường lên Nam Giao, mang giùm những nỗi khổ của đời, đương lên hơi trong bóng đêm đã tối.

Tôi đứng lại trước đàn. Vô liêu, Tịch mịch. Đường như tôi sợ ma...

Những cây thông, mình mảy to thêm và đen, đứng trong im phắc. Tôi sợ. Tâm hồn tôi lạnh lạnh, rừng rợn vì Đêm, và mang những cảm giác ảm đạm mênh mông, những ý đau, ý chết.

Tôi sợ... Như lúc nhỏ, mỗi lần đi giải ngoài sân. Trong nhà ra, thì can đảm bạo dạn, nhưng vừa quay lưng để vào, thì tự nhiên bắt chạy, như có ai xô. Chắc cái lưng tôi nó nhát, chứ không phải tôi nhát.

Vậy, tôi quay lưng, trở về thành phố, nghe gió thổi mừng tượng sau mình. Được vài mươi thước, tôi mới nhớ nhìn trước mặt tôi. Ở đằng kia, một bóng đen lù mù đi lại. Không ánh sáng, nên nét mình không thấy nữa; ấy là một cục bóng có hình người.

Tôi đương bận ngó hai bên đường, trông những cây phi lao đứng xịu lá bơ phờ như giẻ rách, se sẽ than ra một lời nho nhỏ âu sầu... Khi tôi nhìn lại trước tôi, thì hình người đã gần thêm.

Bây giờ tôi mới để ý lưng. Tôi bước dài bước nhưng vẫn rón rén. Bóng ấy gần thêm một chút; tôi bèn đi như thường. Tôi không dám nặng chân, sợ bóng ấy tan mất. Họ đi như đứng, lẩn ngẩn như nhờ gió thổi đi, mà gió thì chỉ hơi hơi một vài thoáng. Tợ hồ chỉ thuộc về sự sống có một chút thôi.

Bóng đã gần. Một luồng tê lạnh bỗng chạy qua óc tôi. Sao một cái hình người có thể "ma" như vậy. Im lặng quá, yên tĩnh quá. Cả mình đen, chỉ cái nón xám. Tuy thế tôi cũng đoán được những miếng vải vá nơi áo dài lổ đổ không toàn màu.

Phải rồi, một bà già. Lưng khồng, chân chậm. Mắt bà lão chỉ mở lim dim, mà bóng thì mờ thế này, thế có khác gì nhắm? Tay xách một cái rổ, không trông thấy được những thức gì trong ấy. Có chỉ là rổ không.

Còm, dáng đi run. Lặng thinh, (*thiếu chữ?*) lẽ lặng thinh, không có một tiếng. Như ngủ. Lặng thinh.

Hình người không thật. Tôi biết không phải chiêm bao, không phải mộng mị. Nhưng tôi vẫn rất ngờ. Họ không biết rằng có tôi đi ngược đường họ. Họ không trông, họ không tránh. Chỉ còn một điều tỏ rằng họ không chết, là họ còn đi.

Tôi muốn giơ tay ra đụng vào mình bà lão, để quyết rằng không giả. Tôi muốn gọi lên một tiếng, làm bà giật mình, ngược chiếc nón cời lên. Tôi muốn lén bỏ trong mũng một đồng xu để xem ra thế nào, nhưng chẳng có chữ nào trong túi.

Tôi không dám đứng lại, sợ phá rày nước đi đều, chậm của cục bóng. Tôi cứ đi luôn, lặng lẽ rón rén như sợ nó tan đi. Khi hai bên đã xa nhau nhiều rồi, tôi mới làm theo ý muốn, đứng lại và nhìn theo.

Thôi, thế là nghĩ vẫn nghĩ vợ, nghĩ mờ nghĩ mịt. Bà già hay hiện hình của sự đau khổ? Nghèo như vậy, sao lại làm thinh mà đi, gặp khách không đón xin tiền? Cũng không nói, cũng không rên, cũng không ngừng. Cứ tha đôi chân vào mắt trong tối. Chắc họ buồn lắm. Dưới nón, chỉ thấy đen. Mà gặp tôi, sao không ngược nón lên một chút? Trong cái bóng ấy, có chẳng một ý nghĩ, một tình cảm gì?

Không, không phải bằng giấy. Ấy một người bằng thịt, bằng xương -- thịt khô và xương gầy -- với một chút lịch sử chắc chắn khổ sở hết chín phần mười, với chút sống còn sót giữa lòng, như hòn lửa nhỏ còn lấp dưới tro.

Bà lão về đâu? Một ổ rơm nép bên đường, hay một cái chòi lạc giữa những bụi cây? Về một túp lều xa, hay không về túp lều nào cả? Trên vùng hẻo lánh kia, còn nhà cửa nào nữa? Ai sẽ nấu cơm cho bà ăn? Diêm ở đâu để bà nhóm lửa? Về đâu? Ngừng lại nơi đâu?

Đêm dày thêm. Chỉ còn mực xạ. Không kẻ dẫn đường, không một chiếc gậy, bà lão mắt trong u uất, lặng im, trong dầu che, bí mật. Lòng tôi thắc mắc, lẫn kinh dị trong vô hạn xót thương.

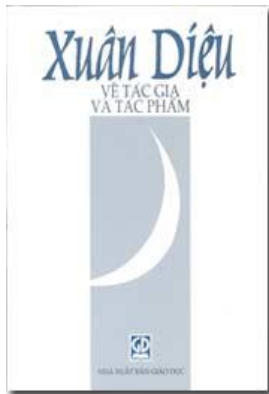
Sự thương vay của tôi trẻ con và tưởng tượng hay chăng? Bao giờ lòng thương lại chẳng có duyên cớ trên cái đời cùng cực, đau đớn, khốn khổ, rách rưới, cô đơn này, mà những kẻ nghèo đói là những trang anh hùng, cắn chặt hai hàm răng ngậm giữ lấy đau thương.

Vừa nghĩ tôi vừa đi, tôi đến trong thành phố rồi. Nhưng đèn điện sáng chói và tiếng xe ồn ào không rọi được trong tôi bấy nhiêu bóng chết.

*(Trong Phần thông vàng)*

\*\*\*

### **Phụ đính I:**



## **Xuân Diệu Tuyển 1**

### **Thu Tứ**

#### *Đôi lời*

- *Thơ tình Việt Nam*
- *Thơ tình Xuân Diệu*

#### *Thơ thơ (1938)*

- *Vội vàng*
- *Phải nói*
- *Nụ cười xuân*
- *Tương tư, chiều...*

#### *Gửi hương cho gió (1945)*

- *Giục giã*
- *Mời yêu*
- *Lời kỹ nữ*
- *Xuân không mùa*



*Thơ sau 1945*

- *Biển*

- *Dấu nằm*

\*

### **Thơ tình Việt Nam**

Người Việt Nam biết... yêu dĩ nhiên đã rất lâu. Ta biết làm thơ cũng lâu lắm rồi. Chắc chắn ngay từ nghìn xưa, ca dao đã "kết" tình yêu. Nhưng thơ của giới trí thức thì mãi đến cách nay (2012) khoảng tám thập kỷ mới bắt đầu lấy tình yêu làm một nội dung chính.

Tại sao trí thức Việt lại chậm như rùa về thơ tình? Vì trí thức xưa kia theo Nho giáo, mà Nho giáo không xem yêu đương là đề tài đáng cho kẻ sĩ động bút. Nhắc tới rất nhẹ nhàng thì "ngghiêm" như Nguyễn Trãi cũng có lúc nhắc:

"Loàn đạn ướm hỏi khách lầu hồng  
Đầm ấm thì thương kẻ lạnh lòng  
Ngoài ấy dầu còn áo lẻ  
Cả lòng mượn đắp lấy hơi cùng"(1),

nhưng lấy tình cảm nam nữ riêng tư ra làm một đề tài sáng tác quan trọng thì trong suốt khoảng gần 500 năm từ Nguyễn Trãi, không hề có một ai!(2)

"Dâu" hóa "bể" chẳng bao lâu sau khi giặc Pháp chiếm nước. Nho giáo suy tàn. Thôi làm Nho sĩ, trí thức Việt Nam bèn đua nhau "về nguồn", "tình thì" không kịp thở!

Gì chứ chuyện yêu đương ra rít thì dân tộc Việt Nam nhất định không chịu nhường bất cứ giống người nào. Chẳng qua trước kia... Khổng tử không cho nên không làm, bây giờ hết thờ Khổng tử rồi, trí thức ta tới tập thơ tình cho kịp bình dân ta! Thơ tình trí thức Việt Nam lợt lợt, rồi lớn nhanh như... thánh Dóngx, chẳng bao lâu đã sừng sững, nếu tính đến thập kỷ 1970 thì đã cao lớn hơn có lẽ bất cứ đâu!

Vừa cao vừa lớn, lại vừa lắm vẻ. Nào vẻ "quê" của Nguyễn Bính, vẻ "tĩnh" của Vũ Hoàng Chương, vẻ "ngập ngừng" của Hồ Dzếnh, vẻ "trăng" của Hàn Mặc Tử, vẻ "xanh xưa" của Quang Dũng, vẻ "Kinh Bắc" của Hoàng Cầm, vẻ "quê khoai" của Phùng Cung, vẻ "thiền sư" của Phạm Thiên Thư v.v.

A, thế còn cái "con chim đến từ núi lạ, ngựa cổ hát chơi"(3) lãnh lót hàng mấy chục bài rất đổi mê ly, giọng tình của nó mang về gì nhỉ?

### **Thơ tình Xuân Diệu**

Xuân Diệu cũng có thơ nội dung khác nhưng xem thơ tình là "đặc sản" của mình. Huy Cận cho biết thế, rồi phát biểu luôn về thứ đặc sản ấy:

"Thơ tình của Xuân Diệu trước hết "nói" về tình, nhưng thông qua tình yêu "nói lên" cảm xúc sâu thẳm về cuộc sống, về đời người (...). Có thể nói bất cứ bài thơ tình nào của Xuân Diệu cũng mang theo nó âm hưởng, cộng hưởng của cuộc đời, của đời người (...). Thơ tình Xuân Diệu, suy cho cùng, ngẫm cho kỹ, là bài ca sự sống".(4)

À, "con chim từ núi lạ" hát "bài ca sự sống". Nó hát làm sao?

Hoài Thanh lắng nghe, rồi bảo giọng... chim Xuân Diệu đặc sắc nhất ở chỗ hết sức sôi nổi.(5)

Nhận xét của tri kỷ và tri âm đúc thành lời tóm tắt: Thơ tình Xuân Diệu là bài ca sự sống hát bằng giọng đặc biệt sôi nổi.

Tóm xong, ta lại thử "mở" lại thơ ấy từ đầu.

Con người ta thường bông bột nhất ở tuổi thiếu niên, rồi điềm tĩnh dần. Xuân Diệu không ngoại lệ với tiến trình đó, chỉ khác người ở cái độ "bông": dù ở tuổi nào, nhà thơ cũng cảm xúc nồng nàn hơn hẳn hầu hết xung quanh.

- Từ ngày mới lớn cho đến năm *Thơ thơ* xuất bản (1938), cảm xúc Xuân Diệu nồng nàn có khi đến mức "sôi trào": nội dung sùng sục, trào ra ngoài hình thức bình thường, thành những dòng thơ làm nhiều người ngỡ ngàng. Đây chẳng qua là thi sĩ đã "thừa cơ" cái "tôi" vừa mới xuất hiện trong xã hội Việt Nam mà tự cho phép mình biểu lộ đến tận cùng đặc điểm của tâm hồn mình, chứ không phải đi bắt chước Tây nào đâu. Và cũng như tất cả các nhà thơ Mới có chân tài, ông đã rất nhanh chóng lọc bỏ ra khỏi thơ mình những yếu tố ngoại lai không thích hợp tạm dùng trong buổi đầu cách tân thơ.

- Trong sáu bảy năm sau đó, thời sáng tác *Gửi hương cho gió*, cảm xúc Xuân Diệu giảm có lẽ dăm ba độ, "cháo lòng" không trào nữa mà lọc bụi trong nôi, thành những vần hơi bớt rạo rức, hơi thêm da diết, hơi trầm hơn trước. *GHCG* không nổi tiếng bằng *Thơ thơ*, một phần vì thời điểm xuất hiện (1945), phần nữa vì những thi phẩm giá trị của Xuân Diệu trong thời kỳ này già dặn, chín muồi, không còn cái vị chua khêu gợi của thơ thời "xuân non".

- Kế tiếp là thời tham gia cách mạng - kháng chiến, từ đây loại cảm xúc đặc thù của Xuân Diệu tương đối hiếm khi hiện thành thơ. Căn cứ vào một số ít lần hiện, ta thấy "nhiệt" cứ dần dần hạ, "bài ca sự sống" thi thoảng cất lên, thì nói chung tiếng giờ tuy vẫn vang nhưng kém rền, giọng giờ tuy vẫn bổng nhưng dịu dặt chừng mực thay vì "sơn ca". Điển hình, sau 1945 thơ tình Xuân Diệu không độc đáo bằng thời tiền chiến; bù lại, thơ sau có những bài vẫn rất giá trị mà lại đậm thắm hơn, tình tứ cụ thể hơn, dễ chia sẻ hơn...

Thơ tình Xuân Diệu chắc chắn là một trong vài đóng góp lớn nhất vào sự nghiệp thơ Việt Nam. Vì đa số các bài khá dài, chúng tôi chia ra một số tuyển. Sau đây là tuyển 1.

## Vội vàng

Cái tình xuân của Tản Đà với của Xuân Diệu, mới khác nhau sao!

Cùng biết rõ "ta" không mong được ở đời mãi với xuân, một đàng bình thản, điềm đạm:

"Ngoài trăm tuổi vắng ta trên trần thế,  
Xuân nhớ ta chưa dễ biết đâu tìm!  
Cùng nhau nay hãy uống thêm." (bài Gặp Xuân),

một đàng xông xáo, cuống quýt: "... muốn ôm cả sự sống mới bắt đầu mơn mớn (...) muốn thâu trong một cái hôn (...) non nước, và cây, và cỏ rạng (...) cho chênh choáng mùi thơm, cho đã đầy ánh sáng, cho no nê thanh sắc của thời tươi!"

Với người xưa xuân là bạn, gặp nhau nâng chén mời "xuân uống với ta đi". Với người nay xuân là "trái", cứ hễ trông thấy là "muốn cắn"!

----

*Tôi muốn tắt nắng đi  
Cho màu đừng nhạt mất;*

*Tôi muốn buộc gió lại  
Cho hương đừng bay đi.*

*Của ong bướm này đây tuần tháng mật;  
Này đây hoa của đồng nội xanh rì;  
Này đây lá của cành tơ phơ phất;  
Của yến anh này đây khúc tình si  
Và này đây ánh sáng chớp hàng mi.  
Mỗi sáng sớm thần Vui hằng gõ cửa;  
Tháng giêng ngon như một cặp môi gần;  
Tôi sung sướng. Nhưng vội vàng một nửa.  
Tôi không chờ nắng hạ mới hoài xuân.*

*Xuân đương tới, nghĩa là xuân đương qua,  
Xuân còn non, nghĩa là xuân sẽ già,  
Mà xuân hết, nghĩa là tôi cũng mất.  
Lòng tôi rộng, nhưng lượng trời cứ chật,  
Không cho dài thời trẻ của nhân gian;  
Nói làm chi rằng xuân vẫn tuần hoàn,  
Nếu tuổi trẻ chẳng hai lần thắm lại!  
Còn trời đất nhưng chẳng còn tôi mãi,  
Nên bâng khuâng tôi tiếc cả đất trời;  
Mùi tháng năm đều rớm vị chia phôi,  
Khắp sông núi vẫn than thầm "tiễn biệt"...  
Con gió xinh thì thào trong lá biếc,  
Phải chăng hờn vì nỗi phải bay đi?  
Chim rộn ràng bỗng đứt tiếng reo thi,  
Phải chăng sợ độ phai tàn sắp sửa?*

*Chẳng bao giờ, ôi! chẳng bao giờ nữa...*

*Mau đi thôi! mùa chưa ngã chiều hôm,  
Ta muốn ôm  
Cả sự sống mới bắt đầu mơn mởn;  
Ta muốn riết mây đưa và gió lượn,  
Ta muốn say cánh bướm với tình yêu,  
Ta muốn thâu trong một cái hôn nhiều  
Và non nước, và cây, và cỏ rạng,  
Cho chếnh choáng mùi thơm, cho đã đầy ánh sáng,  
Cho no nê thanh sắc của thời tươi;  
- Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi!*

### **Phải nói**

Lòng anh lúc nào cũng cháy bùng bùng, rồi anh bắt em phải đem lòng em ra đốt cho anh thấy, thế này thì em nào chịu nổi anh Xuân Diệu!

Nhưng Xuân có thực "cháy" vì một em cụ thể nào đâu. Xuân "tham lam" sự sống đấy chứ.

Người tình đam mê của Sống thôi đã lâu rồi. Không biết "đâu đó ngoài vô tận", có còn "lang thang" "một mảnh linh hồn nhớ thịt da"?(6)

----

"Yêu tha thiết, thế vẫn còn chưa đủ?  
Anh tham lam, anh đòi hỏi quá nhiều.  
Anh biết rồi, em đã nói em yêu;  
Sao vẫn muốn nhắc một lời đã cũ?"

- Yêu tha thiết, thế vẫn còn chưa đủ.  
Nếu em yêu mà chỉ để trong lòng  
Không tỏ bày yêu mến cũng là không.  
Và sắc đẹp chỉ làm bằng cảm thạch.

Anh thèm muốn vô biên và tuyệt đích,  
Em biết không? anh tìm kiếm em hoài.  
Sự thật ngày nay không thật đến ngày mai,  
Thì ân ái có bao giờ lại cũ?  
Yêu tha thiết thế vẫn còn chưa đủ,  
Phải nói yêu, trăm bận đến ngàn lần;  
Phải mặn nồng cho mãi mãi đêm xuân  
Đem chim bướm thả trong vườn tình ái.  
Em phải nói, phải nói, và phải nói:  
Bằng lời riêng nơi cuối mắt, đầu mày,  
Bằng nét buồn, bằng vẻ thẹn, chiều say,  
Bằng đầu ngả, bằng miệng cười, tay riết,  
Bằng im lặng, bằng chi anh có biết!  
Cốt nhất là em chớ lạnh như đồng  
Chớ thân nhiên bên một kẻ cháy lòng,  
Chớ yên ổn như mặt hồ nước ngủ.

Yêu tha thiết, thế vẫn còn chưa đủ...

### **Nụ cười xuân**

Có phải chỉ một mình "thiếu nữ làm duyên, đứng mỉm cười" đâu.

Vạn vật xung quanh, hoặc làm duyên hoặc không, đều đang cười hoặc mỉm cười.

Bọn chim nhện nhất: cười "ánh ỏi". Mặt trời dĩ nhiên "nóng": cười "chói", may có sương che bớt. Cánh hồng cười "tươi", không biết toe hay nụ. Lá của cây gì đó cười "xôn xao". Gió thơm cười "vô ý". Liễu cười xanh "quá mỹ miều". Hoa bên liễu cười "thắm như kều"...

Có phải riêng "vật" nào đâu, trọn vẹn "mùa xuân chín ửng" đang cười đó.

Trọn vẹn tâm hồn Xuân Diệu đang cười đó, thành một "nụ *thơ* xuân" đưa đến mũi ta tai ta "mùi hương mến yêu" và "tiếng hát say mê" quen thuộc!

----

Giữa vườn ánh ỏi tiếng chim vui,  
Thiếu nữ nhìn sương chói mặt trời.  
Sao buổi đầu xuân êm ái thế!  
Cánh hồng kết những nụ cười tươi.

Ánh sáng ôm trùm những ngọn cao,  
Cây vàng rung nắng, lá xôn xao;

*Gió thơm phơ phất bay vô ý  
Đem đụng cành mai sát nhánh đào.*

*Tóc liễu buông xanh quá mỹ miều  
Bên màu hoa mới thắm như kều;  
Nổi gì âu yếm qua không khí,  
Như thoảng đưa mùi hương mền yêu.*

*Này lướt đầu tiên thiếu nữ nghe  
Nhạc thâm lên tiếng hát say mê;  
Mùa xuân chín ửng trên đôi má  
Xui khiến lòng ai thấy nặng nề...*

*Thiếu nữ bâng khuâng đợi một người  
Chưa từng hẹn đến, - giữa xuân tươi  
Cùng chàng trai trẻ xa xôi ấy  
Thiếu nữ làm duyên, đứng mỉm cười.*

### **Tương tư, chiều...**

Anh nhớ em, luôn thể anh cảm thật kỹ "tất cả buổi chiều".

Anh có em để nhớ, có chiều để "nghe (...) vào chậm chậm ở trong hồn hiu quạnh", là anh may mắn.

Mà em với chiều có anh hết sức thiết tha, nhạy cảm như thế, tương cũng là may mắn!

----

*Bữa nay lạnh, mặt trời đi ngủ sớm;  
Anh nhớ em, em hỡi! anh nhớ em.  
Không gì buồn bằng những buổi chiều êm  
Mà ánh sáng đều hòa cùng bóng tối.  
Gió lướt thướt kéo mình qua cỏ rỗi;  
Vài miếng đêm, u uất, lẫn trong cành;  
Mây theo chim về dãy núi xa xanh  
Từng đoàn lớp nhịp nhàng và lặng lẽ.  
Không gian xám tưởng sắp tan thành lệ.*

*Thôi hết rồi, còn chi nữa đâu em!  
Thôi hết rồi, gió gác với trăng thêm,  
Vội sương lá rụng trên đầu gần gũi.  
Thôi đã hết hờn ghen và giận đối,  
(Được giận hờn nhau, sung sướng bao nhiêu!)  
Anh một mình nghe tất cả buổi chiều  
Vào chậm chậm ở trong hồn hiu quạnh.*

*Anh nhớ tiếng. Anh nhớ hình. Anh nhớ ảnh.  
Anh nhớ em, anh nhớ lắm, em ơi!  
Anh nhớ anh của ngày tháng xa khơi,  
Nhớ đôi môi đang cười ở phương trời,  
Nhớ đôi mắt đang nhìn anh đắm đắm...*

## **Giục già**

Thật, có ai đọc bài thơ sau đây của Xuân Diệu mà không thấy sốt cả ruột, mà không muốn vất hết mọi công việc, chạy ngay đi... yêu.

Không cần phải tìm cho được "em" cụ thể nào đâu, vì Xuân Diệu nói yêu là nói về sự sống đó. Sự sống có bền chắc đâu, ai ơi, hãy chăm "hút nhụy của mỗi giờ *hiện hữu*"!

----

*Mau với chú, vội vàng lên với chú,  
Em, em ơi, tình non đã già rồi;  
Con chim hồng, trái tim nhỏ của tôi,  
Mau với chú, thời gian không đứng đợi.  
Tình thổi gió, máu yêu lên pháp phối;  
Nhưng đôi ngày, tình mới đã thành xưa.  
Nắng mọc chưa tin, hoa rụng không ngờ,  
Tình yêu đến, tình yêu đi, ai biết!  
Trong gặp gỡ đã có mầm ly biệt;  
Những vườn xưa, nay đoạ tuyết dấu hài.  
Gấp đi em, anh rất sợ ngày mai;  
Đời trôi chảy, lòng ta không vĩnh viễn.*

*Vừa xích gỏi chần, mộng vàng tan biến;  
Dung nhan xê động, sắc đẹp tan tành.  
Vàng son đương lộng lẫy buổi chiều xanh,  
Quay mặt lại: cá lấu chiều đã vỡ  
Vị chút mây đi, theo làn vút gió.  
Biết thế nào mà chậm rãi, em ơi?  
Sớm nay sương xê xích cả chân trời,  
Giục hồng nhận thiên di về cõi bắc.  
Ai nói trước lòng anh không phản trắc,  
Mà lòng em, sao lại chắc trơ trơ?  
- Hái một mùa hoa lá thuở măng tơ,  
Đốt muôn nến sánh mặt trời chói lói:  
Thà một phút huy hoàng rồi chợt tối,  
Còn hơn buồn le lói suốt trăm năm.  
Em vui đi, răng nở ánh trắng rằm,  
Anh hút nhụy của mỗi giờ tình tự.  
Mau với chú, vội vàng lên với chú!  
Em, em ơi, tình non sắp già rồi...*

## **Mời yêu**

Xuân Diệu khi này "không hỏi chi nhiều", chỉ cần "... những em gặp gỡ giữa đường qua (...) ngừng mắt lại (...) trao cười, bờ ngõ" là kêu thấy xuân rồi (7), khi khác ông lại đòi em phải "mở miệng vàng... và hãy nói yêu tôi" thì ông mới khỏi "tự thấy lạc loài trong nắng mới". Lòng thi sĩ như nụ một loài hoa khi thì nở dễ dàng, khi tuy đã "mùa xuân lên nặng lắm" nhưng vẫn ngập ngừng, "chờ một tiếng" mới chịu "bùng nên hạnh phúc"...

Cái tiếng kỳ diệu ấy có đặt gì đâu, vì "thực càng hay, mà giả dối lại sao", vì "mặc kệ, nếu đó là dối trá"!

"Hỡi nhan sắc", hãy mau mau mở miệng cho "ta (có có để) tưởng tượng một tình duyên", "cho tôi mơ một ảo tưởng thâm trầm", cho Xuân "ấm đôi ngày xuân trống trải"!

----

Ngày trong lấm, lá êm, hoa đẹp quá,  
Nhan sắc ơi, cây cỏ chói đầy sao.  
Tháng giêng cười, không e lệ chút nào,  
Bằng trăm cánh của bướm chim rối rắm.  
Ai có biết mùa xuân lên nặng lấm  
Trên cành hồng và trong những trái tim?  
Nghe điệu lòng hưởng ứng với ca chim,  
Tôi tự thấy lạc loài trong nắng mới.

Mở miệng vàng... và hãy nói yêu tôi...  
Dầu chỉ là trong một phút mà thôi...

Đã bao lúc màu hoa đem nhớ tới;  
Biết nhớ ai! đành chỉ nhớ xa xôi.  
Lời ái ân ngừng lại ở trên môi,  
Mặt ánh sáng tha hồ reo trên nội.  
Năm nay lại vương bởi hồi gió sợi;  
Năm nay hương giấy lại tới bởi hồi;  
Một trời mơ đang cầu nguyện trong tôi,  
Chờ một tiếng để bừng nên hạnh phúc.

Mở miệng vàng... và hãy nói yêu tôi,  
Dầu chỉ là trong một phút mà thôi...

Cần chi biết ngày mai hay bữa trước?  
Gần hôm nay, thì yêu dấu là nên.  
Tôi ưng đùa, người hãy gạt thân nhiên:  
Ta tưởng tượng một tình duyên mới nụ.  
Người được nói, tôi được nghe là đủ;  
Thực càng hay, mà giả dối lại sao?  
Gặp nhau đây, ai biết tự thời nào;  
Xa nhau nữa, ai đoán ngày tái hội!

Mở miệng vàng, và hãy nói yêu tôi,  
Dầu chỉ là trong một phút mà thôi!

Hỡi nhan sắc, ngại ngần chi không nói,  
Cho trời thêm xanh, cho cảnh càng xinh.  
Cho dư âm vang động của lời tình  
Làm êm ấm đôi ngày xuân trống trải.  
Tôi lắng đợi! nhịp lòng tôi dừng lại!  
Tôi cần tin! tôi khao khát được nhằm!  
Cho tôi mơ một ảo tưởng thâm trầm,  
Và mặc kệ, nếu đó là dối trá!

Mở miệng vàng! và hãy nói yêu tôi!  
Dầu chỉ là trong một phút mà thôi!

## Lời kỹ nữ

Có phải thực cái bài thơ sau đây của Xuân Diệu ngâm giọng Huế nghe nó "thấm" hơn ngâm giọng Bắc? Hay chẳng qua vì đã trót nghe ngâm sĩ nào đó ngâm giọng Huế hay quá mà bây giờ mỗi lần giờ đến Lời Kỹ Nữ lại thấy cổ họng mình chực phát ra... tiếng sông Hương?

Kỹ nữ, bắc trung nam đâu chẳng có. Kỹ nữ "đò" vài nơi có, nổi tiếng nhất là ở Huế.

Đò "hở" hơn nhà nhiều lắm, nên tha hồ mát và tha hồ rợn:

"... Gió theo trăng từ biển thổi qua non;  
Buồn theo gió lan xa từng thoáng rợn."

Gió từng cơn nên rợn từng thoáng, còn trăng thì lúc nào cũng đầy khắp không gian, nên sợ triền miên:

"... Em sợ lắm. Giá băng tràn mọi nẻo.  
Trời đầy trăng lạnh lẽo suốt xương da."

"Xao xác tiếng gà", người tình trăng gió đã đi rồi, mà gió vẫn thổi trăng vẫn sáng... Lạnh quá, sông ơi!

----

*Khách ngồi lại cùng em trong chốc nữa;  
Vội vàng chi, trăng sáng quá, khách ơi.  
Đêm nay rằm: yén tiệc sáng trên trời;  
Khách không ở, lòng em cô độc quá.  
Khách ngồi lại cùng em! đây gối lả,  
Tay em đây, mời khách ngả đầu say;  
Đây rượu nồng. Và hồn của em đây,  
Em cung kính đặt dưới chân hoàng tử.  
Chớ đập hồn em!  
- Trăng từ viễn xứ  
Đi khoan thai lên ngự đỉnh trời tròn;  
Gió theo trăng từ biển thổi qua non;  
Buồn theo gió lan xa từng thoáng rợn.  
Lòng kỹ nữ cũng sâu như biển lớn,  
Chớ để riêng em phải gập lòng em;  
Tay ái ân du khách hãy làm rềm,  
Tóc xanh tốt em xin nguyện dệt võng.  
Đẩy hộ hồn em triền miên trên sóng,  
Trôi phiêu lưu không vọng bến hay gành;  
Vì mình em không được quán chân anh,  
Tóc không phải những dây tình vương víu.  
Em sợ lắm. Giá băng tràn mọi nẻo.  
Trời đầy trăng lạnh lẽo suốt xương da.  
Người giai nhân: bến đợi dưới cây già.  
Tình du khách: thuyền qua không buộc chặt.*

*Lời kỹ nữ đã vỡ vì nước mắt.  
Cuộc yêu đương gay gắt vì làng chơi.*



*Người viễn du lòng bạn nhớ xa khơi,  
Gỡ tay vương để theo lời gió nước.*

*Xao xác tiếng gà. Trăng ngà lạnh buốt.  
Mắt run mờ, kỹ nữ thấy sông trôi.  
Du khách đi.  
- Du khách đã đi rồi.*

### **Xuân không mùa**

Thật là một tuyên ngôn xuân! Thật là một "đại cáo" xuân!

Cáo rằng: xuân là một trạng thái tâm hồn có thể đến bất cứ lúc nào, vào bất cứ tuổi nào. Ngẫu nhiên, nơi Xuân, xuân thường trụ, "vĩnh viễn".

Để cảm cái "đã sẵn trong lòng (...) lai láng", Xuân "không hỏi chi nhiều". Chỉ cần, chẳng hạn,

"Khi những em gặp gỡ giữa đường qua  
Ngừng mắt lại, để trao cưỡi, bỡ ngỡ",

"là xuân đó. Tôi đợi chờ chi nữa?!"

Nhớ Nguyễn Tuân chợ Tết Hương Cảng: "Thình thoảng, liếc sang dòng người đi ngược bên phía tay phải, tôi đón nhận được bao nhiêu nụ cười của những giai nhân không quen biết. Những đóa hoa hàm tiếu kia chỉ hiện ra trong khoảnh khắc, nhanh như một tia chớp sáng. Những hình ảnh ám áp, tươi tỉnh ấy, hiện ra cho tôi đủ thì giờ để thêm tiếc..." (trong *Một chuyến đi*).

Nguyễn vô duyên với giai nhân Cảng đành, còn Xuân tuy được giai nhân Hà Nội (?) "tình lại hứa" nhưng thừa biết rồi cũng lại "duyên hò" nhưng vẫn "nghe xôn xao rờn rợn đến hay hay...". Nguyễn "thèm tiếc" vì xuân này đơn chiếc, còn Xuân vô tư đón "bình minh quá" vì với Xuân thực ra "những em (...) trao cưỡi" kia chẳng qua có để xuân lòng lại dợm nở làn thứ... không nhớ bao nhiêu!

----

*Một ít nắng, vài ba sương mỏng thắm  
Mấy cành xanh, năm bảy sắc yêu yêu  
Thế là xuân. Tôi không hỏi chi nhiều  
Xuân đã sẵn trong lòng tôi lai láng  
Xuân không chỉ ở mùa xuân ba tháng  
Xuân là khi nắng rạng đến tình cờ  
Chim trên cành há mỏ hót ra thơ  
Xuân là lúc gió về không định trước  
Đông đang lạnh, bỗng một hôm trở ngược  
Mây bay đi để hở một khung trời  
Thế là xuân. Ngày chỉ ảm hơi hơi  
Như được nắm một bàn tay son sè...*

*Xuân ở giữa mùa đông khi nắng hé  
Giữa mùa hè khi trời biếc sau mưa  
Giữa mùa thu khi gió sáng bay vừa  
Lùa thanh sắc ngẫu nhiên trong áo rộng*

Nếu lá úa trên cành bàng không rụng  
Mà hoa thưa ửng máu quá ngày thường  
Nếu vườn nào cây nhãn bỗng ra hương  
Là xuân đó. Tôi đợi chờ chi nữa?

Bình minh quá, mỗi khi tình lại hứa  
Xuân ơi xuân vĩnh viễn giữa lòng ta  
Khi những em gặp gỡ giữa đường qua  
Ngừng mắt lại, để trao cười, bỏ ngỡ  
Ấy là máu báo tin lòng sắp nở  
Thêm một phen, tuy đã mấy lần tàn  
Ấy là hồn giăng rộng khắp không gian  
Để đánh lưới những duyên hờ mới mẻ  
Ấy những cánh chuyển trong lòng nhẹ nhẹ  
Nghe xôn xao rộn rạn đến hay hay...  
Ấy là thư hồi hộp đón trong tay  
Ấy dư âm giọng nói đã lâu ngày  
Một sớm tím bỗng dịu dàng đồng vọng...

Miền trời sáng, mà lòng ta dọn sóng  
Thế là Xuân. Hà tất đủ chim, hoa?  
Kể chi mùa, thời tiết, với niên hoa  
Tình không tuổi, và xuân không ngày tháng.

## **Biển**

Sau *Thơ thơ* (1938) và *Gửi hương cho gió* (1945), Xuân Diệu sáng tác có ít hẳn đi. Những cảm xúc độc đáo của ông không thường hiện thành thơ cho ta thưởng thức nữa; tuy nhiên, chúng vẫn còn đó, như có thể thấy trong bài thơ *Biển* sau đây. Vẫn cái chủ trương "... yêu mà chỉ để trong lòng, không tỏ bày yêu mến cũng là không (...) phải nói, phải nói, và phải nói"(8), lần này ông tìm ra được một hình ảnh thật thích hợp để minh họa: biển hôn đi hôn lại bờ.

Bị biển tỏ bày "mãi mãi", bờ hết chịu nổi, đành rã toại thành từng hạt... thời gian!(9)

----

Anh không xứng là biển xanh  
Nhưng anh muốn em là bờ cát trắng  
Bờ cát dài phẳng lặng  
Soi ánh nắng pha-lê.

Bờ đẹp để cát vàng  
Thoai thoải hàng thông đứng  
Như lặng lẽ mơ màng  
Suốt ngàn năm bên sóng.

Anh xin làm sóng biếc  
Hôn mãi cát vàng em  
Hôn thật khẽ, thật êm  
Hôn êm đềm mãi mãi.

Đã hôn rồi, hôn lại  
Cho đến mãi muôn đời

*Đến tan cả đất trời  
Anh mới thôi dào dạt.*

*Cũng có khi ào ạt  
Như nghiêng nát bờ em  
Là lúc triều yêu mến  
Ngập bến của ngày đêm.*

*Anh không xứng là biển xanh  
Nhưng cũng xin làm bể biếc  
Để hát mãi bên gành  
Một tình chung không hết;*

*Để những khi bọt tung trắng xóa  
Và gió về bay tỏa nơi nơi  
Như hôn mãi ngày đêm không thỏa,  
Bởi yêu bờ lắm lắm, em ơi.*

### **Dấu nằm**

Thật là... gọi cảm. Đây "đường vai", đây "nét tay", đây... đây...!

Nhưng "dấu nằm" chẳng qua hình ảnh chứ đâu phải chính người. "Dấu hương vương vấn" ấy mới đích thị là "em". Nhưng hương vô hình. Phải kết hợp cả hai thứ dấu lại thì mới thấy như sờ sờ "minh trong chăn đắp, tóc quanh gối nằm"!

Nếu "thanh thanh" mà không phải là "dấu người yêu dấu" thì "anh" bất quá chỉ có thể bằng khuâng tự hỏi người ngọc nào đó đâu rồi. Đằng này, mới "đêm qua bốn phía trăng vàng"...

Bài thơ làm năm 1977. Cái đêm qua ấy không biết "là bao giờ", chỉ biết tuy xác đã ngoại lục tuần mà "hồn anh" "bây giờ" vẫn hầy còn xuân lắm...

----

*"Ghe lui còn để dấu dằm,  
Người yêu đâu vắng, dấu nằm còn đây."(10)  
Dấu nằm cũng vẫn xinh thay,  
Đường vai phảng phất, nét tay mơ màng.*

*Đêm qua bốn phía trăng vàng,  
Bên em anh cứ bàng hoàng tỉnh mơ.  
"Tuồng bây giờ là bao giờ"(11)  
Thật đây, em vẫn là thơ trên trời.*

*Dấu nằm còn đó, em ơi  
Dấu hương vương vấn từng hồi ngắt ngáy  
Thoảng thơm lan xạ nào tà,  
Hơi thương em thở, ngắt đầy hồn anh.*

*Dấu người yêu dấu thanh thanh,  
Minh trong chăn đắp, tóc quanh gối nằm.  
"Ghe lui còn để dấu dằm"  
Người yêu đâu vắng, dấu nằm còn thương...*

- (1) Loàn đản: lằng lằng, mạo muội; cả lòng: rộng lòng. (*Tuyển tập Hoài Thanh*, tập II, nxb. Văn Học, VN, 1982, tr. 41)
- (2) *Sơ kính tân trang* có lẽ là thi phẩm xưa gần với thơ tình nhất, nhưng Phạm Thái cũng ngại trang đi chứ không để công khai là chuyện tình cảm riêng tư của chính mình.
- (3) Xem bài Lời Thơ Vào Tập Gửi Hương của Xuân Diệu.
- (4) Trích "Thơ tình của Xuân Diệu", tức lời tựa Huy Cận viết cho tập thơ *Đây chòm thương nhớ* của Xuân Diệu (hình như chưa in), như in trong *Xuân Diệu - con người và tác phẩm*, nxb. Tác Phẩm Mới, VN, 1987.
- (5) Xem *Thi nhân Việt Nam* (1942).
- (6) Hai câu chót bài thơ Tạ Từ Thân Xác của Võ Phiến: "Lang thang đâu đó ngoài vô tận / Một mảnh linh hồn nhớ thịt da".
- (7) Xem bài Xuân Không Mùa.
- (8) Xem bài Phải Nói.
- (9) Xem bài Trời Sao Trên Biển của Huy Cận.
- (10) Ca dao Nam bộ.
- (11) *Truyện Kiều*, câu 3013.

## Xuân Diệu Tuyển 2

### Thu Tứ

Thơ thơ (1938)

- *Chiều*
- *Xa cách*
- *Đây mùa thu tới*

Gửi hương cho gió (1945)

- *Lời thơ vào tập*
- *Xuân đầu*
- *Hoa đêm*

Thơ sau 1945

- *Mãi mãi*
- *Đi núi*
- *Đời anh em đã đi qua*
- *Cây đời mãi mãi xanh tươi*
- *Hoa anh ơi*
- *Đứng chờ em*

\*

### Chiều

Bài thơ sau đây đề tặng Nguyễn Khắc Hiếu.

Có thể chỉ tình cờ, có thể Xuân Diệu đã cố ý chọn một bài tương đối ít "Mới" của mình khi nghĩ đến nhà thơ cũ...

Tuy làm theo thể lục bát và giọng không sôi nổi như điển hình "*Thơ thơ*", Chiều vẫn không tiện sắp chung vào với, chẳng hạn, Thề Non Nước.

"Bình cũ" nhưng "rượu mới", không biết Tản Đà cạn chén rồi có khả được một tiếng thường thức văn chương của hậu sinh chăng?

----

Hôm nay, trời nhẹ lên cao,  
Tôi buồn, không hiểu vì sao tôi buồn...  
Lá hồng rơi lặng ngổ thuôn,  
Sương trinh rơi kín từ nguồn yêu thương.  
Phát phơ hồn của bông hường,  
Trong hơi phiêu bạc còn vương máu hồng.  
Nghe chùng gió nhớ qua sông,(1)  
E bên lau lách thuyền không vắng bờ.  
- Không gian như có dây tơ,  
Bước đi sẽ đứt, động hờ sẽ tiêu.  
Êm êm chiều ngẩn ngơ chiều,  
Lòng không sao cả, hiu hiu khẽ buồn...

### **Xa cách**

Em với anh đâu "cách" bằng cây số  
Nên "xích" bao nhiêu, "xa" cứ bao nhiêu  
Sao cho hồn một, đó mới là điều  
Tuy dấu một, vẫn "chứa đầy bí mật"!

----

Có một bận em ngồi xa anh quá,  
Anh bảo em ngồi xích lại gần hơn.  
Em xích gần thêm một chút; anh hờn.  
Em ngoan ngoãn xích gần thêm chút nữa.  
Anh vẫn giận. Em mỉm cười vội vã  
Đến kề anh, và mơn trớn: "Em đây!"  
Anh vui liền; nhưng bỗng lại buồn ngay  
Vì anh nghĩ: thế vẫn còn xa lắm.

Đôi mắt của người yêu, ôi vực thăm!  
Ôi trời xa, vừng trán của người yêu!  
Ta thấy gì đâu sau sắc yêu kiều  
Mà ta riết giữa đôi tay thất vọng.  
Dấu tin tưởng: chung một đời, một mộng.  
Em là em; anh vẫn cứ là anh.  
Có thể nào qua Vạn Lý Trường Thành  
Của hai vũ trụ chứa đầy bí mật.

Thương nhớ cũ trôi theo ngày tháng mát,  
Quá khứ anh, anh không nhắc cùng em.  
- Linh hồn ta u ẩn tựa ban đêm,  
Ta chưa thấu, nữa là ai thấu rõ.  
Kiếm mãi, nghi hoài, hay ghen bóng gió,  
Anh muốn vào dò xét giấc em mơ,  
Nhưng anh giấu em những mộng không ngờ,  
Cũng như em giấu anh những điều quá thực.

Hãy sát đôi đầu! Hãy kề đôi ngực!  
Hãy trộn nhau đôi mái tóc ngắn dài!

*Những cánh tay! hãy quấn riết đôi vai!  
Hãy dâng cả tình yêu lên sóng mắt!  
Hãy khăng khít những cặp môi gắn chặt  
Cho anh nghe đôi hàm ngọc của răng.  
Trong say sưa, anh sẽ bảo em rằng:  
"Gần thêm nữa! thế vẫn còn xa lắm!".*

### **Đây mùa thu tới**

Này liễu chịu tang, này áo mơ phai, này lá run rẩy, này nhánh khô gầy... Rồi này trăng tự ngần  
ngơ, non nhạt sương mờ, rét luồn trong gió, đồ vắng người sang, mây vẫn từng không, chim  
bay mất hút, khí trời u uất... "Mùa thu tới - mùa thu tới" như thế, trách sao "ít nhiều thiếu nữ...".

Nhưng như thế... việc gì đến Xuân Diệu? Ông là thi sĩ của mùa xuân, là con chim chuyên ca  
"bài ca sự sống"...

Có lẽ, khi người ta say đắm màu xanh, mà "sắc đỏ (và cả sắc vàng) rữa màu xanh" thì người ta  
khó khỏi động lòng...

Đọc thơ thu Mới, nhớ thơ thu cũ:

"Ao thu lạnh lẽo nước trong veo  
Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo..."

Mới hay, mà cũ cũng vẫn hay.

----

*Rặng liễu đìu hiu đứng chịu tang,  
Tóc buồn buông xuống lệ ngàn hàng;  
Đây mùa thu tới - mùa thu tới  
Với áo mơ phai dệt lá vàng.*

*Hơn một loài hoa đã rụng cành  
Trong vườn sắc đỏ rữa màu xanh;  
Những luồng run rẩy rung rinh lá...  
Đôi nhánh khô gầy xương mỏng manh.*

*Thỉnh thoảng nàng trăng tự ngần  
Non xa khởi sự nhạt sương mờ...  
Đã nghe rét mướt luồn trong gió...  
Đã vắng người sang những chuyến đò...*

*Mây vẫn từng không, chim bay đi.  
Khí trời u uất hận chia ly.  
Ít nhiều thiếu nữ buồn không nói  
Tựa cửa nhìn xa, nghĩ ngợi gì.*

### **Lời thơ vào tập Gửi hương**

Năm 1938 Xuân Diệu xuất bản *Thơ thơ*, năm 1945 *Gửi hương cho gió*.

Tính cả hai thi tập, "con chim xanh" khi ấy đã "ngựa cỏ hát chơi" lăm lăm bài đọc đáo rồi, cái  
giọng "réo rắt" của nó đã vang khắp cả trời thơ rồi. May quá, vậy mà nó chưa "vỡ cổ", chưa

"héo tim xanh", chưa "sa rưng giữa bình minh", sau đó vẫn còn tiếp tục "ca" thêm được mấy chục năm nữa.

Sau 1945 chim "hát" tuy có khác giọng đi, bớt "giục giã", bớt "vội vàng", nhưng nhiều lúc nghe vẫn rất dễ lọt tai, vào đến tận lòng!

----

*Tôi là con chim đến từ núi lạ,  
Ngựa cổ hát chơi,  
Khi gió sớm vào reo um khóm lá,  
Khi trăng khuya lên ủ mộng xanh trời.*

*Chim ngậm sỏi đậu trên cành bịn rịn,  
Kêu tự nhiên, nào biết bởi sao ca.  
Tiếng to nhỏ chẳng xui chùm trái chín;  
Khúc huy hoàng không giúp nở bông hoa.*

*Hát vô ích, thế mà chim vỡ cổ,  
Héo tim xanh cho quá độ tài tình.  
Ca ánh sáng bao lần dây máu đỏ,  
Rồi một ngày sa rưng giữa bình minh.*

*Tôi réo rắt, chẳng qua trời bắt vậy.  
Chiếc thuyền lòng, nước đẩy phải trôi theo.  
Gió đã thổi, cho nên buồn phải dậy;  
Hồn vu vơ, tội ấy ở mây đèo!*

*Nghiep tài tử nghìn xưa đông lắm chắc;  
Chúng tôi hùn làm một kiếp đa duyên  
Cảm nếp trán của người lo sáu khắc,  
Thương năm canh nước mắt những ai phiền.*

*Nghề lựa chữ, thôi một trò trẻ nhỏ!  
Dăm câu vui đáp đối với câu sầu;  
Sương với bóng, không nghĩa gì tỏ rõ;  
Xin đừng cười! đời có nghĩa chi đâu?*

*Tiếng tôi hát chẳng làm ai tươi nở,  
Nhưng sách này, tôi để cả trái tim;  
Giờ cho khéo, kéo lòng tôi động vỡ;  
Hồn người tình mỏng lắm, xếp cho êm!*

*Nắng cũ phai rồi, lòng tôi vẫn cất  
Một chiều ong vàng đẹp sắc năm mây.  
Xuân vội bước, nhưng mà hương chẳng mất:  
Tôi với tay giam giữ ở trong này.*

*Nếu trang giấy có động mình tuyết bạch,  
Ấy là tôi dào dạt với âm thanh.*

*Hồn thắc mắc vẫn đi về với sách,  
Dưới tay ai xem lại nỗi lòng mình.*

*Vâng, đáng lẽ làm xong tôi giữ lấy;  
Vui gì đâu mà đưa đẩy dương tranh,  
Nhưng, cũng lạ! nỗi tình đau khổ ấy,  
Để riêng tây, như có chỗ không đành.*

*Thôi thì đó, nói cùng nhau cho thỏa.  
Ai có thương thì tôi cũng cảm ơn,  
Ai có ghét, tôi cũng cười khuấy khuấy;  
Lỗi vì tôi, tôi đâu dám giận hờn.*

*Nhưng nghĩ lại: sống vẫn là hơn chết;  
Gần hơn xa; yêu mến ngọt ngào thay!  
Nên, thú thật, tôi mong nhiều kẻ biết  
Xem nhiều thơ và nhớ lại nhiều ngày.*

*Và nghĩ ngợi: "Ai mà ai oán thế!  
Ở nơi đâu mà giọng nói tiêu tao!"  
Thưa, một kiếp ai không từng nhỏ lệ!  
Ta cùng buồn: mượn trồn vuốt ve nao!*

*Và hãy yêu tôi, một giờ cũng đủ,  
Một giây cũng cam, một chút cũng đành;  
Khổ tôi hát, loài người xin chớ phụ!  
Cô hãy dịu dàng; chậm chậm, thưa anh!*

*Thơ tôi đó, gió lùa đem tỏa khắp!  
Và lòng tôi, mời mọc bạn chia nhau.  
Trông thấy nghìn môi rượu mùa ấm áp,  
Tôi sẽ vui được có tấm lòng sầu.*

*Tôi là con chim đến từ núi lạ,  
Ngựa cỏ hát chơi;  
Hãy nghe lấy. Còn như sao rĩ rả,  
Hỏi làm chi! Tôi không biết trả lời.*

### **Xuân đầu**

Nhằm sao được cái giọng thơ sôi nổi ấy! Thường sôi rồi nguội nhưng thơ tình Xuân Diệu không nguội mà cứ tiếp tục sùng sục chực... trào, hết bài này sang bài khác, cho đến mãi Cách mạng tháng Tám mới bắt đầu giảm nhiệt độ.

Xuân biết bao xuân nhưng với Xuân chỉ một xuân đầu là đáng kể. Xuân không cần dài, vì chỉ "một phút nhìn nhau" là đã "vô cùng"...

Ờ, mà sao tên khai sinh của nhà thơ lại hợp với thơ thế nhỉ. "Xuân Diệu" là cái vẻ tươi đẹp diệu kỳ của mùa xuân. "Thiên nhiên quá!"

----



*Trời xanh thế! hàng cây thơ biết mấy!  
Vườn non sao! đường cỏ mộng bao nhiêu!  
Khi Phạm Thái gặp Quỳnh Như thuở ấy,  
Khi Chàng Kim vừa được thấy Nàng Kiều.*

*Hồi năm tháng vội đi làm quá khứ,  
Trở về đây! và đem trở về đây  
Rượu nơi mắt với khi nhìn ướm thử,  
Gắm trong lòng và khi đứng chờ ngây.*

*Và nhạc phát dưới chân mừng sánh bước;  
Và tơ giăng trong lời nhỏ khơi ngòi;  
Tà áo mới cũng say mùi gió nước,  
Rặng mi dài xao động ánh dương vui.*

*Thiên liêng quá, những chiều không dám nói,  
Những tay e, những đầu ngượng cúi mau;  
Chim giữa nắng sao mà kêu đến chói!  
Ôi vô cùng trong một phút nhìn nhau.*

### **Hoa đêm**

Vì "trăng mới lái phủ màng tơ ảo mộng", mọi thứ trong đêm bỗng hóa người. Hoa là "họ" là "nàng", giây phút là "đoàn", gió là "chàng" là "công tử"...

Vẫn dưới "màng tơ ảo mộng" của trăng, các ghi nhận của giác quan bỗng trở nên lẫn lộn, khó phân biệt: "tiếng" bỗng "thơm", "âm điệu" bỗng như "màu sắc"...

Nhớ Hàn Mặc Tử. Cái ánh trăng - "ánh nguyệt tuôn trời" -, nó khiến một số tâm hồn Bình Định bỗng như... mọc cánh, tung cánh tìm lên "cõi xa bay"!

----

*Chen lá lục, những búp nhài mở nửa,  
Hóp bóng trắng đầy miệng nhỏ xinh xinh.  
Vì gió im, và đêm cứ làm thình.  
Đoàn giây phút cũng lần khân nghĩ đã.  
Trăng ở đó; đất vườn thêu bông lá;  
Trời trên kia vàng mạ, sáng như băng;  
Lá lim dim trên mấy ngọn bằng-bằng;  
Cành lả lả tưởng chờ ai đón đầy.  
Ôi vắng lặng!  
Trong giờ mơ ngủ ấy,  
Bỗng hoa nhài thức dậy, sánh từng đôi;  
Hoa nhài xanh, dưới ánh nguyệt tuôn trời,  
Ánh nguyệt trắng trên hoa nhài đúc sữa.*

*Sao họ khéo nỡ mà bỏ ngỡ,  
Những nàng hoa chờ đợi gió phong lưu;  
Chiều khả liên áo mới, khẽ nghiêng đầu,  
Mỗi cánh bướm yêu yêu thân tuyết bạch.  
Nguyệt lác đác tiếng nở dòn lách tách  
Lòng phơi phới chùng đợi cái ong châm;*

*Miệng thở ra hương, hương tỏa tình ngấm,  
Hoa kỹ nữ đã mở lời trên ghẹo.*

*Chàng gió lại đi khuya ngoài khuất nẻo,  
Nghe tiếng thom, liễu liễu đến tìm hương.  
Cánh-du-lang tha thướt phát qua tường,  
Áo công tử giải là vương não nuột.  
Này hoa ngọc đã giệt mình trắng muốt,  
Thoảng tay tình gió vuốt bỗng lao đao:  
- Hương hiu hiu, nên gió cũng ngọt ngào,  
Hón nhỏ nhỏ mà đầu hoa nặng trĩu.*

*Là màu sắc hay chỉ là âm điệu?  
Là hương say hay chính ấy rượu thơm?  
Gió canh khuya hay nghìn ngón tay ôm?  
Trắng mối lái phủ màng tơ ảo mộng...  
Gió chấp cánh cho hương càng tỏa rộng,  
Xốc nhau đi vào khắp cõi xa bay  
Và hương bay, thì hoa tưởng hoa bay...*

### **Mãi mãi**

"Mãi mãi là trong những phút giây"?

Thì cũng như:

"Ôi vô cùng trong một phút nhìn nhau".(2)

Và như "thà một phút huy hoàng rồi chợt tối".(3) Tối là chỉ bên ngoài chứ bên trong lòng người thì mãi mãi "huy hoàng"...

*"Diệu Xuân mãi mãi hôm nay,  
Thơ thơ nở rộ cuồng say một đời!"*

Bài này tuy xuất bản năm 1949 nhưng rõ ràng thuộc vào mạch tiền chiến. Thẻ song thất lục bát rất hiếm trong thơ Mới, càng hiếm trong thơ Mới của Xuân Diệu. "Mãi Mãi" đem ra ngâm nga, thấy quả nhiên rất hợp.

----

*Vâng, anh sẽ yêu em mãi mãi;  
Mãi mãi là trong những phút giây...  
Sắc hồng mãi mãi hôm nay,  
Hoa sim nở rộ cuồng say một đời;*

*Em nói nhỏ: "Hỡi người yêu dấu,  
Hãy yêu em mãi mãi nghe anh!"  
Say sưa anh cũng dặn tình:  
"Yêu anh mãi mãi nghe! mình yêu anh."*

*Hoa nửa buổi muốn thành vụn thuở,  
Lòng một đời tính độ ngàn năm;*

Sông trôi núi lở âm thầm,  
Đường đi vũ trụ có cầm được đâu!

Nhưng ta sẽ yêu nhau mãi mãi...  
Mãi mãi là trong những phút giây;  
Lâu dài là bóng, là mây,  
Là môi kỳ ngộ, là tay hảo cầu.

Mãi mãi ở trong câu hò hẹn;  
Mãi mãi trong ý nguyện bình sinh;  
Thời gian không phải của mình,  
Tính chi mãi mãi bằng tình tháng năm?

- Vâng, anh sẽ yêu em mãi mãi,  
Trong phút giây ân ái muôn đời.  
Mai kia dù có rẽ rời,  
Đôi ta đã mãi mãi ngồi bên nhau.

### **Đi núi**

Tưởng tượng một người "da vang nắng ngàn", "giọng pha tiếng suối", "mắt say trời xanh", hai tay bung đầy... gió, hai chân "từng bước khễ, diu dặt tới người thương"! Xuân Diệu đó.

Định tìm xem năm "đi núi" Xuân bao nhiêu tuổi mà còn tình tứ thế, nhưng sực nhớ: "Tình không tuổi, và xuân không ngày tháng".(4)

----

Em! Anh đi núi về  
Đầu còn ngân gió núi,  
Da còn vang nắng ngàn,  
Giọng còn pha tiếng suối.

Em! anh từng bước khễ  
Tay bung đầy gió hương;  
Có cả hoa ngô núi  
Lay cò trong lũng sương;

Có cả hoa chuối rừng  
Đỏ lóe trên lùm biếc.  
Em! anh đi núi về  
Gặp mây đèo quần quít.

Trời xanh trên những đỉnh  
Đã bọc cả người anh;  
Trên cao nhìn biển núi  
Mắt hãy còn say xanh.

Băng cao lại vượt mau  
Núi non một tháng trường;  
Hôm nay từng bước khễ  
Diu dặt tới người thương.

## **Đời anh em đã đi qua**

"Em đi, anh ngóng trông chùng  
Anh về, miệng đã gọi lừng: em ơi!".

Em đi qua đời anh "sáng thơm như một luồng hoa", vậy mà anh không giữ em lại được, tiếc quá.

Không biết chuyện gì đã xảy ra khiến ân tình chỉ vồn vện "bốn năm kỳ diệu". Chỉ biết sau khi bị đẩy ra khỏi "thiên đường cõi trần", sau khi "lại khép trời xanh", thì Xuân Diệu tiếp tục "sống bằng nhớ lại nguồn vui (...)" khi ôm cả đất trời cùng em". Em đi mất rồi, nhưng em đã "chất cho anh biết bao nhiêu" "ánh hương" đủ "thơm thanh suốt đời". "Muôn vàn cảm tạ em yêu"!

----

### *Đời anh em đã đi qua*

*Sáng thơm như một luồng hoa giữa đời  
Hiều làm sao hết, em ơi  
Bốn năm kỳ diệu, đất trời, nhờ em.  
Ngôi nhà cánh cổng trái tim  
Khóm cây, con mắt ngày đêm đón mừng.*

*Em đi, anh ngóng trông chùng  
Anh về, miệng đã gọi lừng: em ơi!  
Bữa ăn thành một hội vui,  
Có em gắp với, rau thô cũng tình;  
Cảnh thường cũng hóa ra xinh;  
Có em, anh hết ngẫm mình bơ vơ.*

*Bốn năm đắm ám say sưa,  
Tình yêu có biết hạn bờ nào đâu.  
Bốn năm nhưng cũng qua mau,  
Cõi trần ai được ở lâu thiên đường!  
Giã từ, từ biệt đôi phương  
Đôi nơi, đôi ngả, đôi đường, khổ anh!*

*Bốn năm lại khép trời xanh  
Nhớ em như một mộng lành mà thôi.  
Từ đây anh lại trong đời  
Bữa cơm ngồi với một đôi đũa cầm,  
Giường kia một bóng anh nằm;  
Phòng vẫn một sách đăm đăm sớm chiều.*

*Muôn vàn cảm tạ em yêu  
Chất cho anh biết bao nhiêu ân tình!  
Ai hay anh đã để dành  
Ánh hương một thuở thơm thanh suốt đời?  
Sống bằng nhớ lại nguồn vui,  
Nhớ khi ôm cả đất trời cùng em... (Thanh Hóa 23-6-1965)*

## **Cây đời mãi mãi xanh tươi**

Mọi lý thuyết đều đầy khái niệm. Khái niệm là thực tại sau khi đã đi qua trí óc ta. Thực tại vốn sống động, nhưng trí óc ta lọc hết chất sống, cho nên mọi khái niệm đều cứng đờ.

Nếu trồng "cây đời" mà ta không nghĩ gì hết, chỉ tập trung cảm, thì trong ta sẽ có một cái gì đó cũng "mãi mãi xanh tươi"...

----

*Mọi lý thuyết đều màu xám, và cây đời vĩnh viễn xanh tươi  
Vĩnh viễn chim ca, vĩnh viễn nắng cười  
Vĩnh viễn anh yêu em, như yêu sự thật  
Và cây đời mãi mãi xanh tươi.*

*Mãi mãi em ơi  
Cây đời chiu trái  
Gió trong lá mùa thu rồi trở lại  
Rì rào đời ta tình ái muôn đời.*

*Trong mắt đen em mãi mãi ánh trời  
Ngồi qua một sợi tóc buông rũ trán  
Mãi mãi môi em nhụy đời vô hạn  
Và cây đời ôi! sáng lạ xanh tươi. (1 - 1971)*

### **Hoa anh ơi**

"Toàn cây là một nỗi lòng nở hoa"...

Không biết cây gì, mà lại nở thành... nỗi lòng Xuân Diệu.

Mà cần gì là cây gì, cứ bên "em" "nắm tay trò chuyện thăm thì", một lúc em "ơi", thế là "anh" nở!

----

*Hoa này là hoa "anh ơi",  
Là hoa một buổi đẹp trời, ta đi  
Nắm tay trò chuyện thăm thì,  
Bỗng nhiên em thốt: "Hoa gì? anh ơi!"*

*Cây thanh một tán lá cười,  
Một vùng hoa nở hồng tươi một vùng.  
Sắc đào như thể rung rung,  
Toàn cây là một nỗi lòng nở hoa.  
Anh tìm tên mãi không ra,  
Phải anh đào? hoặc như là ô môi?*

*Biết bao yêu mến trong lời  
Thốt kêu hai tiếng từ nơi ruột rà.  
Từ rày xin đặt tên hoa:  
"Hoa-anh-ơi" - một chiều ta - nở đây.*

### **Đứng chờ em**

Chào ơi, thơ của "*Thơ thơ*" đây sao. Nào đâu những lời "Giục Giã", ý "Vội Vàng" một thời từng... bản liên thanh. "Anh" nay đã "vun được đức kiên trì"!

Nào chỉ một "đức". Xưa "kiếm mồi, nghi hoài, hay ghen bóng gió", thậm chí "muốn vào dò xét giấc em mơ", nay dù em không đến, dù "thức ăn kia gấp một mình, tủi lòng, anh vẫn vững *đức tin*"!

Đức hai, tài cũng ít nhất hai: tiếp em, anh không chỉ chuẩn bị vòng tay, nụ hôn, mà còn trở tài nấu nướng, "chăm (...) cái bếp nhà", tài "dọn bưng ra" tận bàn tận phản. Anh "tâm thành" mong "vào bát cho em vị đậm đà", có biết hỡi em!

Nhưng chó ai tưởng "tài đức" thế, là "dạ anh" đã thôi "cháy" nhé. Lục tuần vẫn "khổ mong chờ", Xuân nay dầm thắm hơn chứ không phải tươi kém Xuân xưa.

----

*Trong buổi chiều hôm bóng nhá nhem  
Anh ra trước cổng đứng chờ em  
Nhận từng vóc dáng từ xa tới  
Lọc lấy một hình anh thuộc quen.*

*Anh thấy ai ai cũng vội vàng  
Như chim hôm thoi thốt về rừng  
Người đi xe đạp đấm chiêu lăm  
Nghĩ bếp nhà đang lửa bập bùng.*

*Anh cũng chăm xong cái bếp nhà  
Tâm thành cơm nước dọn bưng ra  
Một tuần mong đến hôm nay tiếp  
Vào bát cho em vị đậm đà.*

*Nhưng bóng hoàng hôn đặc lại rồi  
Hình em anh thuộc thế mà - ôi!  
Mấy phen suýt nữa reo "Em đến!"  
Lại an ủi lòng: "Hãy đợi thôi!".*

*Anh đứng như trồng, chẳng chịu đi  
Nhớ nhung vun được đức kiên trì  
Anh nhìn nét mặt người qua vội  
Thông cảm muôn đời những biệt ly.*

*Nếu thức ăn kia gấp một mình  
Tủi lòng, anh vẫn vững lòng tin  
Thương em vất vả, anh quên hết  
Nỗi khổ mong chờ cháy dạ anh. (18-8-1976)*

(1) Câu này có bản in là: "Nghe chùng gió ý qua sông".

(2) Câu này trong bài Xuân Đầu.

(3) Câu này trong bài Giục Giã.

(4) Câu này trong bài Xuân Không Mùa.

\*\*\*

## Phụ đính II :

### Giải mã nghi án giới tính của "ông hoàng thơ tình" Xuân Diệu Lã Xưa

Những nghi ngờ xung quanh giới tính của Xuân Diệu cứ âm ỉ như vậy suốt mấy chục năm, từ thời ông còn trai trẻ cho đến sau khi chia tay với vợ. Khi cuốn hồi ký "Cát bụi chân ai" của nhà văn Tô Hoài ra đời năm 1993, nhiều người đã tin về "tình trai" của Xuân Diệu. Nhưng có lẽ, người biết rõ nhất về chuyện phòng the của Xuân Diệu chỉ có người vợ cũ của ông, nữ đạo diễn nổi tiếng Bạch Diệp. Sau nhiều năm, cuối cùng bà cũng tiết lộ với báo ĐS&PL những câu chuyện được giấu kín trong lòng...

#### **Những đêm "tình trai" ở U tỳ quốc!**

Đối với nhiều người, cuốn Hồi ký cát bụi chân ai của nhà văn Tô Hoài xuất bản năm 1993 như là "đáp án" cho câu hỏi bấy lâu về giới tính của "ông hoàng thơ tình" Việt Nam. Nhưng ở một nguồn dư luận khác thì lại cho rằng, đó chỉ là những hồi ức của một người, không đủ để chứng minh rằng Xuân Diệu chỉ hoàn toàn mê đắm các mối "tình trai". Đặc biệt là đoạn tả những đêm "ma quái": "Bàn tay ma ở đâu sờ vào. Không phải. Tay người, bàn tay người đầy đặn, ấm ấm. Hai bàn tay mềm mại xoa lên mặt lên cổ rồi xuống dần, xuống dần khắp mình trần truồng trong mảnh chăn dạ... Chẳng còn biết đương ở đâu, mình là ai, ta là ai, hai cơ thể con người quấn quai, quấn quít cánh tay, cặp đùi thừng chảo trói nhau lại, thít lại, giằng ra. Niềm hoan lạc trong tôi vỡ ra, lên cơn dữ dội, dần ngửa cái xác thịt kia. Rồi như chiêm bao, tôi rời rã, thống khoái, im lặng... Trời rạng sáng. Xuân Diệu trở về màn mình lúc nào không biết. Tôi hé mắt nhớ lại những hứng thú khủng khiếp. Những cảm giác nồng nàn kích thích trong bóng tối đã trở ra khi sáng bạch. Tôi chạy xuống cánh đồng giữa mưa... Nhưng đêm mai lại vào cuộc kịch liệt hơn. Trong đêm quái quỷ lại thấy mình không phải mình mọi khi, cũng không biết rồi trời lại sáng. Cho đến khi thật thấy rạng sáng mới rờn rợn tởm".

Những dòng hồi ức của Tô Hoài về năm tháng ở "U tỳ quốc" Yên Dã, huyện Đại Từ, Thái Nguyên (U tỳ quốc là cách gọi của Xuân Diệu) còn có hình ảnh các chàng trai trẻ cứ tối đến là chạy trốn dạt vào ngủ lang trong xóm. Rồi một ngày, Xuân Diệu bị lôi ra kiểm điểm. "Xuân Diệu chỉ ngồi khóc. Không biết Nam Cao, Nguyễn Huy Tưởng, Trọng Hứa, Nguyễn Văn Mai, cả lão Hiến, thằng Nghiêm Bình, những thằng Đại, thằng Đắc, Tô Sang và mấy thằng nữa, có ai ngủ với Xuân Diệu không, tất nhiên không ai nói ra. Tôi cũng cảm như hén. Lúc rờ lên, trong đêm tối quẩn rữ, mình cũng điên kia mà, chứ có phải một mình Xuân Diệu đâu. Không nói cụ thể việc ấy nhưng ai cũng to tiếng, to tiếng gay gắt nghiêm trang phê phán tư tưởng tư sản, tư tưởng tư sản xấu xa phải chữa đi. Xuân Diệu nức nở nói đấy là tình trai của tôi... tình trai...! rồi nghẹn lời, nước mắt ứa ra, không hứa hẹn sửa chữa gì cả" (Cát bụi chân ai, chương III). Rồi một lần đi công tác, Tô Hoài kể rằng, con gái đi ngang mặt Xuân Diệu cứ đứng đờ như không, nhưng con trai thì xoắn xuýt vòng trong vòng ngoài. Xuân Diệu còn nhìn dõng vào mắt, nắm cổ tay từng đứa, mân mê như chọn dẫn mía!

#### **Bí mật làm tan vỡ cuộc hôn nhân 6 tháng**

Sau nhiều năm chôn giấu bí mật về cuộc hôn nhân ngắn ngủi với "ông hoàng thơ tình" Xuân Diệu, cuối cùng, nữ đạo diễn điện ảnh nổi tiếng Việt Nam - Bạch Diệp - cũng tiết lộ với ĐS&PL về những nguyên nhân khiến cuộc hôn nhân của họ tan vỡ.

Trong căn nhà nhỏ trên phố Đội Cấn, bà Bạch Diệp nhớ lại: "Từ nhỏ tôi đã bị cấm đọc tiểu thuyết lãng mạn, tiểu thuyết tình yêu, lại học ở trường dòng nên gần như tôi không biết gì nhiều về tình yêu nhục dục, quan hệ vợ chồng. Lấy nhau nhưng đêm tân hôn và cả những ngày sau nữa không có chuyện quan hệ chăn gối nhưng tôi cũng không thắc mắc nhiều đến chuyện đó. Đến khi lấy nhau được 3 tháng thì bố tôi phát hiện chúng tôi chưa ăn ở với nhau. Đó là do một lần chúng tôi đi Quảng Ninh chơi về thì mẹ lôi tôi vào phòng hỏi: thế nào? Thì tôi ngạc nhiên hỏi thế nào là thế nào ạ. Thế là mẹ tôi hỏi thẳng chuyện chăn gối của hai vợ chồng. Tôi liền bảo: con tưởng phải 1 năm sau mới ngủ với nhau chứ, mới mấy tháng đã ngủ gì".

Sau buổi nói chuyện đó, cha của Bạch Diệp liền gọi Xuân Diệu lên gác nói chuyện. Bố vợ và con rể nói chuyện kín trong phòng một lúc thật lâu thì Xuân Diệu ra về. "Bố tôi bảo Xuân Diệu bị bệnh tiên thiên, không thể quan hệ vợ chồng được. Nhưng Xuân Diệu mắc chứng bệnh đó là do bẩm sinh chứ không phải do chơi bời mà ra. Bố tôi bảo sẽ chữa cho Xuân Diệu. Ông cũng "giao chỉ tiêu" cho chàng rể trong 3 tháng nếu không khỏi bệnh, không làm tròn vai trò của người chồng "thì phải bỏ con Diệp". Từ đó, ngày nào Xuân Diệu cũng mài miết sắc thuốc uống mong chữa trị được chứng bệnh yếu sinh lý bẩm sinh. Bạch Diệp biết bệnh của chồng thì thêm phần thương xót, không kêu ca, than phiền một lời. Mẹ của Bạch Diệp còn sốt sắng đi tận Hải Dương, Hà Tây, Hải Phòng xem bói. Mỗi lần nghe thầy phán: "thằng chồng nó bị ma ám, phải đem lá bùa này về đốt, lấy tro phá với nước lã, bắt nó uống"; hay "phải xoay giường ra hướng khác, hướng này khí độc"... thì đều về bắt con gái, con rể làm theo. Nhưng cuối cùng chứng bệnh "tiên thiên" của chàng rể cũng chẳng suy yếu chút nào.

PGS. TS Lê Lương Đống, Quyền vụ trưởng Vụ Y học cổ truyền, Bộ Y tế cho biết: "Bệnh tiên thiên là bệnh mang tính bẩm sinh. Bệnh tiên thiên có rất nhiều dạng chẳng hạn như tim tiên thiên, thận tiên thiên, cơ địa tiên thiên... Những người bẩm sinh yếu tiên thiên có chung đặc điểm là từ bé đã ốm yếu quặt quẹo, bệnh tật liên miên, bị hết bệnh này đến bệnh khác, sức đề kháng kém khỏi được bệnh này lại sinh ra bệnh khác. Kể cả khi người đó tập thể hình, có sức cơ bắp thì sức đề kháng vẫn kém.

PGS.TS Lê Lương Đống cũng cho rằng: Với Xuân Diệu có thể do bị bệnh tiên thiên ở thận hoặc rối loạn vận mạch não, gây co thắt mạch máu não nên một nửa não thường bị co thắt gây đau đớn. Điều này cũng ảnh hưởng lớn đến cảm xúc phòng the. Hoặc có thể ông bị bệnh thận tiên thiên nên dẫn đến suy thận, yếu sinh lý, xương cốt rệu rã, hay bị sụn lưng ngay từ khi còn trẻ hay ốm vặt. Người mắc chứng bệnh này thường nhút nhát, cảm xúc cũng thất thường.

### **Xuân Diệu mặc cảm về bệnh của mình**

Rồi một hôm, Xuân Diệu nói với vợ: Diệp ơi, 3 tháng rồi mà anh không biến chuyển gì. Chúng ta phải chia tay thôi, anh phải thực hiện lời hứa với bố. Nói đến đó, cả hai vợ chồng cùng khóc. Nhớ lại những ngày ấy, bà Bạch Diệp bảo, suốt 6 tháng làm vợ chồng, không những không có chuyện quan hệ chăn gối mà ngay cả ôm thôi, giữa chúng tôi cũng không có. Mỗi đêm, Bạch Diệp thường nằm sát về một mé, quay mặt vào trong, còn Xuân Diệu sau một hồi loay hoay với giấy bút và thơ thì cũng nằm cách xa vợ ở phía mé giường còn lại. Có lẽ, ngay chính cả "ông mai" Hoàng Tùng khi cố làm sợi dây gắn kết hai con người này lại cũng không thể ngờ cuộc hôn nhân của họ lại ngắn ngủi đến nhường ấy. Dù Hoàng Tùng là người rất cẩn thận, trước khi làm mai ông đã cử người đến tận nơi hỏi Huy Cận về Xuân Diệu thì Huy Cận bảo, Xuân Diệu là người bình thường. "Xuân Diệu không hiểu hết mình, ông ấy nghĩ là vì không quan hệ nên không quen, lấy vợ vào sẽ hết nên mới quyết định lấy tôi. Nhưng nào ngờ, sự tình cũng chẳng chuyển biến được. Có lần tôi hỏi một người em dâu của Xuân Diệu thì được biết một người em của Xuân Diệu cũng mắc chứng bệnh đó", người vợ cũ của "ông hoàng thơ tình" nói.

Nhưng có lẽ, cuộc sống vợ chồng của họ đã không đỡ vỡ chóng vánh như vậy, cuộc đời con gái của nhà báo Bạch Diệp cũng không lỡ dở nếu Xuân Diệu là người ham mê vun xới cuộc sống gia đình. Bởi với Bạch Diệp, chuyên ân ái gối chăn không phải là tất cả trong cuộc hôn



nhân ấy: "Nếu Xuân Diệu mà sống tình cảm như những người chồng bình thường khác thì tôi có thể vẫn sống được trong mái ấm gia đình đó. Chuyện chăn gối không phải là cái gì ghê gớm lắm, bởi từ bé tôi đã lớn lên trong môi trường của kinh thánh và dòng tu. Nhưng Xuân Diệu hình như mặc cảm, cứ nghĩ rằng cư xử tình cảm là sẽ phải dẫn đến chuyện ấy nên ông ấy không gần gũi, vuốt ve vợ, nên phải bỏ chứ nếu không thì cũng không đến nỗi phải bỏ nhau. Xuân Diệu lại chỉ thích vuốt ve con trai mà thôi. Ông ấy sống như một người đàn ông không bình thường, lại xa lánh, không gần gũi vợ nên khi Xuân Diệu bảo thôi thì tôi đồng ý thôi luôn". Và rồi cuộc hôn nhân duy nhất trong cuộc đời "ông hoàng thơ tình" đã kết thúc buồn thảm như vậy. Trong tiểu sử của ông, người ta vẫn điếm đến tên người đàn bà duy nhất trong cuộc đời của ông, nhưng có lẽ đó chỉ là người vợ trên danh nghĩa mà thôi. Dù vậy, cho đến bây giờ, người vợ duy nhất vẫn nhớ về ông với niềm cảm mến sâu sắc: "Cuộc hôn nhân ngắn ngủi với Xuân Diệu như một luồng gió mát đi qua cuộc đời tôi. Luồng gió đó dù ngắn nhưng đã để lại mãi ấn tượng trong tâm hồn. Chỉ là một luồng gió thoáng qua nhưng lại làm tôi giữ mãi niềm thương mến, bởi tôi thực lòng rất thương Xuân Diệu".



Bà Bạch Diệp hiện nay đã ngoài 80 tuổi

## **Xuân Diệu, nhà thơ đồng tình luyện ái Trần Thy Vân**

Sau mấy tháng giận nhau, vì trong gia đình có sự bất đồng chính kiến, sáng nay bà mẹ nuôi tôi nhắn tôi xuống. Chắc có chuyện cần. Vừa tới ngõ tôi thấy nơi sân trước, dựng Hồ Cũ, đời chồng sau của mẹ tôi, đang ôm hôn ríu rít một người đàn ông lạ mặt. Mẹ tôi thì đứng bên cạnh, như chờ đến lượt mình, miệng cười cười nói nói huyền thiên.

Để họ khỏi bận tâm, tôi chạy lủi chiếc xe Honda ba bánh vào đậu ở góc vườn, dưới bóng râm của giàn mướp, rồi ngồi nhìn vu vơ.

Vị khách kia là ai, liên hệ thế nào, mà cử chỉ ba người rất hồ hởi, bày đặt ôm nhau nằng nệng theo kiểu cách chủ nghĩa xã hội miền Bắc?

– Lâu quá, mình nhớ Diệu hết sức!

Nhân vật tên Diệu, tuổi trạc 60, dáng thấp, hơi mập, trắng trẻo, choàng tay lên vai dựng Cũ:

– Diệu cũng nhớ Cũ lắm! Ông bà được mấy cháu?

Dựng Cũ cười hì hì:

– Chỉ hai trai thôi. Sao biết nhà ở đây?

– Diệu từ Hà Nội vào công tác, vừa ghé thăm đồng chí Hồ Nghênh, Chủ tịch Ủy Ban Quân Quản Đà Nẵng, cũng để xin địa chỉ Cũ.

Mẹ tôi lấy miếng thuốc rê trong miệng ra và nhổ bãi nước trầu xuống gốc cây vạ thọ xong, bà quay nhìn vị khách:

– Mấy năm chiến tranh, tụi tôi nhiều lần tìm cách liên lạc ra Bắc hỏi thăm Diệu nhưng bọn

địch trong này quá ác ôn...

Chợt nhớ tôi dưới giàn mướp, mẹ bỏ lửng câu nói xấu chế độ cũ miền Nam. Rồi cả ba dìu nhau vào nhà, khép kín cửa. Quả thật tôi là cái gai nhọn của gia đình.

Nghe cách xưng hô Diệu Diệu, Cũ Cũ, tôi có cảm tưởng họ đang sống lại thời son trẻ. Buồn tình tôi trở về, nằm duỗi dài trên giường, suy nghĩ lung tung.

Tức quá, sáng sớm hôm sau dù sương mù còn dày đặc, tôi vội chạy đến dừng xe ngay trước cửa. Tôi cung kính cúi đầu chào ba người đang trò chuyện nơi bàn giữa, và lết vào kéo ghế ngồi kế vị khách tên Diệu.

Mẹ tôi cười đưa:

– Hôm qua bạn rộn me quên giới thiệu, đây là cậu Diệu ở Hà Nội về thăm.

Sẵn bực mình lẫn thành kiến từ lâu với những tên tập kết theo giặc, nay hồi kết, tôi cố tình giọng nhừa nhựa:

– Có gì quan trọng đâu me!

Biết tôi nổi quạu, không chú tâm tới ông “cậu” ngoài Bắc về, mà ai cũng muốn tôi phải tay bắt mặt mừng, nên dưỡng Cũ nói:

– Thi sĩ Xuân Diệu đó Vân!...

Tôi giật mình. Cụm từ vốn vẹn có bốn tiếng nghe rất xa xăm, thuở học trò còn mơ mộng, nay bỗng dưng như có thần lực thúc đẩy, tôi xoay qua vừa nở nụ cười vừa nắm chặt tay ông một cách tự nhiên:

– Hân hạnh được gặp cậu. Thì ra... cậu là Xuân Diệu, Ngô Xuân Diệu. Vậy mà mẹ cháu chẳng hề nhắc tới.

Nhà thơ có tên tuổi trong văn học vĩ vai tôi:

– Vân là gì của Cũ và chị Ba nhỉ?

Dưỡng Cũ đáp:

– Con riêng đời chồng trước của nhà Cũ...

Mẹ tôi xen vào:

– Để khi nào tôi kể rõ Diệu nghe, chuyện dài dòng lắm! Đại khái tôi với ba nó thôi nhau, sau ảnh chết, còn Vân lưu lạc hồi nhỏ. Đến năm 1970, hai mẹ con gặp lại tại Đà Nẵng, thì Vân đã là lính “ngụy” rồi. Cứng đầu lắm, không ai nói nó nghe.

Cứng đầu, tôi cứng đầu việc gì chứ? Bà nói tắt ngang làm Xuân Diệu chau mày. Câu chuyện mẹ vừa kể quá “đại khái”, thoát nghe như bản tóm lược từ một truyện tiểu thuyết ly kỳ. Chắc bà muốn láy lòng người em theo Cộng Sản, mà em bà con ra sao tôi chẳng rõ. Mới mất nước một năm, mẹ đã tiêm nhiễm quá nhanh, bắt chước thiên hạ hay dùng tiếng “ngụy”, ngụy quân, ngụy quyền, nhảm chán!

Xuân Diệu nãy giờ ngồi dựa ngửa, tay khoanh trước ngực, đưa mắt nhìn quanh căn phòng, và nghe mẹ nói tôi cứng đầu, tác giả tập thơ tình bất hủ “Gửi Hương Cho Gió”, ấn nhẹ cặp kính trắng gọng vàng sát sống mũi rồi hỏi tôi bằng một giọng miền Trung nhai nhại tiếng Bắc:

– Vân sao cụt chân?

– Dạ, cháu là phé binh chế độ cũ...

– Quân hàm và lính gì?

Đã đoán trước sẽ có câu hỏi đó, thói quen của Cộng Sản, tôi đáp ngay:

– Trung úy Biệt Động Quân.

Xuân Diệu mồm mím:

– Biệt Động Quân, lính thế nào?

Tôi đang phân vân, chưa biết giải thích sao cho phải lẽ thì dưỡng Hồ Cũ, vốn dĩ ghét cay ghét đắng binh chủng này, vội cướp thời cơ, nói hót, buộc miệng xen vào lảng xẹt:

– Loại lính đội mũ nâu, áo quần rằn ri, mang cái đầu cọp nhe răng, dữ lắm!

Xuân Diệu le lưỡi:

– Thế à, chỉ mang cái đầu, còn thân mình đâu?

Bị nhà thơ lãng mạn hỏi móc họng, tôi ác cảm xỏ lại:

– Cậu không biết à? Một giống cọp miền Nam chỉ thích xé nát đối thủ, không thèm ăn, nên

chẳng cần bụng.

Tôi vừa dứt lời mọi người cười rồ lên. Chú em tên Hồ Trí, cùng mẹ khác cha, đang ngồi trên giường nơi góc nhà, cũng hả hợng. Họ cười phả lấp, cốt để tôi bớt giận, nhưng sẵn trớn tôi phang tiếp:

– Nhiều khi cạp còn ba chân vẫn rượt chạy trốn chết hàng trăm thàng. Dượng mẹ cháu biết mà!

Dượng Cũ ngoảnh mặt ra sân, nhìn ngọn núi bên thác Gu-ga. Chắc không ai hiểu ý tôi mượn câu chuyện Tiểu đoàn 42 Biệt Động, chỉ còn ba đại đội đánh tan một tiểu đoàn Cộng quân, khi phá vỡ ổ phục kích của chúng. Vì chiến thắng lừng lẫy đó, đơn vị được tặng biệt danh “Cạp Ba Chân” hay “Cạp Ba Đầu Rắn”, mà về sau, kẻ thù nghe đến là khiếp dờm. Tôi muốn nhắc khéo thêm vụ tái chiếm Sa Huỳnh, Quảng Ngãi, 1973. Dượng Cũ biết rõ. Liên đoàn 1 Biệt Động Quân chúng tôi đã đuổi chạy dài hai trung đoàn Cộng Sản Bắc Việt khỏi trận địa, bỏ lại hàng ngàn xác chết quanh bờ đầm Nước Mặn Sa Huỳnh...

Thấy tôi dễ nổi nóng khi bị nói xấu, Xuân Diệu nhẹ nhàng hỏi lảng sang vấn đề khác:

– Vẫn được mấy cháu nhỉ?

– Sáu đứa, cậu!

Xuân Diệu lắc đầu:

– Miền Nam sanh đẻ quá “tiêu chuẩn”. Tương lai kế hoạch gia đình sẽ được áp dụng triệt để. Đó là chính sách hàng đầu của Đảng và nhà nước đem lại hạnh phúc cho nhân dân, như ở Hungary, Bulgaria... mà Diệu đã đi thăm.

Xuân Diệu nói về cai đẻ một cách say mê, không ngưng miệng. Mẹ tôi nhả dưới xách ấm nước lên vừa châm trà vừa hỏi Xuân Diệu:

– Diệu bây giờ công tác ở bộ nào?

– Bên kế hoạch gia đình.

Tôi vờ ngạc nhiên:

– Thường thì đảng viên lâu năm được nắm chức vụ lớn, quan trọng. Cậu là một thi sĩ danh tiếng, theo Bác và Đảng từ đời nào tới giờ, sao lại làm bên ngành đó? Việc kế hoạch gia đình để giới phụ nữ họ lo chứ!

Bị tôi chê, ông khó chịu:

– Vẫn không biết. Đó cũng là một phần vụ quan trọng...

Xuân Diệu ngưng, đưa tách trà lên miệng hớp một ngụm xong, ông hạ giọng nói khe khẽ, như để mình tôi nghe:

– Cậu đi làm cách mạng, chứ không theo Cộng Sản. Tuổi Đảng đâu cậu giữ chức vụ lớn?

Tôi khế cười và nhủ thầm: “Vào đảng cướp đó cho đắc tội à?”. Dượng Hồ Cũ nắm được ý người bạn cố tri, mặt dượng hơi nhăn, ra chiều suy nghĩ, một giây lâu mới hỏi:

– Sao vậy, Diệu?

Nhà thơ lặng thinh, không một thoáng buồn.

Thật khó tin. Lý gì ông chối bỏ cái chủ nghĩa Marxist ông đã đeo đuổi phụng sự suốt 40 năm nay? Hay Xuân Diệu, thời trai trẻ, hẳn đã đem lòng nhiệt huyết tham gia các phong trào cách mạng dân tộc, thật sự bài phong đả thực, như bao nhà ái quốc khác. Nhưng vì mẻ lưới trí trá của Cộng Sản bủa xuống cuộc đời người thi sĩ tài hoa từ khi rời bỏ xứ mẹ Vạn Gò Bồi, Bình Định, theo cha về quê nội Thanh Hóa, 1937. Tôi không rõ thật hư thế nào, chứ nơi đây có gì đáng ngại ông phải phủ nhận quá trình hoạt động suốt thời gian ông ngoài Bắc, đang lúc biết bao tay mơ, gió chiều nào xoay chiều đó.

Qua những lời tâm sự của Xuân Diệu tôi đổi hẳn thái độ, không những hết thành kiến, còn kính mến, thông cảm ông một thời sống dưới chế độ hà khắc, bất nhân. Tôi tiếp tục gọi lòng trắc ẩn nơi ông:

– Thường thì ai cũng muốn người thân có chức phận. Tài thơ cậu đâu thua kém Tố Hữu?...

– Tài là một việc, tư tưởng trong các tác phẩm mới đáng kể. Khác với Tố Hữu, thi ca chẳng giúp cậu có địa vị, vì cậu không chịu được gò bó. Người ta cho cậu là thi sĩ lãng mạn. Nếu thật, thì càng không thể đóng khung cậu ở bất cứ lãnh vực nào.

Thấy ông cười mở tôi lăm bàn qua thơ:

– Một nhà thơ lớn từ tiền chiến như cậu, tới nay, chắc còn mãi mãi, được rất nhiều giới độc giả say mê những thi phẩm ngày xưa của cậu. Thế suốt thời gian ngoài Bắc, cậu Diệu có viết bài nào thuộc sở trường trữ tình nữa không?

Ông tháo đôi kiếng xuống, vừa lấy vạt áo lau bụi vừa đáp:

– Thịnh thoảng thôi. Nếu giữ mãi cái “sở trường” như Vân nói thì tai hại lắm. Năm 1961, cậu làm bài “Biển”. Một lần đi bình bài thơ này, cậu được đãi ăn bữa cháo gà. Chiều cậu sẽ chép tặng Thy Vân.

Tôi lắc đầu:

– Sao buồn vậy cậu? Mười lăm năm chỉ làm được một bài thơ tình!

Mặt trời đã lên cao, chắc đói bụng nên Xuân Diệu muốn nhắc khéo cơm nước chẳng? Hay ông thèm một bữa thịt gà thơm phức khi thấy một bầy gà trống lẫn mái ú nú đang nhón nhờ rĩa cỏ ngoài sân? Sau 20 năm chia đôi đất nước, lần đầu tiên, từ nơi xơ xác về nhìn lại miền Nam trù phú, Xuân Diệu tuy không nói ra chữ trong lòng ngây ngất. Lúc sáng, mẹ tôi làm cho Xuân Diệu một tô mì cua, ông xuýt xoa bảo để dành trưa ăn với cơm. Là thi nhân, tâm tình có khác, đậm đà, chan chứa, nó cũng nhạy cảm làm sao! Hẳn Xuân Diệu đã rõ cuộc chiến vừa qua, ai giải phóng ai? Buồn ơ là buồn!

Vì sao bài thơ “Biển” Xuân Diệu được đãi ăn cháo gà để ông nhớ mãi? Tất cả văn nghệ sĩ ngoài Bắc đều học tập, sáng tác phải theo giáo điều là ca ngợi Đảng, khích động toàn dân hận thù “đánh cho Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào”, đánh tới độ ai cũng chán ngấy. Bài “Biển” chắc mang một sắc thái mới, mới trong cái cũ của Xuân Diệu, vẫn thứ tình yêu lãng mạn, như giữa thập niên 30, nên được bữa cháo gà, một tiểu gia súc rẻ rẻ trong Nam, nhưng quý như con bò ngoài Bắc.

Dương Cũ bảo mẹ tôi đi chợ Phú Hội gần đó để mua thức ăn. Trước khi ra khỏi nhà, mẹ nhắc Xuân Diệu:

– Hôm qua Diệu nói muốn xem thác Gu-ga. Kia, Vân đưa Diệu đi. Thác gần đây, rồi về ăn cơm trưa.

Xuân Diệu cười:

– Diệu vào Nam chỉ mục đích thăm gia đình và Gu-ga.

Bà quay qua tôi:

– Con lấy Honda ba bánh chở cậu. Coi cẩn thận!

Tôi ra trước nhà. Xuân Diệu bước theo, đứng ngắm nghía chiếc Honda Sport, 72 phân khối, thấp nhỏ, màu xanh nước biển bóng láng. Xe được biến cải ba bánh, cỡ niền Spring, có thể chở thêm hai người nặng tổng cộng 200 ký lô, và chạy 60 cây số một giờ. Do đó, dù cụt hai chân tôi vẫn bay vùn vụt, tỉnh này sang tỉnh nọ, từng phóng lên đèo Hải Vân ra Huế, từ Đà Lạt đổ dốc theo Quốc lộ 20 vào Sài Gòn, và ngược lại. Con “Rồng” của tôi cũng bao phen chọc tặc tụi bộ đội ngồi chồm hổm bên đường, nó thổi tung bụi bặm lẫn khói đen mù mịt, chúng gầm gừ: “Mẹ, bọn ngụy lăm kiểu xe!”.

Xuân Diệu dán mắt vào chiếc Honda đang rục rờ:

– Chờ cậu được chứ nhỉ?

– Dư sức qua cầu. Nhờ con “Rồng” xanh vĩ đại này, cháu hiên ngang đi khắp nơi...

– Chớ nói “vĩ đại”, hai chữ này đặc biệt chỉ được kèm sau tên Bác!

– Vậy sao, chỉ đi kèm theo tên Hồ Chí Minh?

Xuân Diệu rống to:

– Hai chữ nằm kế sau tên Bác! Nghe chưa? Không có nói trống trống Hồ Chí Minh. Coi chừng người ta ghép tội...

Tôi vờ nhún vai:

– Khó ghê nhỉ?

– Khó thì phải tập! Tập ăn, tập nói cho thích hợp với chủ trương, đường lối...

– OK, cậu ngồi “kèm” sau đây, hai chân bỏ một bên, lên vị trí này, tay nắm chặt khung sắt dựa lưng...

Tôi chỉ các chỗ cần thiết. Xuân Diệu sẽ ngồi xuống như sợ chiếc xe nó cần.

– Vân rành đường đến Gu-ga không?

– Cháu là ông Thổ Địa. Thác nằm phía trước nhà cháu.

Xong, tôi nổ máy. Ra khỏi ngõ tôi tà tà chạy trên Quốc lộ 20 cũ, đầy ổ gà. Nhiều người với mặt tư lự lữ lượt đi ngược chiều về hướng trụ sở xã Phú Hội. Hôm nay, nếu không có ông “cậu”, chắc tôi cũng đến hội trường nghe cán bộ huyện nói việc thành lập “hợp tác xã lao động”. Tôi đã dự một buổi họp khởi đầu. Rồi đây chúng sẽ sung công đất đai, trâu bò, cá máy móc sản xuất của tư nhân, và bắt dân làm ăn tập thể. Cứ mỗi buổi sáng một hồi kiêng thúc mọi người vác cuốc ra đồng, chiều một hồi kiêng tả tơi quay về, áp dụng giống các vùng “kinh tế mới”. Mặt ai nấy xanh dờn...

– Sao im lặng thế?

Xuân Diệu hỏi, tôi giật mình:

– À, cháu đang nghĩ thiên hạ sắp thành lập hợp tác xã lao động. Nghe đâu Đảng sẽ tái diễn vụ “Cải Cách Ruộng Đất” rất ác liệt như ở ngoài Bắc những năm 1953-1956. Lần này, không những tiếp tục triệt hạ địa chủ, họ còn bóp họng luôn giới “tư sản mại bản”. Nghĩa là làm cho dân chúng miền Nam phải tàn mạt mới thôi. Một bộ đội Sư 304 kể, ông nội chú bị giết vì tội nhà hơi khá, chứ cửa cải không bao nhiêu. Phải chỉ ruộng vườn cò bay thẳng cánh cho đành. Đó là vật chất, tinh thần cũng sẽ tắt tiếng. Bằng cứ sách báo quý giá thời chế độ trước họ đã tịch thu hết. Rồi cũng sẽ đến “Trăm hoa héo tàn” cho giới văn học như sự cố Nhân Văn Giai Phẩm 1956-57 đó, cậu Diệu! Ông dựng Cũ có đưa cháu một đồng sách, quyền nào quyền nấy dày cộm, viết về Karl Marx, Lénine, Engel và có cả sách ca ngợi ông Bác nữa... Đọc chết luôn!

Xuân Diệu đập vai tôi:

– “Ông” Bác nào?

– Bác Hồ!

– Tầm bậy! Bác là Bác, chứ “ông” gì trong đó? Chị Ba nói đúng: Vân ngang bướng thật!...

Tôi lắc đầu:

– Không biết hoàn cảnh tàn phế như cháu sẽ ra sao. Chắc đói. Hoan hô chủ nghĩa xã hội, cậu Diệu hả?

– Đừng có hoan hô tầm bậy giữa đường họ cười và đề cập đến mấy chuyện cấm kỵ đó!

– Cấm cái gì, cậu?

– Vụ “Cải Cách Ruộng Đất” và “Nhân Văn Giai Phẩm” (8).

Quở xong, ông hạ giọng tâm sự:

– Vân biết không, 40 năm trước thân sinh cậu kể ông có đi thăm Gu-ga, cậu ao ước lắm...

– Sao mấy lúc cậu không thăm?

– Ở ngoài Bắc làm sao đi, hỏi ngớ ngẩn?

Tôi cười hì hì:

– Kia, cậu nhìn bên trái, dòng sông thơ mộng khởi nguồn từ một hồ nước thiên nhiên mênh mông, cao lừng trời tại Đa Nhim, quận Đơn Dương, phía đông thành phố Đà Lạt. Trước khi chảy nhập vào sông Đồng Nai, nó băng qua Liên Khương tạo thành thác Liên Khàng, không mấy hùng vĩ, nhưng khi tới ngang đây thì đổ quặp xuống một trũng sâu, dốc đứng là Gu-ga. Cậu nghe không? Tiếng thác đang ì ầm với bụi nước tung cao như màn sương trước mặt. Cậu Diệu sẽ tha hồ ngắm và làm thơ.

Ông cậu thi sĩ cười khật khật:

– Bảo làm thơ mà Vân tả cảnh dùng chữ “quặp”, làm mất hứng. Sao không nói “trúc” hoặc “trút” có hay hơn không?

Tôi cười:

– Hay lắm! Lát nữa cậu “trút”, nghen!

Tới ngã ba tôi rẽ trái, theo con đường đất đỏ ngoằn ngoèo vào đậu xe gần bờ dốc cuối mỏm. Xuân Diệu đi nhón người đến nhìn cây nước khổng lồ như điên cuồng nhào lộn xuống vực sâu, xoáy tròn, trắng xóa...

Ông reo lên:

– Đẹp quá, Vân ơi! Coi chừng, đừng lết ra nữa, đất sụp!

Tôi ôm chặt một gốc cây bên mép đồi:

– Cậu Diệu tới chỗ tảng đá to kia, xem rõ hơn!

Tuy phong cảnh tuyệt vời, đẹp nhất Lâm Đồng, nhưng dân địa phương quen gọi Gu-ga là “ổ gà”. Lời nói trại này ẩn ý không tốt. Trước 1975, nơi đây xảy ra nhiều án mạng rừng rợn. Các cặp trai gái đến làm tình xong, có mấy nàng bị đập xuống thác, hoặc tự tử. Mới tháng trước, một anh bộ đội một đơn vị của Sư 304 Cộng Sản Bắc Việt, đóng ở Đại Ninh, siết cổ một thiếu nữ miền Nam ném vào kẹt đá. Một chú Thượng R’Chai ngồi câu cá cũng bị bắn vì nghi Fulro. Đa số chết bất đắc kỳ tử, nên các am miếu thờ trong khu vực Gu-ga này rất linh thiêng...

Tôi chưa dám kể mấy chuyện thuộc cõi trên như vậy cho người thi sĩ dư tim mà thiếu gan này nghe, chờ ông làm xong bài thơ.

Xuân Diệu nhìn say mê bức tường nước mãi gầm gừ vang động một góc núi. Chiếc áo trắng ông mặc nổi bật giữa rừng xanh. Tôi chưa thấy Nhà thơ cầm bút. Ông đứng ngẩn hoài, thế đứng kỳ lạ, như anh lính bị phạt phơi nắng, đôi bàn tay đan nhau để sau gáy, hai cánh tay thì cung ra thành hình tam giác. Thỉnh thoảng mắt ông nheo lại, đầu gật gật, như đắc ý một điều gì.

Trời nắng kinh khủng, cái sọ muốn nứt, tôi định thúc giục thì đúng lúc ông lấy giấy bút hí hoáy viết. Bây giờ ông mới bắt đầu sáng tác.

– Chiều cao cây nước bao nhiêu thước, Vân?

– Chà, có đo đâu mà biết?

– Thì ước khoảng thôi!

– Khoảng trên dưới 30 mét!

Trả lời xong tôi nhủ thầm: “Làm thơ chứ đâu phải làm thợ mộc mà hỏi thước tắc nhỉ?”.

– Xong rồi, về!

– Lẹ vậy cậu?

Xuân Diệu im lặng, vừa quay lui vừa liếc nhìn cái am thờ cô gái bị siết cổ chết, nhang khói lạnh tanh, bên mé đồi.

Thấy mặt trời chưa đứng bóng, tôi chạy ngược lên hướng xóm Thượng Jirong Tambor, vòng qua đoạn Quốc lộ 20 mới, gần thôn Lam Sơn người Nùng, để Xuân Diệu xem rừng bấp xa tấp chân trời phía tây. Xuân Diệu bảo dừng xe. Lần này ông ghi ghi chép chép rất nhanh vào quyển sổ.

Cơm trưa xong, nhân lúc gia đình đầy đủ, ngồi trò chuyện quanh bàn nước, Xuân Diệu nói:

– Mời Cũ, chị Ba, các cháu Vân, Tâm, Trí nghe Diệu đọc hai bài thơ. Trước hết, bài BẮP:

*Ba cây số chiều ngang hương bấp*

*Hương đồng pha hăng hắc hương rừng*

*Phấn bấp tỏa ngọt ngào sức lực*

*Cờ bấp lay ngọn gió trong thung*

*Vừa tới cao nguyên rạo rục lòng*

*Lại say hoa bấp nắng vàng ong*

*Một mùa bấp mới xưa chưa thấy*

*Làm má non sông cũng ửng hồng.*

Xuân Diệu

Phú Hội 13/06/1976

Đọc xong, tác giả cùng mọi người đều im lặng, chẳng ai ý kiến, khen hay chê. Tôi cũng vậy, dù cảm thấy mình như vừa bị cú sốc. Thường thức thơ của thi sĩ tài danh mà tưởng đâu tôi nghe một bài phóng sự chiến trường. Tôi muốn hỏi vì sao thơ ông “xuống cấp” dữ vậy. Ý thơ không do sự rung động của con tim, chỉ là tiếng cào cuộn từ bao tử đối phát ra thành lời. Câu đầu của bài, ông phang ngang, câu 3 khập khểnh...

Xuân Diệu vừa thăm thì bên tai dượng Cũ điều gì, vừa lật qua lật lại mấy trang giấy chẳng chịt chữ, rồi ông đàng hăng:

– Đề Diệu đọc bài THÁC GU-GA:  
Đổ ào ào đổ Gu-ga  
Sông Đa Nhim đến đây òa thành bông  
Thành tơ trắng xóa một vùng  
Bạc tuôn đổ xuống vô cùng thời gian  
Cao ba chục thước nước tràn  
Ào ào binh mã nghe vang thảng ngày  
Cây xanh, thác trắng, xinh thay  
Chạy trời trên suối đổ mây sau rừng  
Thác Gu-ga đỏ, tiếng lừng  
Trong ta bừng giẫy khí hùng thiên nhiên.  
Xuân Diệu,  
Gu-ga 13/06/1976

*Trích trong truyện dài Tiếng Hòn Chân Mây*

## Xuân Diệu và Huy Cận: hai nhà thơ đồng tính luyến ái? Minh Nguyệt

Xuân Diệu là một nhà thơ lớn. Nhiều người đã viết về ông và nhiều nhất là về thơ tình của ông. Nhưng trong thơ tình của Xuân Diệu, những đối tượng nào được ông yêu thì hình như chưa có ai bàn đến. Trong khi, đó lại chính là điểm hứa hẹn nhiều chuyện thú vị. Chúng ta nên biết là suốt đời Xuân Diệu không có vợ, không có con. Ông sống độc thân cho đến lúc mất, vào năm 1985, lúc 69 tuổi. Trong bài 'Khung cửa sổ', Xuân Diệu tả cuộc sống của mình như sau:

*Anh có nhà, có cửa  
Nhưng không vợ, không con  
Sợ cái bếp không lửa  
Sợ cái cửa không đèn.*

*Những đêm đi xa về  
Tận xa nhìn cửa đóng  
Không ánh sáng đón mình  
Chẳng có ai trông ngóng.*

Cảm giác ngậm ngùi mỗi lần nói đến chuyện tình yêu đã xuất hiện trong thơ Xuân Diệu ngay trước năm 1945, lúc Xuân Diệu còn là một thanh niên. Lúc đó, khi nhìn những người đẹp, ông đã chua chát tự nhủ thầm:

*Ta thấy em xinh khẽ lắc đầu  
Bởi vì ta có được em đâu.  
Cũng có khi ông trách móc:  
Lòng ta là một cơn mưa lũ  
Đã gặp lòng em là lá khoai.  
Mưa biếc tha hồ tuôn giọt ngọc  
Lá khoai không ướt đến da ngoài.*

Những cảm giác như vậy xuất hiện nhiều lần trong thơ Xuân Diệu. Có thể nói là mặc dù rất đa tình, Xuân Diệu ít khi được thỏa mãn. Lý do chính của tình trạng này có thể làm nhiều người kinh ngạc: Xuân Diệu là một người đồng tính luyến ái.

Ở Hà Nội, trong giới quen biết với Xuân Diệu, hình như đã có nhiều người biết chuyện này. Tuy nhiên, ít ai dám công khai nói ra, có lẽ vì sợ cái uy thế của Xuân Diệu và của Huy Cận. Người đầu tiên dám đề cập đến chuyện này một cách công khai chính là Tô Hoài trong cuốn *Cát bụi chân ai* xuất bản năm 1993 tại Hà Nội. Tô Hoài kể, trước năm 1945, ông được gặp Xuân Diệu vài lần, lần nào cũng diễn ra cái cảnh:

Xuân Diệu và Huy Cận lên Nghĩa Đô, ở chơi cả buổi và ăn cơm. Dịu dàng, âu yếm, Xuân Diệu cầm cổ tay tôi, nắm chặt rồi vuốt lên vuốt xuống. Bốn mắt nhìn nhau đắm đuối. Xuân Diệu gấp thức ăn cho tôi. Cử chỉ thân thiết quá, hơi lạ với tôi, nhưng mà tôi cảm động. Tôi sượng mắt nhìn tập thơ *Thơ thơ* khổ rộng nhà in Trung Bắc phổ Hàng Buồm. Hai chữ Xuân Diệu nét chỉ sắc gọn, không phải chữ gỗ dẹp dẹt.

Thỉnh thoảng, Xuân Diệu lại lên nhà tôi. Vẫn nắm tay cả buổi, nhìn tha thiết. Xuân Diệu yêu tôi. (tr. 168-69)

Cũng trong cuốn hồi ký này, Tô Hoài kể là trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, lúc ở căn cứ Việt Bắc, hằng đêm Xuân Diệu hay sang giuờng các bạn trai của ông để tỏ tình, âu yếm. Các bạn trai của ông rất sợ, vì vậy cứ đêm đến là họ...đi tị nạn sang các nhà khác, không ai dám ở chung với Xuân Diệu:

Mọi công việc cơ quan lặng lẽ, nhưng cứ tối đến thì nháo lên, nháo lên một cách âm thầm. Các chàng trai trẻ vào ngủ lang trong xóm. Thăng Đại trắng trẻo, mũm mĩm thì biến là phải. Nhưng cả thằng Nghiêm Bình cao to hiên ngang thế, tối cũng lẳng lẳng vác cái ghi ta đi. Bốn bên lặng lẽ như tờ. (tr. 171)

Mặc dù Tô Hoài đã được Xuân Diệu vuốt tay và nhìn đắm đuối trước năm 1945 như ông đã kể, nhưng hình như ông cũng chưa hiểu hết mức độ nghiêm trọng của vấn đề. Cho nên đêm đầu tiên ghé lại khu văn nghệ sĩ ở căn cứ địa Việt Bắc, ông đã an nhiên ngủ lại trong căn nhà này chung với Xuân Diệu. Nửa đêm, lúc ông đang ngủ mê, thì:

Bàn tay ma ở đâu sờ vào. Không phải. Tay người, bàn tay người đầy đặn, ấm ấm. Hai bàn tay mềm mại xoa lên mặt lên cổ rồi xuống dần xuống dần [...].

Trời rạng sáng. Xuân Diệu trở về màn mình lúc nào không biết. Tôi he hé mắt nhớ lại những hứng thú khủng khiếp. Những cảm giác nồng nàn kích thích trong bóng tối đã trở ra khi sáng bạch. Tôi chạy xuống cánh đồng giữa mưa. (tr. 170)

Cuối cùng, khi chuyện vỡ lở, tổ chức đem Xuân Diệu ra kiểm thảo. Tô Hoài viết tiếp:

Cuộc kiểm điểm Xuân Diệu kéo dài hai tối. Hội ấy chưa biết phương pháp chỉnh huấn, nhưng hàng ngày chúng tôi làm việc giờ giấc nghiêm ngặt, mỗi tổ buổi chiều trước giờ tăng gia lại hội ý rút kinh nghiệm, hướng sửa chữa và công việc ngày mai của từng người. Cả cơ quan họp đến khuya. Chỉ có ông Phan Khôi lên buồng vấn mắc màn sẵn đi ngủ từ chập tối, bỏ ngoài tai mọi việc. Xuân Diệu chỉ ngồi khóc, chẳng biết Nam Cao, Nguyễn Huy Tưởng, Trọng Hứa, Nguyễn Văn Mãi, cả lão Hiến, thằng Nghiêm Bình, thằng Đại và mấy thằng nữa, có ai ngủ với Xuân Diệu không, nhưng cũng không ai nói ra. Tôi cũng cảm như hén. Lúc rồ lên, trong đêm tối quẩn rũ, mình cũng điên kia mà. Không nói cụ thể việc ấy, nhưng ai cũng to tiếng gay gắt “tư tưởng tư sản, phải chữa đi.” Xuân Diệu nức nở “tình trai của tôi... tình trai” rồi nghẹn lời, nước mắt lại ứa ra.

Ít lâu sau, trong một cuộc họp ban chấp hành, Xuân Diệu bị đưa ra khỏi ban thường vụ. Và cũng thành một cái nếp kéo dài, từ đấy không ai nhắc nhở đến những việc chủ chốt trước kia Xuân Diệu đã phụ trách. Bỗng dưng, Xuân Diệu thành một người hiếm thì giờ chỉ chuyên đi viết. Mà Xuân Diệu cũng tự xa lánh mọi công tác. (tr. 171-2)

Đó là chuyện ngoài đời. Chuyện này tuy có thể thỏa mãn óc tò mò của chúng ta, tuy nhiên nó lại không đáng bàn và cũng không nên bàn nhiều. Dù sao nó cũng là chuyện riêng tư và chúng ta có bổn phận phải tôn trọng chuyện riêng tư đó. Điều đáng nói hơn là chúng ta thử tìm những biểu hiện đồng tính luyến ái trong thơ của Xuân Diệu.

Trong đoạn hồi ký trên, Tô Hoài có nhắc đến chi tiết: Xuân Diệu nức nở nói về 'tình trai' của mình. Tình trai là tình giữa hai người con trai với nhau. Chữ 'tình trai' gọi cho chúng ta nhớ,



trong tập *Thơ thơ*, tác phẩm đầu tay xuất bản năm 1938 của Xuân Diệu, có một bài thơ nhan đề là 'Tình trai' như sau:

*Tôi nhớ Rimbaud với Verlaine  
Hai chàng thi sĩ choáng hơi men  
Say thơ xa lạ, mê tình bạn  
Khinh rẻ khuôn môn, bỏ lối quen.*

...

*Kể chi chuyện trước với ngày sau  
Quên ngó môi son với áo màu  
Thây kệ thiên đường và địa ngục  
Không hề mặc cả, họ yêu nhau.*

Bài thơ viết về chuyện hai nhà thơ Rimbaud và Verlaine của Pháp nhưng qua đó ngụ ý của Xuân Diệu là nói đến chuyện của mình. Yêu bạn trai, ông quên cả chuyện “ngó môi son với áo màu”, tức là phụ nữ. Mỗi tình trai này tha thiết đến độ “Thây kệ thiên đường và địa ngục / Không hề mặc cả, họ yêu nhau.”

Cũng trước năm 45, Xuân Diệu có bài thơ nhan đề là 'Tặng bạn bây giờ':

*Ta biết ngày mai em có vợ  
Đi làm hai bữa, tối về thăm  
Cơm xong, chén nước chờ bên cạnh;  
Em bế thằng con được mấy năm.*

*Chỉ mấy năm thôi, đủ phận chồng  
Chàng trai tơ mơn đã thành ông  
Không còn mộng dễ ngày tươi trẻ  
Mắt sáng phai rồi, má hóp không.*

*Em ngồi trông vợ thấy nàng tiên  
Là một người thôi, mộng hảo huyền  
Ta bước bên đường kêu gọi mãi  
Nhớ người bạn cũ thuở anh niên.*

*Em nghe tê tái dưới hàng mi  
Tiếc thuở say nồng, nhớ bạn si  
Khép mắt buồn xa, em sẽ bảo:  
- Có chàng Xuân Diệu thuở xưa kia...*

Từ trước đến nay, đọc bài thơ trên, ít ai chú ý đó là bài thơ tả mối tình của một người đồng tính luyến ái. Người được tác giả gọi bằng em một cách tha thiết lại là một người con trai. Nhà thơ yêu người con trai đó và ghen tức trước viễn tượng là một ngày kia người con trai sẽ lấy vợ “Ta biết ngày mai em có vợ.”

Sau này, có thời gian Xuân Diệu sống hẳn với một thanh niên tên là Hoàng Cát. Ông làm bài 'Đời anh em đã đi qua' tả lại quãng đời hạnh phúc này:

*Đời anh em đã đi qua  
Sáng thơm như một luồng hoa giữa đời  
Hiểu làm sao hết, em ơi  
Bốn năm kỳ diệu đất trời nhờ em  
Ngôi nhà, cánh cổng, trái tim  
Khóm cây, con mắt ngày đêm đón mừng.*

*Em đi, anh ngóng trông chùng*

Anh về, miệng đã gọi lừng: em ơi !  
Bữa ăn thành một hội vui  
Có em gắp với, rau thô cũng tình  
Cảnh thường cũng hoá ra xinh  
Có em, anh hết nghĩ mình bơ vơ ...

Khi Hoàng Cát đi bộ đội rồi phải rời Hà Nội vào chiến trường miền Nam, Xuân Diệu làm bài thơ đưa tiễn đầy nước mắt nhan đề là 'Em đi' với lời đề "Tặng Hoàng Cát" như sau:

Em đi, để tấm lòng son mãi  
Như ánh đèn chong, như ngôi sao.  
Em đi, một tấm lòng lưu lại  
Anh nhớ thương em, lệ muốn trào.

Ôi Cát! Hôm vừa tiễn ở ga  
Chưa chi ta đã phải chia xa !  
Nụ cười em nở, tay em vẫy  
Ôi mặt em thương như đoá hoa.

Em hỡi! Đường kia vướng những gì  
Mà anh mang nặng bước em đi  
Em ơi, anh thấy như anh đứng  
Ôm mãi chân em chẳng chịu lìa.

Nhưng bóng em đi khuất rồi,  
Đưa lìa khúc ruột của anh thôi!  
Tình ta như mối dây muôn dặm  
Buộc mãi đôi chân, dấu cách vơi.

Em hẹn sau đây sẽ trở về  
Sống cùng anh lại những say mê  
Ào chần em gửi cho anh giữ  
Xin gửi cùng em cả hẹn thề!

Một tấm lòng em sâu biết bao  
Để anh thương mãi, biết làm sao!  
Em đi xa cách, em ơi Cát  
Em chớ buồn, nghe! Anh nhớ, yêu...  
(Đêm 11/7/1965, 23 giờ 30)

Hoàng Cát đi rồi, Xuân Diệu buồn vô cùng. Trong bài 'Đời anh em đã đi qua', còn có một đoạn cuối nói đến nỗi buồn trống vắng người yêu của Xuân Diệu:

Từ đây anh lại trong đời  
Bữa ăn ngồi với một đôi đĩa cầm  
Giường kia một bóng anh nằm  
Phòng vẫn một sách đăm đăm sớm chiều.

Xin nhắc lại là Hoàng Cát, người được Xuân Diệu gọi là 'em', em Cát, người em có khuôn mặt như đoá hoa, là một người con trai. Và chúng ta thấy, dù người yêu là con trai thì tình cảm của Xuân Diệu vẫn dạt dào và nồng cháy. Nếu chúng ta đừng để ý đến chuyện đồng tính luyến ái của nhà thơ thì đây là một bài thơ tình rất mực đằm thắm. Nó góp một tiếng nói tương đối đẹp vào kho tàng thơ tình vô cùng giàu có của Xuân Diệu.

☐

Một vấn đề khác cũng rất quan trọng là: ai cũng biết người bạn thân nhất của Xuân Diệu là Huy Cận. Chúng ta không thể không thắc mắc: nếu Xuân Diệu là người đồng tính luyến ái, vậy thì Huy Cận là người như thế nào?

Chúng ta nên biết là Huy Cận có hai đời vợ, mà người vợ trước không ai khác hơn là chính em gái ruột của Xuân Diệu. Tuy nhiên, cái chuyện Huy Cận có vợ, một hay hai đời vợ cũng vậy, không có ảnh hưởng gì đến cái kết luận có thể có: ông cũng là một người đồng tính luyến ái, hoặc ít nhất là lưỡng tính luyến ái (bisexual).

Một điều nữa chúng ta cũng cần biết là suốt đời, lúc nào Xuân Diệu và Huy Cận cũng ở bên nhau, như hình với bóng. Từ giữa thập niên 30, họ đã chơi thân với nhau, khi cả hai còn là học sinh trung học. Lúc nào họ cũng cặp kè bên nhau. Trừ khoảng thời gian Xuân Diệu phải đi làm việc ở Mỹ Tho, họ sống chung với nhau một nhà. Có thời gian, từ năm 1939 đến 1940, Xuân Diệu và Huy Cận sống tại số 40 phố Hàng Than, Hà Nội. Hai người sống trên gác, phía dưới là vợ chồng nhà thơ Lưu Trọng Lư. Rồi đến thời kháng chiến chống Pháp, họ cũng quanh quẩn với nhau ở chiến khu Việt Bắc. Sau năm 1954, họ sống với nhau trong căn nhà ở số 24 Cột Cờ, sau đó đổi thành đường Điện Biên Phủ ở Hà Nội. Huy Cận và vợ con ở trên gác, Xuân Diệu sống phía dưới. Trong một bài thơ, Huy Cận tả:

*Đêm đêm trên gác chong đèn  
Cận ngồi cặm cụi viết dòng thơ bay  
Dưới nhà bút chẳng ngừng tay  
Bên bàn Diệu cũng miệt mài trang thơ  
Bạn từ lúc tuổi còn thơ  
Hai ta hạt chín chung mùa nắng trong  
Ánh đèn trên gác, dưới phòng  
Cũng là đôi kén nằm trong kén trời  
Sáng ra gõ cửa: "Diệu ơi,  
Nghe dùm thơ viết đêm rồi xem sao".  
Diệu còn ngái ngủ: "Đọc mau!  
Nghe rồi, xem lại từng câu mới tường".  
Dưới nhà trên gác thông thương  
Dòng thơ không dứt giữa luồng tháng năm...*

Trong bài thơ, Huy Cận dùng chữ 'hai ta', 'Hai ta hạt chín chung mùa nắng trong'. Người Việt Nam không ai dùng chữ 'hai ta' hay 'đôi ta' để chỉ hai người bạn cùng phái. Cách xưng hô như vậy rất lạ. Trong bài 'Nửa thế kỷ tình bạn' in trong tập *Xuân Diệu, con người và tác phẩm* xuất bản tại Hà Nội năm 1987, Huy Cận kể tỉ mỉ hơn về mối quan hệ giữa 'hai ta' đó như sau:

Tựu trường năm 1936, chúng tôi gặp nhau lần đầu tiên ở trường tú tài Khải Định, Huế. Anh Diệu học năm thứ ba, tôi vào học năm thứ nhất. Hai đứa đọc thơ cho nhau nghe, và 'đồng thanh tương ứng', kết bạn với nhau gần như tức khắc... Tựu trường 1937, anh Diệu ra Hà Nội học trường Luật và viết báo Ngày nay, tôi học năm thứ hai ban tú tài... Anh Diệu và tôi viết thư cho nhau hàng tuần... Năm 1938, tôi ra sống với Diệu ở chân đê Yên Phụ. Ở đó Diệu viết 'Truyện cái giường', một số bài thơ, còn tôi thì viết 'Buồn đêm mưa', 'Trông lên', 'Đi giữa đường thơm' và mấy bài khác... Tựu trường năm 1939,... hai chúng tôi cùng sống ở gác 40 phố Hàng Than, Hà Nội... Cuối năm 1940, Diệu đi làm tham tá thương chánh ở Mỹ Tho... Chúng tôi tạm sống xa nhau, buồn đứt ruột, hàng tuần viết thư cho nhau, có tuần hai, ba lá thư... Hè 1942, tôi đậu kỹ sư canh nông và cuối năm bắt đầu đi làm ở Sở nghiên cứu tâm tạng. Diệu điện hỏi tôi: 'Diệu từ chức được chưa?', tôi điện trả lời: 'Từ chức ngay! Về ngay Hà Nội!'. Chúng tôi sống trên gác Hàng Bông (số nhà 61), tiếp tục làm thơ.

Xuân Diệu và Huy Cận sống với nhau, gắn bó với nhau đến nỗi nhà xuất bản họ lập ra hồi đó cũng mang tên là Huy-Xuân, tức là ghép hai chữ đầu của tên hai người lại với nhau, như tên

của một tình nhân hay một cặp vợ chồng trẻ. Rồi trong bài 'Mai sau', Huy Cận lại giới thiệu Xuân Diệu như người bạn thân thiết, hay đúng hơn, như một tình nhân thân thiết của mình:

*Người ta bảo bà mẹ chàng hay khóc  
Chia gia tài cho con quý: lệ đau  
Chàng là con một bà mẹ hay sầu  
Nên trọn kiếp mắt chàng thường đẫm lệ  
[...]*

*Chiều nay đây nửa thế kỷ hai mươi  
Viết dặm câu tôi gửi lại vài người  
Những thế hệ mai sau, làm bè bạn  
Hỡi ai đó, có nhớ lòng Huy Cận  
Gọi gió trăng mà tỏ thể lời trên  
Rất thương yêu, xin nhớ gọi giùm tên  
Rất an ủi của bạn chàng: Xuân Diệu.*

Bài thơ trên đã công khai bày tỏ tình cảm của Huy Cận đối với Xuân Diệu. Ngoài ra, bài 'Vạn lý tình' rất nổi tiếng của Huy Cận cũng hé lộ một số chi tiết rất đáng chú ý:

*Người ở bên này, ta ở đây  
Chờ mong phương nọ, ngóng phương này  
Tương tư đôi chốn, tình ngàn dặm  
Vạn lý sầu lên núi tiếp mây  
Nắng đã xé về bên xứ bạn  
Chiều mưa trên bãi, nước sông đầy  
Trông vời bốn phía không người nhớ  
Dời động hoàng hôn thấp thoáng bay  
Cơn gió hiu hiu buồn tiễn biệt  
Xa nhau chỉ biết nhớ vơi ngày  
Chiếu chẵn không ấm người nằm một  
Thương bạn chiều ôm, sầu gối tay.*

Chi tiết đáng chú ý nhất chính là chữ 'bạn' được lặp lại hai lần trong bài thơ, trong câu 'Nắng đã xé về bên xứ bạn' và câu 'Thương bạn chiều ôm, sầu gối tay'. 'Bạn' chứ không phải là người yêu. Chúng ta nhớ lại sự kiện khi Xuân Diệu phải đi làm việc ở Mỹ Tho, Huy Cận sống ở Hà Nội, và lời kể của Huy Cận: "Hai đứa phải sống xa nhau, buồn đứt ruột." Một chi tiết khác quan trọng không kém, đó là câu 'Chiếu chẵn không ấm người nằm một'. Lúc này Huy Cận còn là học trò, chưa lập gia đình, chưa có vợ con. Người nằm chung chăn, chung chiếu với ông không phải là vợ ông, mà chính là người bạn trai của ông. Điều này sẽ rõ hơn, thuyết phục hơn, khi chúng ta đọc thêm bài 'Ngủ chung' cũng của Huy Cận, in trong tập *Lửa Thiêng*, xuất bản năm 1940:

*Ôi rét đêm nay mấy học trò  
Ngủ chung giường hẹp, trốn bơ vơ  
Cô hồn vạn thuở buồn đơn chiếc  
Có lẽ đêm nay cũng ngủ nhờ.  
Lạnh lùng biết mấy tấm thân xương!  
Ấn ái xưa kia kiếp ngủ giường.  
Đâu nữa tay choàng làm gối ấm,  
Còn đâu đôi lứa chuyện canh sương  
Trốn tránh bơ vơ, chạy ngủ lang,  
Hồn ơi! có nhớ giấc trần gian  
Nệm là hơi thở, da: chăn ấm,  
Xương cọ vào xương bớt nổi hàn?*



(Tô Hoài, Cát Bụi Chân Ai, trang bìa sau)

Tuy nhiên, trong bài viết này tôi sẽ chỉ nói về chuyện “Tình Trai” của Xuân Diệu với Tô Hoài trong Cát Bụi Chân Ai, qua chính lời kể của Tô Hoài một cách hê-tá sức nồng nàn và cảm động.

Chuyện tình giữa Xuân Diệu và Tô Hoài, thực ra, từ bao lâu đã có nhiều lời đồn và nghi vấn. Lần này, khi viết hồi ký về đời mình, Tô Hoài đã ngang nhiên kể lại mối tình đó. Một hành động vô cùng chân thật đầy tính “cách mạng” với xã hội Việt Nam hãy còn rất nhiều những thành kiến; một thái độ can đảm dứt khoát để nói với Đảng và Nhà Nước Việt Cộng về hai chữ Tự Do.

Tô Hoài ghi:

“Rời thành phố, lên đến Yên Dã đã u tỳ lắm rồi. Tôi quen Xuân Diệu trước năm 1945. Tôi cũng là người Xuân Diệu rủ đi nghe và cổ vũ Xuân Diệu lần đầu tiên diễn thuyết đề tài Thanh Niên Với Quốc Vãn ở giảng đường trường đại học Hà Nội. Xuân Diệu nói “Hoài ơi đi ủng hộ Diệu”. Anh Hiến sinh viên mặt tái xanh nhứt nhát ra giới thiệu lung tung. Không sao, Xuân Diệu áo Tuýt so lụa mỡ gà, cà vạt lấm tẩm vàng sẫm, làn tóc rậm đen loăn xoăn trên đài trán đã thu hút người nghe vào ngay câu chuyện. Đột nhiên, Xuân Diệu nói nhịu chữ “tâm hồn” – như một bà già trong làng bán bánh đúc có tật nói nhịu nhảm. Nhưng Xuân Diệu vẫn tiếp tục sang sảng hùng biện, không ai kịp sững sốt.

Xuân Diệu và Huy Cận lên Nghĩa Đô, ở chơi cả buổi và ăn cơm. Dịu dàng, âu yếm, Xuân Diệu cầm cổ tay tôi, nắm chặt rồi vuốt lên vuốt xuống. Bốn mắt nhìn nhau đắm đuối. Xuân Diệu gấp thức ăn cho tôi. Cử chỉ thân thiết quá, hơi lạ với tôi, nhưng mà tôi cảm động. Tôi sượng mắt nhìn tập Thơ Thơ khổ rộng nhà in Trung Bắc phố hàng Buồm. Hai chữ Xuân Diệu nét chì sắc gọn, không phải chữ gổ giệp đét.”

(Tô Hoài, Cát Bụi Chân Ai, Thanh Văn (không thấy ghi năm xb), trang 188 & 189)

Điều trước hết phải nên ghi nhận, Xuân Diệu quả là một người mê đắm và đom đóm! Những đặc tính rõ nét của một người đồng tính. Áo Tuýt so lụa mỡ gà, cà vạt lấm tẩm vàng sẫm... Xem ra, nét ăn mặc của Xuân Diệu từ hơn nửa thế kỷ trước, so với những tay đom đóm hiện đại chả có gì thua sút lạc điệu. “Hoài đi ủng hộ Diệu”. Câu nói nhẹ nhàng, mỏng manh đầy nữ tính nhưng quyết liệt. Và hai chữ “tâm hồn” nói nhịu. Tại sao? Nói nhịu như một bà già bán bánh đúc trong làng có tật nói nhịu nhảm! Đó là cái ám ảnh của bản chất, hay là sự thể phản ảnh của một nỗi cuồng si?

Xuân Diệu cầm tay Tô Hoài và âu yếm vuốt lên, vuốt xuống. Nhưng là “bốn mắt nhìn nhau đắm đuối”. Có nghĩa, Tô Hoài cũng đã đắm đuối nhìn vào mắt Xuân Diệu. Cái đắm đuối mà Tô Hoài chẳng thể nào hiểu nhưng nó có làm Tô Hoài cảm động và rung động!

Tô Hoài kể tiếp. Rành mạch, rõ ràng với một trí nhớ xanh tươi:

“Thình thoảng, Xuân Diệu lại lên nhà tôi. Vẫn nắm tay cả buổi, nhìn tha thiết. Xuân Diệu yêu tôi. Nhớ những tình yêu con trai với nhau, ở trong làng và ở lớp, khi mới lớn. Học lớp nhất trường Yên Phụ, nói võ tiếng ồ ồ mặt sùi trứng cá, chúng nó cứ bảo tôi là con gái. Nhiều thằng cặp đôi với tôi, đòi làm vợ chồng. Có hôm chúng nó tranh vợ đánh nhau lung tung. Có đứa xô vào ôm chặt, sờ soạng toạc cả đũng quần tôi. Nhiều hôm đi học không dám đến sân trường sớm. Phải lẩn vào trong ngõ Trúc Lạc, nghe trống mới chạy ù đến sắp hàng vào lớp.”

(Tô Hoài, sđd, trang 189)

Tô Hoài hôm nay đã là một ông già. Nhưng ông già Tô Hoài vẫn chưa hiểu lắm về sự khác biệt giữa “Tình Trai” và những nghịch phá của tuổi học trò con nít. Chắc rằng Tô Hoài lúc bé ẻo lả và giống con gái. Cho nên lũ bạn tiểu học mới dỡ những trò chơi tinh quái đó. Nhưng với Xuân Diệu thì khác! Đúng như Tô Hoài đã xác định: Xuân Diệu yêu Tô Hoài. Tình yêu thật sự của tuổi thanh niên trưởng thành. Tình trai, tuy là “tình trai”, ai cấm giai đoạn mở đầu vẫn khai mào bằng những gì đậm thắm, thơ mộng. Tay cầm tay. Mắt nhìn mắt. ... Đắm đuối. Nồng nàn...

Nhưng mối tình của Xuân Diệu với Tô Hoài không chỉ có thế. Không chỉ là tay cầm tay, mắt nhìn mắt. Tô Hoài làm tôi ngạc nhiên ở đoạn tôi sắp trích dẫn dưới đây, khi họ Tô kể lại, miêu tả lại bằng giọng văn tài tình có tay nghề của ông:

“Mới xế chiều đã chập tối, chẳng còn người thò chân ra đường xóm đá tảng lầy lội. Cơm xong, nhà ăn đóng cửa, mái rạ lấn vào sườn đồi chơ vơ. Mấy cậu văn phòng ở một mình, xong bữa lại quẳng bát đĩa này, vào chơi ngủ luân tại các nhà trong xóm. Có cậu việc gấp, đánh máy đêm xong rồi cũng chuồn mất. Dãy buồng ở tập thể không đèn đóm, tối thui. Không nghe tiếng người trở mình, giát giường không ken két. Im như đất hoang. Nhà tôi ở ngoài ven ngõ giữa đồng. Rượu khuya, đường mưa lội tôi ngủ lại.

Chúng nó sợ, đi bỏ trống cả cơ quan. Cả dạo mưa gió, Xuân Diệu ở lại u tỳ quốc không ra ngoài. Giọt gianh lách tách mái nứa goạ về những đêm ma quái, rừng rợn, say đắm. Bàn tay ma ở đâu rờn vào. Không phải. Tay người, bàn tay người này đập, ầm ầm. Hai bàn tay mềm mại xoa lên mặt lên cổ rồi xuống dần xuống dần khắp mình trần truồng trong mảnh chăn dạ. Bóng tối bập bùng lên như ngọn lửa đen không có ánh, cái lạnh đêm mưa rừng ảm dần lên. Chẳng còn biết đương ở đâu, mình là ai, hai cơ thể con người quấn quại, quấn quít, cánh tay, cặp đùi thông chao trối lại, thít lại, giăng ra. Niềm hoan lạc trong tôi vỡ ra, dữ dội giăng giữa cái xác thịt kia.

(Tô Hoài, sđd, trang 190 & 191)

Tôi có thể thấy như trước mắt cái điều hiu hoang sơ trên triền Tam Đảo. Và những cuồng mê xác thịt giữa mưa gió, bóng tối và những khẳng trổng vắng trơ lạnh giữa núi rừng Yên Dã. Bao vò rượu nếp của kiến trúc sư Võ Đức Diên hẳn nhiên sẽ nung nấu dòng máu nóng của những chàng thanh niên như Tô Hoài, Xuân Diệu. Và thế là cơn đồng điệp được gọi lên. Chỉ là ở một người. Bắt đầu ở một Xuân Diệu thi sĩ Tình Trai. Tô Hoài là kẻ bị cuốn vào cơn sóng dập dờn đó. Bằng vô thức. Không suy nghĩ suy luận phân tích gì hết. Nhưng tôi thấy rõ ở những dòng chữ kể lại của Tô Hoài một ý thức rất tinh táo. Và nhất là không chút mặc cảm hay vò xé (cảm thiết) theo thói thường của một cái gì đó gọi là Truyền Thống Việt Nam hay Luân Thường Đạo Lý kiểu áo dài khăn đóng!

Tô Hoài tiếp tục tỉ mỉ, rất văn chương với những dòng kể tiếp theo:

“Rồi như chiêm bao, tôi ngã ra, thống khoái. Im lặng. Nghe mưa rơi xuống tàu lá chuối trong đêm và cái mệt dịu dàng trong mình. Giữa lúc ấy, hai bàn tay mềm như lụa lại vuốt lên mặt. Làn môi và hơi thêu nóng như than bò vào mắt, xuống vú, xuống roan, xuống bẹn... Cơn sướng lại cồn lên cho đến lúc ngã cả ra, rúc vào nhau. Rồi bàn tay dịu dàng lại vuốt lên mặt. Lần này thì tôi lử lả, tôi nguôi ra rên ư ừ, như con đỉm mê tôi không nhớ nổi người thứ mấy, thứ mấy nữa.”

(Tô Hoài, sđd, trang 191)

Tôi đã đọc Hồ Trường An, Ngô Nguyên Dũng, Hoàng Mai Đạt.v.v... viết về đồng tính. Tôi cũng từng đọc vài nhà văn nữ Việt Nam ở hải ngoại viết về những mối tình, những cơn ái ân đồng tính. Theo tôi, chưa có ai xuất sắc như Ông Già Tô Hoài khi viết lại mối tình trai của ông và Xuân Diệu.

Tô Hoài táo bạo mà vẫn nên thơ. Buông thả một cách tận cùng nhưng đồng lúc lại vẫn như e dè muốn níu lại hết. Níu lại một cái gì đó rất mơ hồ ngay chính họ Tô chẳng hề biết hiểu, chẳng hề phân biệt được:

“Trời rạng sáng. Xuân Diệu trở về màn mình lúc nào không biết. Tôi he hé mắt nhớ lại những hứng thú khủng khiếp. Những cảm giác nồng nàn kích thích trong bóng tối đã trở ra khi sáng bạch. Tôi chạy xuống cánh đồng giữa mưa.”

(Tô Hoài, sđd, trang 191)

Những níu lại vô ích vô thức. Những hứng thú quả tình khủng khiếp! Nhưng vẫn là những hứng thú kỳ bí “nồng nàn kích thích”. Trong bóng tối.

Bởi ánh sáng bạch bình minh ban ngày sẽ làm tan rã hết. Sẽ làm “lạnh” đi những “nồng nàn kích thích” trong đêm mưa gió giữa núi rừng.

Tô Hoài chạy trốn những “khủng khiếp” của cơn hứng thú. Trong cái khựng lại e dè (tôi không thấy nói chút gì đến niềm sợ hãi hay ân hận!), vẫn có một sự “tuôn chảy băng băng” vào “chỗ đó”. Dù cái “nơi chốn đó” có là thiên đàng hay địa ngục. Xin nghe Tô Hoài kể tiếp:

“Nhưng đêm mai lại vào cuộc dữ dội. Trong đêm quái quỷ lại thấy mình như không phải mình mọi khi, cũng không biết rồi trời lại sáng. Cho đến khi thật thấy rạng sáng mới rờn rợn.”

(Tô Hoài, sđd, trang 191)

Chỉ là rờn rợn khi ánh sáng mặt trời đã trở về với không gian. Rờn rợn như một phản ứng thiên nhiên tự nhiên không lý giải. Do đó, khi đêm về, Tô Hoài đã không có ý niệm, không biết là rồi trời sẽ lại sáng!

Nhưng một mối, hay những mối tình trai trong thời “kháng chiến” như vậy làm sao qua mắt nổi “cơ quan”! Và hậu quả của những cơn “hứng thú khủng khiếp” là ánh sáng. Là phải phô bày, tự thú. Là phải lòi từ đêm thắm, từ gió mưa của rừng núi ra những lời bộc bạch. Phải mang bóng tối ra trình diện trước ánh sáng.

“Mọi công việc cơ quan lặng lẽ, nhưng cứ tối đến thì nháo lên, nháo lên một cách âm thầm. Các chàng trai trẻ vào ngủ lang trong xóm. Thăng Đại trắng trẻo, mồm mĩm thì biến là phải. Nhưng cả đến thằng Nghiêm Bình cao to hiên ngang như thế, tối cũng lẳng lặng vác cái ghi ta ra đi. Bốn bên im như tờ. . . . .

. . . . chiếc màn một trơ trọi của lão Hiến, đôi khi cả màn của Kim Lân, của Nguyên Hồng ở Bắc Giang sang, ngủ tạm nay. Chẳng biết đêm hôm có ông kính nào bị bàn tay hung sờ vào roan không. Cuộc kiểm điểm Xuân Diệu kéo liền hai tối. Hồi ấy chưa biết phương pháp chỉnh huấn, nhưng hàng ngày chúng tôi làm việc giờ giấc nghiêm ngặt, mỗi tổ buổi chiều trước giờ tăng gia lại hội ý rút kinh nghiệm. Cả cơ quan họp đến khuya. Chỉ có ông Phan Khôi lên buồng vẫn mắc



màn sẵn đi ngủ từ chập tối, bỏ ngoài tai mọi việc.

Xuân Diệu chỉ ngồi khóc, chẳng biết Nam Cao, Nguyễn Huy Tưởng, Trọng Hứa, Nguyễn Văn Mãi, cả lão Hiến, thằng Nghiêm Bình, thằng Đại và mấy thằng nữa, có ai ngủ với Xuân Diệu không, nhưng cũng không ai nói ra. Tôi cũng cảm như hén. Lúc rồ lên, trong đêm tối quẩn rũ, chính mình cũng điên kia ma. Không nói cụ thể việc ấy, nhưng ai cũng to tiếng gay gắt “tư tưởng tư sản, phải chữa đi”. Xuân Diệu nức nở “tình trai của tôi... tình trai...” rồi nghẹn lời, nước mắt lại ứa ra.”

(Tô Hoài, sđd, trang 193)

Hắn là còn may mắn, vì “hồi ấy chưa biết phương pháp chỉnh huấn”, nên Xuân Diệu chỉ bị mắng mỏ là “tư tưởng tư sản, phải chữa đi”. Chỉ tội nghiệp cho cái gọi là “tư sản”! Làm như chỉ có những con người “tư sản” mới biết đến “đồng tính luyến ái”!

Chẳng có đầu tố, khai tội và phỉ nhổ chửi bới. Chẳng có ném đá hay hành hạ cụ thể tức thì. Nhưng sau đó ít lâu, thì Xuân Diệu bị đưa ra khỏi ban thường vụ.

“Và cũng thành một cái nếp kéo dài, từ đấy không ai nhắc nhở đến những việc chủ chốt trước kia Xuân Diệu đã phụ trách. Bỗng dưng, Xuân Diệu thành một người được nhiều thời giờ chỉ chuyên đi viết. Mà Xuân Diệu cũng như xa lánh mọi công tác.”

(Tô Hoài, sđd, trang 193)

Xem ra, hình phạt như vậy đối với những “tội tình, bê bối” mà Xuân Diệu đã làm ra đã là quá nhẹ. Đảng Việt Cộng vì trọng tài Xuân Diệu nên nương tay? Hay vì là giai đoạn can kết nạp, cần những cán bộ tiếng tăm, có tài, nên Đảng đã ngó lơ phần nào cho Xuân Diệu? Tôi lại nghĩ những lí do vừa nêu ra có thể là vài chục phần trăm. Nhưng nhiều phần trăm chính yếu là Đảng đã “mắc cỡ”! Đảng ngưng ngưng chẳng biết... kết tội ra làm sao với trường hợp Xuân Diệu.

Và như thế, Xuân Diệu, theo như Tô Hoài đã ghi, vốn là một người “đào hoa” với những mối tình trai. Xuân Diệu không biết chung thủy. Xuân Diệu chỉ biết mê đắm. Tô Hoài hồi ức:

“Từ thuở trẻ, cái bắt tay như vỗ lấy, trán đụng vào nhau, bốn con mắt nghiêng ngả vuốt ve nhau. Ở đâu Xuân Diệu cũng đào hoa những mối tình trai. Buổi chiều trong kháng chiến, đã hết lo đám máy bay lên đánh bom, chúng tôi đặt ba lô nghỉ chân ở Âm Thượng xuống sông tắm tấp xong lên dạo phố. Đêm nay thị trấn mời Xuân Diệu nói chuyện thơ. Bọn con trai choai choai kháu khỉnh xúm xít quanh nhà thơ. Tuổi trẻ, trai gái thấy nhau như có điện, dù điện yêu hay điện ghét, thái độ hiện ngay ra con mắt, nụ cười, cái biau môi, dáng xóc cổ áo, bãi nước bọt. Đàng này, con gái đi ngang mặt dừng dừng như không, nhưng con trai xoắn xít vòng trong vòng ngoài. Sáng hôm sau còn đến chơi. Xuân Diệu nắm cổ tay từng đưa mân mê như chọn dẫn mía, và nhìn dõng vào mắt...”

(Tô Hoài, sđd, trang 196)

Xuân Diệu quả là một tay đào hoa với những mối tình trai. Qua ngòi bút Tô Hoài, chúng ta thấy một Xuân Diệu đồng tính thân nhiên và ngây thơ không mặc cảm. Mặc cảm, một trạng thái gần như (đương nhiên và thậm chí cần thiết) bắt buộc phải có ở những con người đồng tính chẳng những vào thời thi sĩ Xuân Diệu, mà ngay cả ở thời nay tại Việt Nam!

Và như Tô Hoài đã kể, Xuân Diệu chẳng phải là một tay chung tình. Tuy nhiên, để kết luận về

Xuân Diệu, Tô Hoài viết:

“Mỗi khi nhớ, chuyện về Xuân Diệu buồn thương, buồn cười và đáng yêu, chỉ đáng yêu...”

(Tô Hoài, sđd, trang 193)

Để dứt bài này, tôi xin chép lại nay một bài thơ “Tình Trai” của Xuân Diệu, gửi một người lính trẻ rời thành phố vào chiến trường. Bạn đọc nếu không biết trước, chắc chắn sẽ nhầm đây là một bài thơ Tình Gái, do một chàng trai viết gửi cho người yêu bé nhỏ của mình:

EM ĐI  
Tặng Hoàng Cát

Em đi, để tấm lòng son mãi  
Như ánh đèn chong, như ngôi sao  
Em đi, một tấm lòng lưu lại  
Anh nhớ thương em, lệ muốn trào

Ôi Cát! Hôm vừa tiễn ở ga  
Chưa chi ta đã phải chia xa!  
Nụ cười em nở, tay em vẫy,  
Ôi mặt em thương như đóa hoa

Em hỡi! Đường kia vướng những gì  
Mà anh mang nặng bước em đi!  
Em ơi, anh thấy như anh đứng  
Ôm mãi chân em chẳng chịu lìa

Nhưng bóng em đi đã khuất rồi.  
Đứt lìa khúc ruột của anh thôi!  
Tình ta như mối dây muôn dặm  
Buộc mãi đôi chân, dẫu cách vời

Em hẹn sau đây sẽ trở về  
Sống cùng anh lại những say mê...  
Áo chần em gửi cho anh giữ,  
Xin gửi cùng em cả hẹn hề!

Một tấm lòng em sâu biết bao  
Để anh thương mãi, biết làm sao!  
Em đi xa cách, em ơi Cát  
Em chớ buồn, nghe! Anh nhớ yêu...”  
(Đêm 11/7/1965 \* 23 giờ 30)

**Chuyện người vợ một đêm  
của ông hoàng thơ tình Xuân Diệu  
Xuân Anh**  
Và tiết lộ của Tô Hoài



Người phụ nữ đó không ai khác chính là nữ đạo diễn, nghệ sĩ nhân dân – Bạch Diệp. Hai người đã chung sống trong một thời gian ngắn rồi chia tay. Bạch Diệp nay đã bước sang tuổi cổ lai hy. Gần đây, bà yếu đi nhiều, chân run run do bệnh viêm khớp của tuổi già. Trong căn nhà rộng mà hiu quạnh, bà ngồi lệt thỏm trong bộ ghế sa-lông cứng nhắc, khuôn mặt đăm chiêu nhăn nhúm vết nhăn trầm thòai gian. Sau một tiếng thở dài, những câu chuyện từ cõi lòng cứ thế mà bật ra. Đôi mắt sắc sảo của bà chợt ằng ặc nước, chợt ráo hoảnh...

Một đôi nhưng hai... nửa

Những ngày cuối đông năm 1957, trời Hà Nội rét căm căm. Ngày hôm đó, Tổng biên tập báo Nhân Dân - ông Hoàng Tùng gọi Bạch Diệp ở lại, giọng nửa đùa nửa thật: “Bạch Diệp ế đến nơi rồi, có muốn anh giới thiệu chồng không?”

Bạch Diệp giãy nảy: “Gớm, có già cũng không cần anh giới thiệu đâu. Em quen đầy người, việc gì phải nhờ anh”. Nói rồi, Bạch Diệp nhét tập tài liệu dày cộp vào túi sách, toan về. “Nhưng... nếu đó là “một ông hoàng?”, “Em không cần tiền!”. Bạch Diệp ngưng nguẩ, tự ái ra mặt. Hoàng Tùng xoa tay cười “Em bình tĩnh nghe anh nói đã...”. Hoàng Tùng lôi điếu thuốc ra. Châm lửa. Chậm rãi rít một hơi dài: “Người này anh ngắm kỹ cho em rồi, không ai xứng đáng hơn đâu. Không phải ông hoàng dầu lửa, mà là ông hoàng thi ca – Xuân Diệu đấy!”.

Hóa ra, người mà tổng biên tập muốn giới thiệu cho cô phóng viên trẻ chính là Xuân Diệu. Bạch Diệp lúc này đã 27 tuổi, đẹp sắc sảo, mặn mà. Biết bao chàng trai ngưỡng mộ sự thông minh của nàng, nhưng không dám tiến gần, vì sợ nàng “chê”. Bạch Diệp thường vẽ một “bánh vẽ” về người chồng lý tưởng của mình, rồi “gặm nhấm”: “Chồng Diệp phải là người đàn ông tài hoa, lãng mạn. Người đó phải khiến Diệp kính phục. Nếu không, Diệp thà ở vậy còn hơn!”.

Bởi thế, khi được “gán” với “ông hoàng của thi ca”, Bạch Diệp bỡ ngỡ lắm. Nàng lao về nhà, đọc đi đọc lại những bài thơ tình của ông: “Em bước điềm nhiên không vướng chân/Anh đi lững thững chẳng theo gân/Vô tâm – Nhưng giữa bài thơ dụ/ Anh với em như một cặp vằn... Trông thấy chiều hôm ngơ ngẩn vậy/Lòng anh thôi đã cưới lòng em”. Chấn hẫng, người phụ nữ nào được Xuân Diệu yêu sẽ hạnh phúc vô cùng! Sao không hạnh phúc khi được Xuân Diệu đối xử như một nữ hoàng, và được chàng yêu như trong thơ: “Yêu tha thiết thể vẫn còn chưa đủ?/Anh tham lam, anh đòi hỏi quá nhiều. Anh biết rồi, em đã nói em yêu/Sao vẫn muốn nhắc một lời đã cũ?”.

Nghĩ vậy, mấy ngày sau, Bạch Diệp nhận lời “mai mối” của Hoàng Tùng.

Bạch Diệp trong công việc của một đạo diễn

Xuân Diệu tuy đã 41 tuổi, nhưng trông “rất thơ”. Vàng trán anh nở nang, cao vời vợi, che phủ một phần bởi những mớ tóc lỏn xoăn, dẫu ấn của con người Bình Định. Bạch Diệp vốn là người mạnh mẽ, nhưng bị “đắm chìm” ngay bởi cặp mắt nhìn đời và thiên nhiên sâu thẳm thẳm, tựa như một nhà hiền triết.

Thế nhưng, buổi nói chuyện đầu tiên tẻ nhạt hơn nàng tưởng. Những câu làm quen rời rạc, những mạch chuyện chệch hướng. Xuân Diệu không phải là người đàn ông biết đưa đẩy, rào đón phụ nữ. Hóa ra, người thơ và người thực chẳng thể là một. Bạch Diệp thoáng thất vọng.

Những buổi hẹn hò sau, hai người thường đèo nhau trên chiếc xe đạp cà tàng ra ngoại thành chơi. Trên những con đường trải đầy nắng và gió đông, Xuân Diệu khẽ khàng ngâm thơ. Bạch Diệp ngồi phía sau, lòng lâng lâng. Có lần, trời đổ cơn giông, Bạch Diệp nằng nặng đòi đội mưa về nhà, bất kể đang ốm. Xuân Diệu liền kéo nàng trú dưới hàng hiên nhà cổ. Anh rút khăn mùi soa, lau từng giọt mưa lấm tẩm trên mặt nàng. Sau khi đưa nàng về, Xuân Diệu tặng nàng bài thơ: “Tôi cầm mùi dạ lan hương/Trong tay đi đến người thương cách trùng/Dạ lan thơm nức lạ lùng/Tưởng như đi mãi không cùng mùi hương”.

Xuân Diệu rất yêu hoa và là người kỹ tính trong nghệ thuật này. Bất cứ lúc nào, trong nhà ông cũng có hoa tươi để bàn. Thuở đó, ông rất hay mua hoa hồng tặng Bạch Diệp. Những bông hồng tươi thắm, cánh hoa dày ụ khiến đôi mắt Bạch Diệp thêm long lanh, má Bạch Diệp thêm hồng ửng. Xuân Diệu không có sự quyến rũ mạnh mẽ từ vẻ ngoài, cũng không có những câu nói đưa đẩy làm xiêu lòng phụ nữ. Bù lại, sự chu đáo của anh khiến Bạch Diệp tuy chưa hoàn toàn ưng ý, nhưng cũng “mủi lòng”.

Đến gần ngày cưới, Xuân Diệu có qua nhà Bạch Diệp ăn cơm tối. Ba mẹ Bạch Diệp đón tiếp “chàng rể tương lai” rất nồng hậu. Mắt long lanh, anh tự ru mình và mềm mại khi đọc những bài thơ tình. Bạch Diệp nhìn anh say đắm, nhưng anh lại đưa mắt ra ngoài khung cửa sổ, lảng tránh. Dường như bài thơ tình đó không dành cho nàng. Giữa họ, một khoảng cách vô hình le lói hình thành.

Có lần, cô bạn đồng nghiệp kéo Bạch Diệp lại, hỏi: “Tao nghe người ta nói anh Xuân Diệu có vấn đề đấy! Mà phải xem lại đi, không nhớ dờ đời con gái”. Bạch Diệp gắt lên: “Vớ vẩn! Người ta ghen ghét, nói xấu anh Diệu thôi. Tao không hiểu anh Diệu thì ai hiểu đây?”. Nói thế nhưng Bạch Diệp không khỏi nghi ngờ. Hai người sắp nên vợ nên chồng mà vẫn chẳng thể là một. Xuân Diệu lúc nào cũng “bằng khuâng”, “lãng đãng”. Hay vì nhà thơ thường như thế?

Trước đám cưới vài ngày, Bạch Diệp giục Xuân Diệu đăng ký kết hôn nhưng anh lại ậm ừ cho qua, kêu bận sáng tác. Mấy hôm đó, nàng cũng thao thức không ngủ được. Chỉ mấy ngày nữa thôi, nàng sẽ trở thành “bà Xuân Diệu”, là “nữ hoàng” của thơ ông, thay thế tất cả những “người tình thơ” trước đó. Sau này, người yêu thơ sẽ nhắc đến nàng như nguyên mẫu, là nguồn cảm hứng duy nhất trong thơ Xuân Diệu. Rồi hạnh phúc vợ chồng, nàng chưa biết gì ngoài những lời thủ thỉ của bạn bè đồng trang lứa. Nghe hứa hẹn, sẽ “ngọt ngào” lắm...

Đám cưới diễn ra vào cuối tháng 4 năm 1958, do báo Nhân Dân đứng ra tổ chức. Có rất nhiều bạn bè của Xuân Diệu tới chúc mừng. Họ toàn là những nhà thơ, nghệ sĩ tên tuổi. Bạch Diệp trong bộ áo dài đội voan trắng muốt, hạnh phúc vô cùng. Trước sự chứng kiến của mọi người, chàng và nàng nguyện “kề vai sát cánh đến suốt cuộc đời”.

Đêm tân hôn của... thi ca

Đôi vợ chồng trẻ được thu xếp trong một căn phòng nhỏ, nhưng ấm cúng. Phía đầu giường là dòng chữ “Hỉ” đỏ chót dán lên tường. Chú rể vẫn chu đáo vậy, đun nước sôi, trút xuống chậu men, nhúng tay thử độ ấm và bảo nàng đi tắm. Rũ sạch mọi mệt mỏi, mùi xà phòng hương lài quện quanh người khiến nàng thêm khoan khoái.

Bạch Diệp trong xường phim ...và cùng nghệ sĩ Trà Giang

Nàng đã tưởng tượng ra khung cảnh như thế này, từ lâu lắm rồi: một căn phòng nhỏ leo lắt nền và hoa hồng. Cô dâu mới phải e lệ, ngượng ngùng ngồi đợi chồng bên mép giường. Chú rể vén rèm, bước vào. Hai người uống chung một ly rượu, cho men tình thêm say! Luồng sáng trong phòng phải mờ mờ ảo ảo. Bóng tối sẽ khiến hai người thêm tự nhiên và gần gũi. Sau một đụng chạm khẽ khàng, hai người yêu nhau như tự nhiên nó thế...

Một bàn tay mềm mại đặt lên vai. Tim nàng đập thịch. Má đỏ bừng. “Em này, có thấy bút đâu không?”. Giật mình, nàng ngơ ngác: “Để làm gì hả anh?”. Xuân Diệu không trả lời, lục tung bàn, cúi xuống gầm giường tìm bút. Rồi anh thấp thêm nén. Ánh sáng khiến căn phòng như rộng ra, rộng mãi. Xuân Diệu ngồi bên bàn, cầm bút, giấy loay hoay, hì hụi. Đầu anh gục xuống, mái tóc

bồng bênh rối tung. Bạch Diệp ngỡ ngàng: “Chẳng nhẽ anh ấy muốn làm thơ trong lúc này?”. Sau một hồi, Xuân Diệu hí hửng, đọc thơ cho nàng nghe. Bạch Diệp cố nhẫn nhịn. Đọc xong, chàng lại hí hụi viết tiếp, mắt nhìn ra cửa sổ băng khuâng. Nàng bàng hoàng: chẳng nhẽ đêm tân hôn là như vậy? Đêm đó, Bạch Diệp thêm một lần mất ngủ. Vị ngọt rượu vang nơi đầu lưỡi hồi chiều đã nhanh chóng biến thành vị đắng.

Đến sáng, hai người rẽ sang hai ngã đường. Đêm đêm, chàng vẫn miệt mài làm thơ. Nàng thờ dài, kéo chăn đi ngủ trước. Mọi người tò mò hỏi chuyện đôi vợ chồng trẻ, nàng chỉ mỉm cười, mắt biêng biếc buồn. Nàng đang phải cắn-quả-sầu-của đời mình.

Ba tháng sau ngày cưới, Bạch Diệp trò chuyện cùng mẹ. Bà mẹ hạnh phúc nhìn con gái, hỏi nhỏ: “Thế mà đã có gì chưa? - Có gì là có gì ạ? Bọn con đã có chuyện gì đâu?”. Mẹ Bạch Diệp tái mặt. Bà cứ ngỡ, con gái lấy chồng sẽ nhanh chóng sinh cho bà đứa cháu kháu khỉnh, ngờ đâu... Tức giận, bố Bạch Diệp gọi chàng về đến. Lúc đó, mọi người mới té ngựa: Xuân Diệu bị bệnh “tiên thiên”, không thể chữa trị.

Mẹ Bạch Diệp thương con gái, khóc cạn nước mắt. Bà bắt hai người phải chia tay ngay, để Bạch Diệp khỏi lâu ngày mang tiếng xấu. Bố Bạch Diệp can ngăn: “Khuyết tật này chẳng ai muốn có. Hơn nữa con mình là người tri thức có tiếng, nên giữ thể diện cho nó. Bây giờ tìm mọi cách chữa trị trong ba tháng. Sau ba tháng nếu Xuân Diệu tròn nghĩa vụ làm chồng, hai đứa phải chia tay”.

Bạch Diệp giờ biết chuyện của chồng, thương xót vô cùng. Suốt ba tháng đó, ngày ngày nàng đun thuốc nam cho chồng uống, tuyệt nhiên không một lời than phiền, trách móc. Mẹ Bạch Diệp đôn đáo xuống Hà Tây, Hải Dương, Hải Phòng xem bói. Nào là, “thằng chồng nó bị ma ám, phải đem lá bùa này về đốt, lấy tro phá với nước lã, bắt nó uống”. Rồi “xoay giường ra hướng khác, hướng này khí độc”...

Xuân Diệu thương vợ nhiều, nhưng không thể làm cho vợ hạnh phúc. Hơn nữa, Xuân Diệu càng biết lòng mình, qua cuộc hôn nhân với Bạch Diệp. Thời gian này, những bài thơ tình vẫn được tuôn rào rạt. Vẫn cuồng nhiệt vô bờ: “Hãy khăng khít những cặp môi gắn chặt/Cho anh nghe đôi hàm ngọc của răng/Trong say sưa, anh sẽ bảo em rằng/Gần hơn nữa thế vẫn còn xa lắm”. (Xa Cách)

Một đêm nọ, Xuân Diệu không làm thơ. Chàng ôm vợ mình, siết chặt, nhẹ nhàng hôn lên môi, mắt và trán nàng. Rồi những nụ hôn cuồng quýt, nồng ấm. Nàng lảng lảng. Dòng máu nóng chạy dọc suốt cơ thể. Nàng không còn bẽn lẽn, rụt rè. Nàng sẵn sàng đón nhận sự khát khao bị dồn nén bấy lâu. Nàng sắp bùng nổ... Nhưng chàng dừng lại. Bỏ ra ngoài phòng. Để lại sau lưng giọt nước mắt mặn chát của người vợ trẻ.

Sau này, khi hai người chia tay, họ vẫn coi nhau là bạn. Một lần vô tình gặp trên phố, khi Xuân Diệu đương mua hoa. Họ chào nhau, hỏi chuyện như những người bạn lâu ngày gặp mặt. Đến khi ra về, Bạch Diệp nhìn dáng Xuân Diệu mãi, cho đến lúc anh nhạt nhòa vào đám đông, chợt đứng đọt: “Sao anh ấy chấy bỏng và nồng nhiệt trong thơ dường vậy, lại không thể nồng nhiệt trong đời thực?”.

Gần năm mươi năm sau, không một lời oán trách, Bạch Diệp khẽ khàng: “Có lẽ ông ý chưa hiểu hết mình nên mới lấy tôi. Đừng viết gì về ông ấy, có viết, viết về những bộ phim của tôi đây này”. Dù không nói ra, nhưng những tiếng thờ dài đầu đầu đã nói lên tất cả. Không muốn chạm sâu thêm vào nỗi đau đó, tôi từ bỏ ý định muốn xem tấm ảnh cưới của bà và Xuân Diệu. Bởi với bà, “Xuân Diệu là những gì hư ảo trong cuộc đời, những kỷ niệm vô cùng đẹp nhưng không có thật”.

Bạch Diệp hiện đang sống một mình, trong nhà chỉ có thêm một chú mèo...

Nên chăng, hãy để chúng nằm yên như nỗi đau được chôn giấu tự thủa nào. Mãi đến năm 40 tuổi, Bạch Diệp mới đi bước nữa, với ông Nguyễn Đức Tường, người thực sự thấp ngọn lửa yêu thương trong cuộc đời bà. Ngày 18 tháng 12 năm 1985, Xuân Diệu qua đời, sau một cơn đau tim đột ngột tại Hà Nội. Bạch Diệp đến, đặt một bó hoa trắng lớn (chứ không phải vòng hoa) lên nắp quan tài. Lần này, bà “tặng” ông bó hoa cuối cùng. Trong tiết trời đông lạnh cóng, bà đã đứng “bên ông”, đưa ông về nghĩa trang Văn Điển. Một cách trọn vẹn, Bạch Diệp là người phụ nữ duy nhất trong cuộc đời Xuân Diệu.

*Xuân Anh (VieTimes)  
Và tiết lộ của Tô Hoài*

## Mối tình Xuân Diệu (1916-1985) & Bạch Diệp (1929-2014) Qua di cảo thơ Phan Trọng Chánh



Nữ đạo diễn Bạch Diệp vừa qua đời ngày 17-6-2014 sau một thời gian dài trị liệu bệnh ung thư, bà hưởng thọ 85 tuổi, là một nữ đạo diễn thế hệ đầu tiên Việt Nam với phim đầu tiên Trần Quốc Toàn ra quân và hai phim truyện Ngày lễ thánh và Huyền thoại mẹ do diễn viên danh tiếng Trà Giang đóng vai chính đều được giải thưởng Bông Sen Bạc. Bà còn là đạo diễn nhiều phim nổi tiếng khác như Người về đồng cỏ, Câu chuyện làng dừa, Người chưa biết nói, Ai giận ai thương.. bà có tên trong Bách Khoa Toàn Thư Điện Ảnh Liên Xô và năm 2008 kỷ niệm 55 ngày Điện Ảnh Việt Nam bà là một trong 11 nghệ sĩ điện ảnh đương đại được tôn vinh.

Nhưng bà được mọi người biết đến hơn nữa vì bà là người thơ, là vợ của « Hoàng Tử Thi Ca Việt Nam » mối tình duy nhất có cưới hỏi nhưng chỉ được sáu tháng, hai người chia tay, để lại cho Xuân Diệu những bài thơ, bi thương, cay đắng, đau khổ vô cùng. Những năm gần đây bà có tiết lộ trên báo chí những nguyên nhân đổ vỡ của mối tình ấy và sau đó có những bài báo xúc phạm nặng nề đến danh dự nhà thơ Xuân Diệu và cả nhà thơ Huy Cận. Là người được nhà thơ Xuân Diệu ký thác di cảo tâm sự, tôi chờ đợi đến ngày bà Bạch Diệp qua đời 33 năm sau ngày Xuân Diệu qua đời, để mở lại những trang thơ di cảo Xuân Diệu. Xuân Diệu nói gì về mối tình mình, những trang thơ di cảo của ông là một lời biện minh sáng tỏ. Điều gì mà ông cho rằng như : chiếc dao cắm giữa lòng, ai cắm chiếc dao giữa lòng ông ? Điều gì mà ông cho rằng : người mà ông yêu thương nhất lại là kẻ tàn sát nhất, không nói tay như cầm gươm sắt, chẳng mũi lòng khi nghe tiếng khóc của ta ? Những bài thơ nào đã phản bác lại lời kể bà Bạch Diệp ?

Ai là người sinh ra trên cõi đời, được toàn vẹn, đạo hạnh, không tội lỗi hãy ném viên đá đầu tiên ? Nhà thơ để lại cho đời những áng thơ tuyệt tác, chúng ta yêu thơ, chúng ta bàn về tác phẩm bằng trí não, bằng thi hứng, bằng sáng tạo nhà thơ đã để lại cho đời . Chúng ta biết ơn nhà thơ đã để lại cho đời những bài thơ tuyệt tác. Xuân Diệu là một nhà thơ lớn, sáng tác riêng về thơ tình 600 bài ông bao trùm mọi góc cạnh của tình yêu, tùy theo sở thích mỗi người :

người đang nhớ nhưng có thể thấy lòng mình những bài thơ tuyệt tác về tương tư, người đang xa cách có thể thấy hàng chục bài thơ nói về xa cách, người yêu âm nhạc có thể thấy Xuân Diệu là một nhạc sĩ đầy rung cảm, người yêu hoa có thể thấy thơ Xuân Diệu đầy sắc màu của hoa... Chớ nên như người mù sờ voi, chỉ có chủ tâm sờ đuôi voi, hí hửng khi sờ vào cái « đuôi voi », thậm chí sờ vào phân voi.. xem như một khám phá mới.

Nếu Thúy Kiều từ những ngày còn thơ, đã phổ vào đời mình Cung đàn bạc mệnh, **thì Xuân Diệu từ những ngày còn thơ đã phổ vào đời mình**Vần thơ ly biệt : *Trong gặp gỡ đã có mầm ly biệt, khu vườn xưa nay đoạn tuyệt dấu hài. Hay Hoa nở để mà tàn. Trăng tròn để mà khuyết, Bèo hợp để chia tan. Người gần để ly biệt.* Lạ lùng thay Xuân Diệu chưa yêu đã nói đến biệt ly như một định mệnh, để rồi bao nhiêu người yêu như mây như gió thoáng qua đời mình rồi cũng ly biệt.

Ai là giai nhân ? : « *Mê nàng bao nhiêu người làm thơ* », các chàng thư sinh thi sĩ một thời phải « *đứng ngắm trông vờ áo tiểu thơ* ». « *Em là gái bên song cửa, anh là mây bốn phương trời, anh theo cánh gió chơi voi, em vẫn ngồi bên nhung lụa* ». và nhiều bài thơ khác mang sắc màu hoa cúc... Giai nhân được tả bằng những câu thơ đẹp nhất thế kỷ : « *Vàng vạc muôn thu nét tuyệt vời* . » Tôi có thời gian ở hơn 10 năm bên Công Viên Montsouris Paris, cạnh nhà bà, là người sưu tập tác phẩm bà và có chân trong Hội bạn nhà điêu khắc và tôi đã từng có dịp đưa các thi nhân từ trong nước sang thăm lại người xưa, người ấy là Điêu khắc gia Điềm Phùng Thị nữ danh Phùng thị Cúc. Nay bà còn để lại một Viện Bảo Tàng Điêu Khắc tại Huế và hơn 40 tượng đài khắp nước Pháp.

Tuổi thơ ấu, tâm hồn Xuân Diệu bị tổn thương vì hai cuộc chia ly : Cuộc chia ly người mẹ sinh ra mình ở Bình Định để về Hà Tĩnh với bà cả, nhà thơ không yêu mến, mẹ ruột đến thăm chỉ nhìn con từ xa. Sau 1954 bà mẹ thương con vượt sông Bến Hải ra sống với Xuân Diệu bà sống đến năm 1962. Cuộc chia ly thứ hai với chị Bốn Nhữ, người bảo bọc chăm sóc nhà thơ từ thuở chào đời, khi còn bé chị phải đi xuống Dã, nhà thơ chạy theo khóc sợ chị đi lấy chồng bỏ em, sau năm 1975 nhà thơ mới trở về đi Plây Cu thăm chị. Hai biến cố quan trọng ấy đã ảnh hưởng đến tinh thần Xuân Diệu. Từ đó cuộc chia ly nào cũng để lại trong lòng nhà thơ một xúc cảm đau đớn, ngày chia tay với Xuân Diệu sau một tháng ở Paris năm 1981, tôi đã cảm nhận điều đó. Trong thư gửi tôi ông viết : *Nhất Uyên ơi, XD có một sự xúc cảm lênh, mỗi tình cảm đều có thể trở thành một đau đớn cho XD. Ta nhớ nhau mãi mãi* (Thư XD gửi Nhất Uyên ngày 30-9-1981)

Đạo Diễn Bạch Diệp tên thật là Nguyễn Thanh Tâm sinh năm 1929 tại Hà Nội. Lên 6 tuổi học trường Saint Dominique tại Hải Phòng. Năm 1941 gia đình dọn sang Hải Dương, tham gia Tổng Khởi nghĩa phụ trách Hội Phụ Nữ Cứu Quốc, hoạt động Tỉnh Hội và trong thường vụ Liên Khu III. Từ sau năm 1955 chuyển về làm báo Nhân Dân. Năm 1956 Tổng Biên Tập Hoàng Tùng mai mối bà cùng nhà thơ Xuân Diệu lúc đó bà 27 tuổi và Xuân Diệu đã 40 tuổi. Tháng 4 năm 1958 hai người kết hôn tại cơ quan, nhà văn Đặng Thái Mai, Viện Trường Viện Văn Học làm chủ hôn, nhưng vì lý do nào đó lại không làm giấy tờ.. Tháng 10-1958 bà Bạch Diệp dứt khoát chia tay Xuân Diệu về lại nhà cha mẹ. Hai người cùng khóc .

Năm 1958 bà học khóa Đạo Diễn do Bộ Văn Hóa Thông Tin dưới sự hướng dẫn của chuyên gia Liên Xô tốt nghiệp năm 1963, bà về làm hãng Phim Truyện Việt Nam. Tác phẩm đầu tay Trần Quốc Toản ra quân được giải Bông Sen Bạc, trong Liên Hoan phim Việt Nam. Bà thực hiện nhiều phim giá trị.

Năm 1975 bà kết hôn cùng ông Nguyễn Đức Tường, nhưng không con cái, 15 năm sau ông mất.

Bà về hưu năm 1992, năm 1997 được phong danh hiệu Nghệ sĩ Nhân Dân.

Có nhiều nguyên nhân gây nên sự đổ vỡ cho tình yêu, Xuân Diệu sống cùng mẹ tầng dưới, nhà thơ Huy Cận sống tầng trên, vợ là Xuân Như em cùng mẹ khác cha Xuân Diệu. Bạch Diệp là một phụ nữ bản lĩnh, những người làm việc cùng đạo diễn Bạch Diệp, đều công nhận bà là người thích sự hoàn hảo, bà thích chủ động trong phim trường điều khiển bao nhiêu diễn viên, nhân viên, sáng tạo và thực hiện kịch bản, bà khắc khe trong công việc làm cho hoàn hảo, cũng

như trong đời sống, Xuân Diệu tìm đến một người yêu là một nàng thơ dịu dàng, cho ông một nguồn thi hứng, hai người gặp nhau : hai bản lĩnh khác nhau, đến trong cái không khí chật chội thời Hà Nội thiếu thốn sau chiến tranh, Bạch Diệp đến trong gia đình ở chung với bà mẹ Xuân Diệu, không có một không gian riêng cho đôi tình nhân, một tình bạn đã hiện diện giữa Xuân Diệu và Huy Cận, cả hai gia đình đều đổ vỡ. Đằng sau một nhà văn lớn, cần thiết một phụ nữ đảm đương tất cả mọi công việc, hiểu chồng và hiểu mọi công việc của chồng chia sẻ cùng chồng trong niềm vui sáng tạo. Xuân Diệu không có cái may mắn của Giáo Sư Hoàng Xuân Hãn, tôi có những dịp hè về dã thự Cam Tuyền, sống bên cạnh gia đình Bác Hãn, càng kính phục Bác Hãn bao nhiêu thì càng kính phục Bác gái bấy nhiêu, bác gái là một dược sĩ Tây học đầu tiên của Việt Nam, bác đảm đương mọi việc từ sinh sống gia đình, bếp núc, miếng ăn giấc ngủ cho chồng đến từng trang bản thảo của chồng bác quý hơn cả vàng, cả chuyện đất nước nhà thuốc Tây của bác gái tại Hà Nội, là nơi cung cấp thuốc men cho kháng chiến. Suốt đời ở Paris bác Hãn cũng dành hết thì giờ làm công việc nghiên cứu di sản văn học Hán Nôm Việt Nam.. Bác gái hiểu chồng, khi chồng đầu tư cả công sức vào việc trí tuệ , nghiên cứu, những hoạt động tình dục có phần giảm sút.. Với Xuân Diệu chúng ta không nên bàn đến chuyện riêng tư cá nhân, mà chỉ nên nói đến thi ca. Bạch Diệp không phải là người sinh ra để làm nàng thơ, mà để trở thành đạo diễn để điều khiển những « nàng thơ » như nghệ sĩ ưu tú Trà Giang trong tác phẩm của mình.

Bạch Diệp đã để lại cho Xuân Diệu một nguồn cảm hứng vô tận. Năm 2011 tôi có gửi tặng bà quyển Tự Điển Tình yêu Xuân Diệu, qua đạo diễn Lê Hồng Chương, Giám Đốc Trung Tâm Văn Hóa Việt Nam tại Paris, có lẽ là những ngày cuối đời bà đã đọc được toàn bộ những bài thơ Xuân Diệu viết cho bà, những bài thơ hạnh phúc và những bài thơ cay đắng. : *Mai sau dù có bao giờ , em ngồi đọc lại chùm thơ đắng này. Có ai trên trái đất này, Yêu em sâu thẳm như ngày anh yêu.* Sau cuộc tình Xuân Diệu nhớ lại chuyện cũ và làm thơ tình, hàng trăm bài thơ tình Xuân Diệu viết cho Bạch Diệp trong di cảo thơ Xuân Diệu. Chúng ta hãy đọc vài bài thơ tình Xuân Diệu viết cho Bạch Diệp :

#### THƯƠNG MẾN ĐẦU TIÊN

*Đêm thanh trời đất lắng nghiêng tai  
Em khẽ bên anh nói một lời.  
« Em mấy đêm rồi không ngủ được  
Bởi vì em nghĩ đến anh thôi. »  
Tình yêu là buổi tiệc muôn ngon  
Là suối trong xanh tắm mát hồn  
Là gió trên buồm căng phát phới,  
Là mây thương mến áp đầu non.  
Nhưng xa hơn cả mọi chân trời  
Hạnh phúc đưa ta đến tuyệt vời,  
Là lúc trời tình chao sát cánh  
Hồn ta như thể én bay đôi.  
Em ơi ! đẹp nhất khi con suối  
Mới phát nguyên ra được nửa vơi,  
Thương mến đầu tiên em chẳng ngủ  
Cũng vì em nghĩ đến anh thôi.*

#### VÀO TRONG SA MẠC

*Đã lâu đời anh ở trong sa mạc :  
Chỉ mới mười ngày em kém yêu anh  
Chỉ mới cảm nghe em với ân tình  
Anh đã một mình đi trong sa mạc.  
Anh đi vào xa vắng lắm em ơi !*



Anh chạy trốn em, rút lui vào mãi  
Cho đến lúc anh quay đầu trở lại,  
Thì quanh anh không một bóng người.  
Anh là kẻ đắm mình trong nhân loại  
Là bánh xe con vui cỗ máy đời  
Nhưng phải tội trái tim anh ngậy dại  
Thiếu ân tình thì như cánh bèo trôi.  
Bỗng xa xa nghe tiếng gọi của em,  
« Anh thương yêu » thư em về viết thế  
Tưởng ghe giọng em yêu lòng bốn bề,  
Vang cả trời em lại gọi cùng anh.  
« Anh thương yêu » thư em về viết thế,  
Để lại về ngòai bên em chan chứa ;  
Anh thôi chẳng lạc loài sa mạc nữa,  
Và cả loài người về giữa tim anh.

#### HÃY CÒN CHƯA GIẢI HẾT THƯƠNG YÊU

Hãy còn chưa giải hết thương yêu  
Còn để trong tim thương mến nhiều !  
Thư gửi đã không mang nhớ nỗi,  
Lúc gần chẳng nói được bao nhiêu.  
Lắm lúc xa em bỗng giật mình,  
Tháng ngày như ngoạm tuổi xuân xanh,  
Biết bao sự sống em tung tỏa,  
Cho gió mây mà chẳng có anh.  
Thu đến như hao lá bớt dày,  
Nắng vàng thổi lại gió heo may  
Rét vang sang gió mùa đông bắc,  
Anh xót thương em tự bấy chày.  
Muốn nói yêu em đến ruột rà,  
Nói sao cho đủ , xót đôi ta,  
Đời còn ai kẻ thương anh đó,  
Chỉ có em mà em lại xa.

Bài thơ Anh đi công tác tả cảnh Xuân Diệu đi công tác một tuần xa, dặn dò Bạch Diệp ở nhà với bà má Xuân Diệu, năm đó Bạch Diệp học trường Điện Ảnh tại Hà Nội do chuyên gia Liên Xô dạy:

#### ANH ĐI CÔNG TÁC

Anh đi công tác một tuần xa,  
Anh dặn em khi trở lại nhà.  
Chớ thấy vắng anh mà ủ dột,  
Phòng chung đừng thấy rộng thêm ra;  
Em hãy cùng ăn cơm với má,  
Hãy ra vườn thăm cây dạ hương,  
Cây ấy đọt này hoa lại nở,  
Anh đã nhờ nói hộ tình thương.  
Sách đặt trên bàn em mở xem,  
Mắt anh đêm vẫn đậu bên đèn,  
Đèn bàn khi bật lên em thấy  
Anh nhớ em ngòai viết ban đêm...  
Áo anh còn đứt mấy khuy, xin

*Em nhẹ nhàng tay đính hộ giùm.  
Thứ bảy, người đưa hoa lại đến,  
Cắm bình, em hãy ngắm đi em.  
Ít thức ăn khô anh sắp sẵn,  
Vào trường em hãy nhớ mang theo  
Chẳng nề quá mặn hay hơi nhạt,  
San sẽ cho nhau dầu ít nhiều.  
Suốt một tuần qua làm việc mệt,  
Em về nhà, hôm nghỉ cho vui  
Ra đi anh đã hôn nơi cổng  
Đặng đón em yêu cả ngọt bụi.*

Thơ Xuân Diệu có rất nhiều bài thơ viết về hoa. Theo bà Bạch Diệp: “Ông giống tôi một điểm, rất thích hoa, nên trong phòng luôn luôn có hoa tươi, thường thì là hoa hồng vàng.” Ta thử đọc bài Hoa ngọc trâm bài thơ viết đêm tân hôn.

### HOA NGỌC TRÂM

*Anh tặng cho em hoa ngọc trâm  
Hoa như ánh sáng , ngọc như mầm.  
Như cài trên tóc hoa trâm ngọc;  
Anh tặng cho em hoa ngọc trâm.  
Lá biếc đơn sơ cánh nuốt nà,  
Rung rinh trên nước một cành hoa.  
Một cành hoa nở hoa hai đũa,  
Ôi ! cái đêm đầu hợp giữa ta.  
Hoa giúp cho anh tổ mối tình,  
Vì ta, hoa đã nở năm canh..  
Dịu dàng xanh một trắng soi bóng,  
Tha thiết năm canh nguyệt trở mình.  
Từ ấy anh yêu hoa ngọc trâm,  
Những khi hoa vắng, vẫn mong thăm.  
Mỗi mùa hoa nở trong như tuyết,  
Anh lại tìm thăm hoa ngọc trâm.*

Xuân Diệu có bốn tập di cao Mai , Lan, Cúc, Trúc. Xuân Diệu còn đặt tên cho tập thơ Trúc là Bức Tượng, tên một bài thơ. Xuân Diệu làm thơ như có cảm tưởng mình là một nhà điêu khắc: Từ thuở yêu em ngay sau buổi đầu tiên. Anh đã tạc hình ảnh em trên nền trời thương nhớ.

### BỨC TƯỢNG

*Em đến thăm anh trên đôi dép cao su  
Em đã vào nhà, mà anh còn thấy bóng em in trên trời rộng  
“Khuôn mặt nhìn nghiêng dáng mũi cao  
Bấy lâu trong nhớ đẹp làm sao ! “  
Anh đã gặp em ở một bến đò  
Thương nhớ bao la trên dòng sông vắng.  
Phong cảnh đã vào chiều trời hiu hiu nắng  
Cây đôi bờ đứng lặng, nặng hồn xa..  
Anh đã gặp em ở chân ngọn núi xanh  
Núi sẫm biếc như mùa thu đọng lại.  
Trong thung lũng hoang sơ, ngô lay cờ – rộng rãi.  
Phấn ngô còn đượm mãi hồn ta.  
Anh đã gặp em bên bờ biển sóng xao  
Phi lao rì rào hồn trao cho gió.*

Bờ cát mịn dạt dào sóng vỗ  
 Niềm ân tình vạn thuở chẳng hề vơi.  
 Anh đã gặp em dưới một trời sao  
 Và đôi mắt em in vào vũ trụ.  
 Anh ngọc giữa muôn vàn tinh tú.  
 Đêm mơ màng thơm hương áo của em.  
 Từ lúc yêu em ngay sau buổi đầu tiên  
 Anh về đã tạc hình ảnh em trên nền trời thương nhớ.  
 Ở đâu có nhớ thương, anh đã đặt tượng em vào đó  
 Nên bây giờ anh nhớ đã gặp em.  
 Em đến thăm anh trên đôi dếp cao su  
 Em đã vào nhà, mà anh còn thấy bóng em in trên trời rộng,  
 In giữa đêm trường, in vào giấc mộng;  
 Vì thế mà anh lòng lộng yêu em.  
 Bài thơ Đổi trao, đặt cho ta nghi vấn về những tiết lộ bà Bạch Diệp, không có chuyện gì xảy ra  
 trong 6 tháng sống chung giữa hai người.

#### ĐỔI TRAO

Đêm qua mới thật là đêm  
 Tình như biển cả, nghĩa thêm sông dài,  
 Đôi ta đã hóa một người,  
 Bốn trời con mắt, một nơi tâm hồn.  
 Hai ta đã đổi trao hồn,  
 Đổi trao thân, vẫn hãy còn đổi trao  
 Những gì đẹp nhất thanh cao  
 Chứa chan bên mắt, nghẹn ngào bờ tim.  
 Tìm nhau mãi giữa bầu đêm  
 Ngôi sao anh với sao em mỉm cười  
 Đổi trao ánh mắt qua trời,  
 Đôi bông hoa đỏ giữa vời vô biên.

Hàng trăm bài thơ Xuân Diệu viết cho Bạch Diệp, khó mà tóm lược hết tình yêu Xuân Diệu cho  
 Bạch Diệp trong một vài trang giấy, mỗi hành động, mỗi việc làm Bạch Diệp cho Xuân Diệu đều  
 thành thơ. *Cơm áo không đùa với khách thơ*, từng trái cam, trái táo, chiếc kẹo, cái bánh, con  
 cá, bữa ăn, cái quạt, cái áo, cái chén.. bao nhiêu cánh hoa người yêu tặng cũng thành thơ. Chỉ  
 một mục Tình Hoa thôi, Xuân Diệu viết đến 18 bài thơ về hoa tặng người yêu và người yêu  
 tặng.. Xuân Diệu là người tinh tế để ý từng chi tiết, từng điều nhỏ nhặt, đừng tưởng Xuân  
 Diệu *ru với gió và vợ vẫn cùng mây*, tách rời thực tế, mà tất cả thực tế đã thành thơ trong thơ  
 Xuân Diệu.. Tôi sẽ trở lại trong từng đề mục. Ngược lại với Sử thi Iliade chỉ tả cuộc chiến thành  
 Troie trong 42 ngày nhưng qua đó là mười năm chiến cuộc. Sáu tháng cuộc tình Xuân Diệu –  
 Bạch Diệp trở thành đề tài thơ ông viết 30 năm. Tôi phải mất 3 năm để sắp xếp lại viết thành tự  
 điển.

Đã lâu rồi Xuân Diệu đã chết, người thi sĩ đã chết, như con chim ứa máu hót khúc ca cuối cùng,  
 như con chim bồ nông rút ruột rút gan cho con ăn, người thi sĩ rút tinh huyết, trải lòng mình cho  
 đời để dọn cho người đời bữa tiệc trần thế. Người thi sĩ tự hiến tế trái tim mình thành bánh cho  
 đời, máu mình thành rượu cho đời, xin mời mọi người trong đạo Thơ Tình ăn no uống cạn bữa  
 tiệc biệt ly cuối cùng. « *Người thi sĩ đã vào làng mây khói. Ở không đâu và ở khắp mọi nơi. Như  
 tiếng vọng trong sương sa dăng dỏi, Máu vu vơ theo giữa trái tim đời.* » Và khi mỗi cặp người  
 yêu đương đang tình tự nhau, có gió qua người làm động má thơ ngây. Và nghe như : « *Rằng  
 có ai, người thơ ở đâu đây ?* » Người thơ ở dưới trăng sao, ở bãi vắng, in dấu chân mờ trên cát  
 trắng, người thơ trong tiếng chim, tiếng suối, giữa ngàn lau.

Trong Di cảo Xuân Diệu đã viết những bài thơ Di chúc để lại cho Bạch Diệp : Khi nào em đã yêu anh : *Khi ta đã ngọt bùi, đắng cay anh kể. Anh sẽ không trả thù, mà chỉ để yêu thêm.*

#### CÒN MỘT TRÁI TIM

*Dù cho đến giờ cây bút lặng im  
Vẫn còn một trái không nghĩ  
Vẫn còn một trái tim chung thủy  
Dù đến giờ bút nghỉ đời im.  
Một trái tim nổi mãi không chìm  
Dù có đá buộc vào trăm tấn  
Như cá chuồn trái tim bay lẩn  
Ném thia thia qua biển thời gian.  
Một trái tim đất phải nhả ra  
Vì tim đã hóa là vô ảnh  
Tim vẫn đập trên trang giấy mảnh  
Trong hoa hồng, nơi những cánh chim.  
Một trái tim khó kiếm khôn tìm,  
Mượn ngực của những người muôn thế kỷ..  
Một trái tim, trái tim thi sĩ  
Vì cuộc đời chung thủy vì em.*

#### NHỮNG GÌ VĨNH CỬU

*Những gì vĩnh cửu em nói với anh  
Anh đã chép lên trời xanh tinh khiết  
Anh đã tạc vào đá vàng bất diệt  
Đã ghi vào dòng nước biếc trẻ tuôn.  
Những đêm hòa hơi thở của em thom  
Với bóng trăng thanh và hương thảo mộc  
Những ngày ánh nước da em bán mặt  
Lên nặng chiều thu, lên gương trưa hè.*

#### DI CHỨC

*Tôi nhận cái này từ đã lâu  
Bây giờ nó tới đầu hơi mau  
Đã không tránh khỏi thì tôi tiếp  
Một cách đau thương, nhưng ngẩng đầu.  
Ai có thích cái gì đi mãi mãi  
Vô trong cái cõi chẳng mô tê  
Một khi cập bến vào vô tận  
Thì đến vô biên chẳng trở về.  
Tuy vậy tôi đã sống hết mình  
Suốt đời không một phút coi khinh  
Tôi coi trọng nhất khi làm việc  
Họa có thua khi sống với tình.  
Cái quả cam này đã vắt hết  
Hiến cho non nước, hiến đời thân  
Tuy không biết đến bao giờ kiệt  
Nhưng dầu sao thì cũng phải dừng.  
Hãy để cho tôi được già từ  
Vẫy chào cõi thực để vào hư.*

*Trong hơi thở chót dăng trời đất,  
Cũng vẫn si tình đến ngất ngư.*

#### EM VÀ VŨ TRỤ

*Giờ đây vũ trụ đã nhập vào em  
Em là nỗi nhớ thương vẫn tràn đầy trong nhạc,  
Em là niềm êm dịu, đời đời ta khép mắt đêm  
Em là hạt cườm trong cổ những con chim hót.*

#### KHI EM ĐÃ YÊU ANH

*Có một ngày mai đó  
Khi em đã yêu anh  
Anh sẽ kể hết tâm tình,  
Anh sẽ kể em nghe bao khổ đau anh đã trải chịu.  
Anh sẽ không trả thù, mà chỉ càng cảm tạ em yêu.  
Thế nào là mỗi phút của anh từ sau khi hai ta quen biết,  
Thế nào là hai con mắt mở, nhớ mong chong giữa trái tim;  
Em cũng chưa biết hết thế nào là em,  
Em được yêu mến như thế nào ở trên trái đất,  
Anh thui thủi cứ nằm gai nếm mật,  
Còn em là nước sôi lửa bỏng của lòng anh.*

.....

*Ôi em à !*

*Mẹ thương con không thể lấy thước mà đo,  
Đã gọi là tình yêu, tất nó phải là như thế.  
Khi ta đã ngọt bùi, đắng cay anh sẽ kể,  
Anh sẽ không trả thù, mà chỉ để yêu thêm.*

Đó là những bài thơ cuối cùng Xuân Diệu viết cho Bạch Diệp, nữ đạo diễn vừa qua đời ngày 17-6-2004. Xuân Diệu đã qua đời năm 1985, nhưng thơ ông vẫn còn trong trái tim mỗi người Việt Nam khi yêu nhau. *Hỏi em từ độ yêu tôi, tình ta còn đọng thơ người trong tim.*

2-72-014